BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 06 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH QUY PHẠM HOÁ CHÍNH SÁCH CỦA DỰ ÁN LUẬT QUẢN LÝ THUẾ (THAY THẾ)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trên cơ sở các chính sách dự kiến xây dựng, cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến nội dung quy phạm hóa như sau:

TÊN CHÍNH SÁCH	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH	DỰ KIẾN QUY ĐỊNH
Chính sách 1: **Nhóm chính sách cải cách thủ tục hành chính trong quản lý thuế** (sửa đổi, bổ sung tại 19 Điều)		
1.1. Điều 16. Quyền của người nộp thuế	Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC về thành phần hồ sơ, quy trình xử lý, thời gian giải quyết, hỗ trợ người nộp thuế trong công tác đăng ký, kê khai, quyết toán, hoàn thuế nhằm giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp	**Điều 16. Quyền của người nộp thuế** Bổ sung khoản mới **"15. Người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế được ưu tiên trong thực hiện thủ tục hành chính thuế theo quy định của Chính phủ.**
1.2 Điều 18. Nhiệm vụ của cơ quan thuế	Mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử hóa và tự động hóa quy trình giải quyết TTHC, nâng cao tỷ lệ cung cấp dịch	**Điều 18. Nhiệm vụ của cơ quan thuế** Bổ sung khoản mới 13. **cơ quan thuế có trách nhiệm sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân trên cơ sở trao đổi, cung cấp thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại Điều 30 Luật Quản lý thuế để giải quyết thủ tục hành chính cho người nộp thuế**

	vụ công trực tuyến toàn trình; (iii) tăng cường liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong và ngoài ngành Thuế	
1.3. Điều 31. Hồ sơ đăng ký thuế lần đầu	cắt giảm, đơn giản hóa TTHC về thành phần hồ sơ, quy trình xử lý, thời gian giải quyết, hỗ trợ người nộp thuế trong công tác đăng ký, kê khai, quyết toán, hoàn thuế nhằm giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp	**Điều 31. Hồ sơ đăng ký thuế lần đầu** 2. Người nộp thuế là tổ chức đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế thì hồ sơ đăng ký thuế bao gồm: a) Tờ khai đăng ký thuế; b) Bản saogiấy phép thành lập và hoạt động, quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ tương đương khác do cơ quan có thẩm quyền cấp phép còn hiệu lực **theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với từng loại hình tổ chức, trừ trường hợp thông tin các giấy tờ này đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ quan thuế có quyền truy vấn, khai thác**; c) Các giấy tờ khác có liên quan. 3. Người nộp thuế là hộ gia đình, ~~hộ kinh doanh,~~ cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế thì hồ sơ đăng ký thuế bao gồm: a) Tờ khai đăng ký thuế hoặc tờ khai thuế **có tích hợp thông tin đăng ký thuế**; b) Bản sao ~~giấy chứng minh nhân dân, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc bản sao~~ hộ chiếu **hoặc giấy tờ pháp lý của cá nhân còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài chưa có số định danh cá nhân do Bộ Công an cấp, trừ trường hợp thông tin các giấy tờ này đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ quan thuế có quyền truy vấn, khai thác**; ...
1.4. Điều 32. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế lần đầu	Mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử hóa và tự động hóa quy trình giải quyết TTHC, nâng cao tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình;	**Điều 32. Địa điểm nộpCơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế lần đầu** 1. Người nộp thuế đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh thì ~~địa điểm~~ nộp hồ sơ đăng ký thuế ~~là địa điểm nộp~~**cùng với** hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. **Cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế từ cơ quan đăng ký kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông.** 2. Người nộp thuế đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế thì ~~địa điểm nộp~~**cơ quan thuế tiếp nhận** hồ sơ đăng ký thuế được quy định như sau: a) Tổ chức, ~~hộ kinh doanh,~~ cá nhân kinh doanh nộp hồ sơ đăng ký thuế đến cơ quan thuế nơi tổ chức, ~~hộ kinh doanh,~~ cá nhân kinh doanh đó có trụ sở. **Trường hợp cá nhân kinh doanh không có địa điểm kinh doanh cố định thì nộp hồ sơ đăng ký thuế đến cơ quan thuế nơi cá nhân đăng ký thường trú hoặc tạm trú;** ... **d) Tổ chức ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân nước ngoài không cư trú tại Việt**

		Nam nhưng phát sinh nghĩa vụ thuế tại Việt Nam và trực tiếp đăng ký thuế thì nộp hồ sơ đăng ký thuế đến cơ quan thuế được giao quản lý khoản thu thông qua cổng thông tin điện tử.
1.5. Điều 34. Cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế	Mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử hóa và tự động hóa quy trình giải quyết TTHC, nâng cao tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình;	**Điều 34. Cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế** **3. Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế được cấp dưới dạng điện tử có giá trị pháp lý tương đương bản giấy. Người nộp thuế có thể truy cập, tải về và in Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế từ cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.** **4.** Trường hợp người nộp thuế bị mất, rách, nát, cháy giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc thông báo mã số thuế **đã được cấp trước đây và chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế dưới dạng điện tử,** cơ quan thuế cấp lại **giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế cho người nộp thuế dưới dạng điện tử** trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị của người nộp thuế theo quy định.
1.6. Điều 43. Hồ sơ khai thuế và kỳ tính thuế	cắt giảm, đơn giản hóa TTHC về thành phần hồ sơ, quy trình xử lý, thời gian giải quyết, hỗ trợ người nộp thuế trong công tác đăng ký, kê khai, quyết toán, hoàn thuế nhằm giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp	**Điều 43. Hồ sơ khai thuế và kỳ tính thuế** **...4. ~~Chính phủ~~ Bộ trưởng Bộ Tài chính** hướng dẫn chi tiết **Điều này và các trường hợp người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế.**
1.7. Điều 48. Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế	Mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử hóa và tự động hóa quy trình giải quyết TTHC, nâng cao tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình;	**Điều 48. Hình thức nộp hồ sơ khai thuế và Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế** **1. Người nộp thuế thực hiện nộp hồ sơ khai thuế qua cổng giao dịch điện tử của cơ quan thuế hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.** **2. Trường hợp người nộp thuế không đáp ứng các điều kiện để giao dịch điện tử thì nộp hồ sơ khai thuế trực tiếp tại cơ quan quản lý thuế hoặc qua đường bưu chính.** **3. Cơ quan quản lý thuế nơi tiếp nhận hồ sơ khai thuế có trách nhiệm thông báo cho người nộp thuế về việc tiếp nhận, chấp nhận, không chấp nhận hồ sơ khai thuế. Bộ Tài chính quy định thời hạn cơ quan thuế phải ban hành thông báo gửi người nộp thuế.**

1.8. Điều 60. Xử lý số tiền thuế nộp thừa	Mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử hóa và tự động hóa quy trình giải quyết TTHC, nâng cao tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình;	**Điều 60. Xử lý số tiền thuế nộp thừa** 1. Người nộp thuế có số tiền thuế **nộp thừa trừ các trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế**[1] thì được bù trừ số tiền thuế, nộp thừa với số tiền thuế, **phải nộp** hoặc được hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa khi người nộp thuế không còn **tiền thuế nợ.** **a) Cơ quan quản lý thuế xử lý bù trừ tự động số tiền thuế nộp thừa với số tiền thuế phải nộp của người nộp thuế như sau:** **a.1) Cơ quan quản lý thuế xử lý bù trừ tự động số tiền thuế nộp thừa với số tiền thuế phải nộp của người nộp thuế theo thứ tự thanh toán tại Điều 57 của Luật này trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày phát sinh số tiền thuế nộp thừa và số tiền thuế nộp thừa, số tiền thuế phải nộp đủ điều kiện bù trừ.** **a.2) Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh số tiền thuế nộp thừa, cơ quan quản lý thuế cung cấp thông tin cho người nộp thuế về số tiền thuế nộp thừa qua tài khoản giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế.** **a.3) Sau 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xử lý bù trừ tự động, cơ quan quản lý thuế cập nhật hồ sơ thuế và thông báo cho các cơ quan liên quan (nếu có) về việc thanh toán tiền thuế nợ, cung cấp thông tin cho người nộp thuế về số tiền thuế nộp thừa trước khi xử lý bù trừ tự động, số tiền thuế phải nộp đã được bù trừ; số tiền thuế nộp thừa còn lại (nếu có).** **a.4)Sau khi nhận được thông tin của cơ quan thuế, người nộp thuế phát sinh vướng mắc về số tiền thuế nộp thừa, số tiền thuế phải nộp đã được bù trừ với số tiền thuế nộp thừa thì liên hệ với cơ quan thuế cung cấp thông tin để được giải quyết. Trường hợp số tiền thuế nợ đã bù trừ cao hơn số tiền thuế nợ thực tế thì được xác định là số tiền thuế nộp thừa.** **Trường hợp cơ quan quản lý thuế điều chỉnh khoản tiền đã bù trừ tự động theo đề nghị của người nộp thuế thì người nộp thuế được điều chỉnh tiền chậm nộp đã tính tương ứng.** **b)** Trường hợp người nộp thuế đề nghị bù trừ tiền thuế nộp thừa với số tiền thuế **phải nộp** thì không tính tiền chậm nộp tương ứng với khoản tiền bù trừ trong khoảng thời gian từ ngày phát sinh **số tiền thuế** nộp thừa đến ngày cơ quan quản lý thuế thực hiện bù trừ. 2. Trường hợp người nộp thuế yêu cầu hoàn trả số tiền thuế nộp thừa thì **thực hiện các thủ tục, trình tự và thẩm quyền hoàn nộp thừa theo quy định tại Chương VIII Luật này.**
1.9. Điều 73. Phân loại hồ sơ hoàn thuế	Mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử hóa và tự động hóa quy	**Điều 73. Phân loại hồ sơ hoàn thuế** **Khoản 2.** đ) Hồ sơ hoàn thuế thuộc trường hợp hoàn thuế trước nhưng hết thời hạn theo thông báo **của cơ quan thuế** bằng văn bản **hoặc bằng điện tử, mà người** nộp thuế **không giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế hoặc** có giải trình, bổ sung hồ

[1] Cần bổ sung cụm từ "trừ các trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế" để phân biệt giữa tiền thuế nộp thừa với hoàn thuế theo chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, thuế nhập khẩu

	trình giải quyết TTHC, nâng cao tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình;	sơ hoàn thuế nhưng không chứng minh được số tiền thuế đã khai là đúng;
1.10. Điều 76. Thẩm quyền quyết định hoàn thuế	Mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử hóa và tự động hóa quy trình giải quyết TTHC, nâng cao tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình;	**Điều 76. Thẩm quyền quyết định hoàn thuế** ...2. Thủ trưởng cơ quan **quản lý** thuế nơi tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế nộp thừa quyết định việc hoàn thuế, **thu hồi hoàn thuế** đối với trường hợp hoàn trả tiền nộp thừa theo quy định của Luật này. **Trường hợp hoàn thuế tự động thì ứng dụng của cơ quan thuế được quyền quyết định việc hoàn thuế thay cho Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế.** ...
1.11. Điều 103. Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế	Mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử hóa và tự động hóa quy trình giải quyết TTHC, nâng cao tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	**Điều 103. Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế** **....** **2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế được gửi đến cơ quan thuế quản lý địa bàn nơi tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế đóng trụ sở chính theo phương thức giao dịch điện tử.** **.....**
Chính sách 2: **Nhóm chính sách phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế** (sửa đổi, bổ sung tại 38 Điều)		
2.1. Điều 5a	Phân quyền trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ: chia trách nhiệm, quyền hạn giữa các cấp quản lý thuế để tăng cường hiệu quả công tác, giảm tải cho các cơ quan quản lý trung ương và tạo điều kiện	**Điều 5a. Phạm vi quản lý các khoản thu ngân sách** **1. Các khoản thu do cơ quan quản lý thuế quản lý thu bao gồm: thuế** (trừ **thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp) và các khoản thu khác theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Luật này.** **2. Các khoản thu do cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, cơ quan thuế tổ chức thu theo quy định của pháp luật, gồm:** a) Thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập; chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp; thu chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ theo quyết định/thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. b. Thu tiền chậm nộp khoản thu do cơ quan chuyên ngành quản lý, cơ quan thuế tổ chức thu. c, Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật. **3. Các khoản thu cơ quan thuế tổ chức hạch toán, theo dõi thu, bao gồm:**

	thuận lợi cho người nộp thuế;	a) Tiền nộp ngân sách nhà nước từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; b) Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật về đất đai; c) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính; d) Tiền nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công từ việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí; **đ, Thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.** **e, Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật.** f, Tiền chậm nộp khoản thu do cơ quan nhà nước quản lý thu. g, Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật."
2.2. Điều 7. Đồng tiền khai thuế, nộp thuế	Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ: chia trách nhiệm, quyền hạn giữa các cấp quản lý thuế để tăng cường hiệu quả công tác, giảm tải cho các cơ quan quản lý trung ương và tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế	**Điều 7. Đồng tiền khai thuế, nộp thuế** 1. Đồng tiền khai thuế, nộp thuế là Đồng Việt Nam, trừ các trường hợp được phép khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi **theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và trường hợp được khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu bằng ngoại tệ theo quy định của Chính phủ[2]. Người nộp thuế khai thuế bằng đồng tiền nào thì thực hiện nộp thuế bằng đồng tiền đó.** ... 3. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, đồng tiền nộp thuế là Đồng Việt Nam, trừ các trường hợp được phép khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi theo quy định của **Bộ trưởng Bộ Tài chính**. Tỷ giá tính thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan. 4. **Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quy đổi tỷ giá từ đồng tiền nộp thuế sang đồng tiền khai thuế và việc quy đổi giữa các loại ngoại tệ theo tỷ giá quy đổi so với đồng tiền Việt Nam cho các trường hợp được khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi quy định tại khoản 1 Điều này.**
2.3. Điều 12. Hợp tác quốc tế về thuế của cơ quan quản	Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ: chia trách nhiệm, quyền	**Điều 12. Hợp tác quốc tế về thuế của cơ quan quản lý thuế** **...5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản 2 và 4 Điều này.**

[2] Tại khoản 3 Điều 17 dự thảo NĐ về thuế TTTC có quy định về đồng ngoại tệ nộp thuế

lý thuế	hạn giữa các cấp quản lý thuế để tăng cường hiệu quả công tác, giảm tải cho các cơ quan quản lý trung ương	
2.4. Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có liên quan trong công tác quản lý thuế	**Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ** 1. Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thuế, phí, lệ phí **và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước** và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý thuế, **thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu.** **b) Ban hành quy định về thủ tục, quy trình nghiệp vụ thu, nộp thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;** c) **Trình Thủ tướng Chính phủ chiến lược về cải cách hệ thống thuế dài hạn** d) Tổ chức việc thực hiện quản lý thuế, **phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước** theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; **...;** **e) Thống nhất quản lý, chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức thực hiện công tác thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật đối với cơ quan quản lý thuế và cơ quan khác được nhà nước giao nhiệm vụ thu phí, lệ phí hoặc thu khác thuộc ngân sách nhà nước;** f) **Kiểm tra, kiểm soát các nguồn thu của ngân sách nhà nước, việc chấp hành các quy định của pháp luật về thu, nộp ngân sách nhà nước và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;** giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thực hiện pháp luật về thuế theo thẩm quyền g) Tổ chức thực hiện **hội nhập**, hợp tác quốc tế về thuế **theo quy định của Chính phủ** 2. Bộ Công an có trách nhiệm sau đây: a) Kết nối, **chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ quản lý thuế do Bộ Công an là đơn vị đầu mối quản lý: phối hợp với cơ quan quản lý thuế để kết nối, chia sẻ về thông tin của công dân, các thông tin thay đổi của công dân cho Bộ Tài chính (cơ quan thuế) tự động theo phương thức điện tử; chia sẻ, kết nối dữ liệu xuất nhập cảnh,** tiếp nhận thông tin với cơ quan quản lý thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, **đường thủy** khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng theo quy định của pháp luật; **kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về các thủ tục hành chính liên quan đến xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai dành cho tổ chức và cá nhân; kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên, khoáng sản để phục vụ việc xác định mức thuế tài nguyên, khoáng sản, thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai của cơ quan nhà nước.** b) Tổ chức tiếp nhận, xử lý, giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố, tiếp nhận các hồ sơ do cơ quan quản lý thuế phát hiện hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm trong lĩnh vực thuế chuyển đến, tiến hành điều tra, xử lý tội phạm trong lĩnh vực thuế theo quy định của pháp luật **và thông báo bằng văn bản kết quả điều tra cho cơ quan**

		quản lý thuế; trường hợp không khởi tố vụ án hình sự hoặc đình chỉ điều tra vụ án thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý thuế biết rõ lý do và chuyển hồ sơ cho cơ quan quản lý thuế giải quyết theo thẩm quyền. **c) Phối hợp với cơ quan thuế trong phòng chống vi phạm pháp luật về thuế trong việc điều tra, xử lý các hành vi gian lận thuế, trốn thuế, chuyển giá, mua bán hóa đơn bất hợp pháp, truy thu thuế đối với các đối tượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế nhưng cố tình chây ỳ, tẩu tán tài sản.** **d) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước và cơ quan thuế để giám sát các giao dịch ngân hàng của các đối tượng rủi ro về thuế, có dấu hiệu rửa tiền, trốn thuế; hỗ trợ truy vết dòng tiền, truy thu thuế đối với các đối tượng lợi dụng nền tảng số để tránh nghĩa vụ thuế.** **đ) Chỉ đạo các đơn vị liên quan cung cấp thông tin, phối hợp với cơ quan thuế làm cơ sở xác định doanh thu đối với hộ, cá nhân kinh doanh để tính thuế gồm: Hệ thống giám sát hành trình các phương tiện vận tải của các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ vận tải; Hệ thống dữ liệu camera giám sát an ninh, trật tự theo từng địa bàn; Hệ thống dữ liệu về phòng cháy chữa cháy; Hệ thống cơ sở dữ liệu về cư trú của công dân.** 3. Bộ Công Thương có trách nhiệm sau đây: **a) Phối hợp với Bộ Tài chính và cơ quan quản lý thuế trong quản lý hoạt động thương mại điện tử, kinh tế số: Xây dựng, vận hành hệ thống giám sát giao dịch thương mại điện tử, kết nối với cơ quan quản lý thuế để cung cấp thông tin; Chia sẻ dữ liệu liên quan đến sàn giao dịch thương mại điện tử, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ số, trung gian thanh toán để hỗ trợ cơ quan thuế trong việc xác định nghĩa vụ thuế.** **b) Phối hợp với Bộ Tài chính và cơ quan quản lý thuế trong việc giám sát, kiểm soát các giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ xuyên biên giới; hỗ trợ cơ quan quản lý thuế trong việc theo dõi hoạt động nhập khẩu hàng hóa qua các nền tảng trực tuyến, giám sát dòng tiền thanh toán xuyên biên giới để xác định nghĩa vụ thuế; cung cấp thông tin về các doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam nhưng có doanh thu từ Việt Nam để hỗ trợ quản lý thuế đối với các dịch vụ số xuyên biên giới.** **c) Phối hợp với Bộ Tài chính và cơ quan quản lý thuế trong việc quản lý thuế đối với các mô hình kinh doanh mới: định danh và thống kê các loại hình kinh doanh mới trên nền tảng số; quy định trách nhiệm của các đơn vị trung gian thanh toán, cổng thanh toán điện tử, ví điện tử, ngân hàng số trong việc cung cấp dữ liệu giao dịch để hỗ trợ quản lý thu thuế; quy định trách nhiệm các nền tảng thương mại điện tử, ứng dụng kinh doanh số báo cáo doanh thu, số lượng giao dịch để phục vụ công tác quản lý thuế.** **d) Phối hợp với cơ quan quản lý thuế trong kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực thương mại và thuế: phối hợp với cơ quan quản lý thuế trong kiểm tra, xử lý tổ chức, cá nhân kinh doanh trên nền tảng số có dấu hiệu trốn thuế, kê khai sai doanh thu; xây dựng cơ chế kiểm soát hàng hóa lưu thông trên sàn thương mại điện tử tránh tình trạng kê khai giá trị hàng hóa sai để trốn thuế;** đ) ... 4. **Bộ Khoa học và Công nghệ** có trách nhiệm sau đây: **a) Phối hợp với Bộ Tài chính và cơ quan quản lý thuế để nghiên cứu, ứng dụng công nghệ hiện đại như ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, tự động hóa quy trình trong quản lý thuế; Hỗ trợ cơ quan quản lý thuế trong xây dựng hệ thống quản lý thuế thông minh có khả năng phân tích dữ liệu, phát hiện gian lận, đánh giá rủi ro về thuế; Xây dựng các mô hình thử nghiệm để triển khai công nghệ mới**

trong lĩnh vực quản lý thuế, đảm bảo hiệu quả trước khi ứng dụng rộng rãi,

b) Phối hợp, hỗ trợ cơ quan quản lý thuế trong việc chuẩn hóa và tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn; hỗ trợ triển khai ứng dụng blokchain trong hóa đơn, chứng từ thuế điện tử, truy xuất nguồn gốc giao dịch nhằm bảo đảm tính minh bạch; hỗ trợ đổi mới sáng tạo và phát triển công nghệ thuế

c) Phối hợp với Bộ Công An, Bộ Tài chính để bảo vệ hệ thống dữ liệu thuế trước các rủi ro tấn công mạng, giả mạo dữ liệu; Hỗ trợ cơ quan thuế về ứng dụng công nghệ mã hóa và bảo mật thông tin để bảo đảm an toàn cho dữ liệu người nộp thuế.

d) ...

5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm sau đây:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức tín dụng trong việc kết nối, cung cấp thông tin với cơ quan quản lý thuế liên quan đến giao dịch qua ngân hàng của tổ chức, cá nhân, **tiếp nhận các quyết định cưỡng chế tài khoản của cơ quan quản lý thuế bằng phương thức điện tử** và phối hợp với cơ quan quản lý thuế thực hiện biện pháp cưỡng chế theo quy định của Luật này; **cung cấp thông tin về chủ tài khoản nghi ngờ có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thuế và thông tin các giao dịch liên quan theo yêu cầu của cơ quan thuế (định kỳ và khi có yêu cầu).**

b)...,

c)) **Phối hợp với Bộ Tài chính và cơ quan quản lý thuế trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giao dịch tài chính nhằm xác định nghĩa vụ thuế của các tổ chức, cá nhân có thu nhập từ kinh doanh trên nền tảng số, thương mại điện tử và giao dịch xuyên biên giới;** Thiết lập cơ chế quản lý, giám sát các giao dịch thanh toán hỗ trợ công tác quản lý thuế đối với hoạt động **thương mại điện tử,** cung cấp dịch vụ xuyên biên giới trong thương mại điện tử. **Kiểm soát dòng tiền từ các hoạt động kinh doanh trên nền tảng số thông qua việc xây dựng quy định yêu cầu các sàn thương mại điện tử, nền tảng kinh doanh số cung cấp thông tin tài khoản nhận tiền của người bán.**

d) **Phối hợp Bộ Công an, Bộ Tài chính trong việc kiểm soát, phát hiện và xử lý các hành vi rửa tiền, chuyển giá, sử dụng tài khoản ngân hàng để che dấu doanh thu và trốn thuế; yêu cầu các tổ chức cung cấp dịch vụ ví điện tử báo cáo giao dịch giá trị lớn, giao dịch bất thường liên quan đến thuế;**

đ) Phối hợp cơ quan quản lý thuế triển khai các phương thức thanh toán thuế điện tử, kết nối giữa hệ thống ngân hàng và hệ thống quản lý thuế để đảm bảo thu thuế nhanh chóng chính xác; khuyến khích sử dụng công nghệ blockchain trong xác thực giao dịch thuế đảm bảo tính minh bạch và chống gian lận thuế;

6. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm sau đây:

a) Phối hợp với Bộ Tài chính và cơ quan quản lý thuế trong việc cung cấp số liệu về hoạt động sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản để xác định nghĩa vụ thuế; hỗ trợ cơ quan quản lý thuế tăng cường quản lý thuế đối với hoạt động thuộc đối tượng miễn, giảm thuế trong nông nghiệp.

b)Phối hợp cơ quan quản lý thuế trong xác định nghĩa vụ thuế đối với hoạt động mua bán tiu chi các hon, tài nguyên thiên nhiên.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan chức năng phối hợp với cơ quan quản lý thuế trong việc quản lý các khoản thu liên quan đến đất đai, tài sản gắn liền với đất và tài nguyên khoáng sản; **cung cấp thông tin về hoạt động khai thác**

		tài nguyên, khoáng sản nhằm đảm bảo thu đúng thu đủ các loại thuế liên quan; xây dựng cơ chế giám sát trực tuyến đối với hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản để kiểm soát sản lượng khai thác thực tế tránh gian lận thuế. d)... 7. Bộ **Xây dựng** có trách nhiệm sau đây: **a) Phối hợp cung cấp thông tin và dữ liệu liên quan đến dự án xây dựng, giấy phép xây dựng. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động xây dựng đảm bảo tích hợp và kết nối dữ liệu với hệ thống quản lý thuế điện tử.**
2.5. Điều 19. Quyền hạn của cơ quan quản lý thuế	Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:	**Điều 19. Quyền hạn của cơ quan quản lý thuế** **...12. Chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế trong trường hợp tập đoàn đa quốc gia không thông báo chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam theo quy định của Chính phủ.**
2.6. Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức tín dụng	Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:	**Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức tín dụng** ...2. **Tổ chức tín dụng** cung cấp thông tin về **số liệu** tài khoản **thanh toán** theo mã số thuế **hoặc số định danh cá nhân** của người nộp thuế khi mở tài khoản **tại tổ chức tín dụng, cung cấp giao dịch thanh toán qua ngân hàng của người nộp thuế cho cơ quan quản lý thuế theo yêu cầu bằng phương thức điện tử. Thời hạn cung cấp thông tin theo quy định của Chính phủ.**
2.7 Điều 30. Đăng ký thuế và mã số thuế	Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ	**Điều 30. Đăng ký thuế và mã số thuế** 1. Người nộp thuế phải thực hiện đăng ký thuế trước khi bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc có phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước **hoặc được hoàn thuế theo quy định của pháp luật. Người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế như sau:** **...c) Đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia là người nộp thuế theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầuthực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế được giao quản lý khoản thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định của Chính phủ.** ...3. Việc cấp mã số thuế của **cơ quan thuế** được quy định như sau: ...d) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay được cấp mã số thuế nộp thay **riêng** để thực hiện khai thuế, nộp thuế thay cho người nộp thuế **khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;** ...
2.8. Điều 42. Nguyên tắc khai thuế, tính thuế	Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:	**Điều 42. Nguyên tắc khai thuế, tính thuế** .... c)Việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế phải được Bộ trưởng Bộ Tài chính **phê duyệt trước khi thực hiện.** **7. Trường hợp tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khai thuế thay, nộp thuế thay hoặc khấu trừ, nộp thuế thay cho người nộp thuế thì có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về khai thuế, nộp thuế như quy định đối**

		với người nộp thuế. Chính phủ quy định chi tiết các tổ chức, cá nhân thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay hoặc khấu trừ, nộp thuế thay.
2.9. Điều 43. Hồ sơ khai thuế và kỳ tính thuế	Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:	**Điều 43. Hồ sơ khai thuế và kỳ tính thuế** ...**4. ~~Chính phủ~~ Bộ trưởng Bộ Tài chính** hướng dẫn chi tiết **Điều này và các trường hợp người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế.**
2.10. Điều 44. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế	Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:	**Điều 44. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế** **...5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này**
2.11. Điều 46. Gia hạn nộp hồ sơ khai thuế	Phân quyền quyết định trong giải quyết thủ tục quản lý thuế	**Điều 46. Gia hạn nộp hồ sơ khai thuế** ...3. Người nộp thuế phải gửi đến cơ quan thuế **nơi người nộp thuế khai thuế** văn bản đề nghị gia hạn nộp hồ sơ khai thuế trước khi hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, trong đó nêu rõ lý do đề nghị gia hạn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an xã, phường, ~~thị trấn~~ nơi phát sinh trường hợp được gia hạn quy định tại khoản 1 Điều này**, trừ trường hợp người nộp thuế gặp khó khăn đặc biệt theo quy định của Chính phủ.** ...
2.12. Điều 47. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế	Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:	**Điều 47. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế** **...4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.**
2.13. Điều 48. Hình thức nộp hồ sơ khai thuế và Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế	Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:	**Điều 48. Hình thức nộp hồ sơ khai thuế và Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế** ... **3... Chính phủ quy định thời hạn cơ quan thuế phải ban hành thông báo gửi người nộp thuế.**
2.14. Điều 50. Ấn định thuế đối với người nộp thuế trong	Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:	**Điều 50. Ấn định thuế đối với người nộp thuế trong trường hợp vi phạm pháp luật về thuế** ... **5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể về phương pháp, trình tự, thủ tục ấn định thuế phù hợp với từng loại hình vi phạm pháp luật thuế.**

trường hợp vi phạm pháp luật về thuế		...
2.15. Điều 60. Xử lý số tiền thuế nộp thừa	Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:	**Điều 60. Xử lý số tiền thuế nộp thừa** ... 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thẩm quyền, thủ tục xử lý tiền thuế nộp thừa, **ngày phát sinh số tiền thuế nộp thừa** quy định tại Điều này.
2.16. Điều 63. Gia hạn nộp thuế trong trường hợp đặc biệt	Phân định rõ nhiệm vụ được phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:	**Điều 63. Gia hạn nộp thuế trong trường hợp đặc biệt** **Trong từng thời kỳ nhất định,** Chính phủ quyết định việc gia hạn nộp thuế cho các đối tượng, ngành, nghề kinh doanh gặp khó khăn đặc biệt **(quy định đối tượng, loại thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu, thời gian, trình tự thủ tục, thẩm quyền, hồ sơ gia hạn nộp thuế trong trường hợp đặc biệt).** Việc gia hạn nộp thuế không dẫn đến điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước đã được Quốc hội quyết định.
2.17. Điều 76. Thẩm quyền quyết định hoàn thuế	Phân định rõ nhiệm vụ được phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:	**Điều 76. Thẩm quyền quyết định hoàn thuế** **1. Cục trưởng Cục Thuế, Chi cục trưởng Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Chi cục trưởng Chi cục Thuế thương mại điện tử, Giám đốc Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Trưởng thuế cơ sở** quyết định việc hoàn thuế, **thu hồi hoàn thuế** đối với trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế. **Trường hợp hoàn thuế tự động thì ứng dụng của cơ quan thuế được quyền quyết định việc hoàn thuế thay cho Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế. (đã được sửa đổi tại Luật số 56/2024/QH15).** 2. Thủ trưởng cơ quan **quản lý** thuế nơi tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế nộp thừa quyết định việc hoàn thuế, **thu hồi hoàn thuế** đối với trường hợp hoàn trả tiền nộp thừa theo quy định của Luật này. **Trường hợp hoàn thuế tự động thì ứng dụng của cơ quan thuế được quyền quyết định việc hoàn thuế thay cho Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế.** 3. Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan **khu vực** nơi phát sinh số tiền thuế được hoàn quyết định việc hoàn thuế, **thu hồi hoàn thuế** đối với trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính ~~quy định~~**hướng dẫn** trình tự, thủ tục,**thẩm quyền** hoàn thuế, **thu hồi hoàn thuế**.
2.18. Điều 81. Cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế	Phân cấp và phân định rõ nhiệm vụ trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:	**Điều 81. Cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế** **1. Cơ quan quản lý thuế tiếp nhận hồ sơ miễn thuế, giảm thuế trong các trường hợp sau đây:** a) Trường hợp người nộp thuế tự xác định số tiền thuế được miễn, giảm **trên hồ sơ khai thuế, cơ quan thuế** tiếp nhận hồ sơ miễn thuế, giảm thuế **là cơ quan thuế có trách nhiệm** tiếp nhận hồ sơ khai thuế **theo** quy định tại Chương IV của Luật này. b) Trường hợp cơ quan **hải quan** quyết định miễn thuế, giảm thuế đối với thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế, cơ quan hải quan **có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế** theo quy định của Chính phủ **c) Trường hợp cơ quan quản lý thuế quyết định hoặc thông báo miễn thuế, giảm thuế, miễn hoặc giảm các**

		khoản thu thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật liên quan, cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế, miễn hoặc giảm các khoản thu được giao quản lý của người nộp thuế. **d) Đối với hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần hoặc Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì cơ quan Thuế khu vực nơi người nộp thuế đóng trụ sở có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế.** **...5. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết Điều này.**
2.19. Điều 82a. Thẩm quyền quyết định miễn thuế, giảm thuế	Phân cấp thực hiện nhiệm vụ cho Bộ Tài chính, và phân quyền thẩm quyền quyết định về quản lý thuế cơ quan quản lý thuế các cấp quy định rõ ràng và mở rộng thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính;	**Điều 82a. Thẩm quyền quyết định miễn thuế, giảm thuế** **1. Thủ trưởng cơ quan Thuế các cấp quyết định việc miễn thuế, giảm thuế, thu hồi tiền miễn thuế, tiền giảm thuế. Trường hợp việc giải quyết miễn thuế, giảm thuế được thực hiện tự động thì việc quyết định miễn thuế, giảm thuế thực hiện theo ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan thuế.** **2. Thủ trưởng cơ quan Hải quan các cấp quyết định việc miễn thuế, giảm thuế, thu hồi tiền miễn thuế, tiền giảm thuế.** **3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền hoàn thuế, thu hồi miễn thuế, tiền giảm thuế, quy trình miễn thuế, giảm thuế tự động.**
2.20. Điều 84. Thủ tục, hồ sơ, thời gian, thẩm quyền khoanh tiền thuế nợ	Phân cấp thực hiện nhiệm vụ cho Bộ Tài chính, và phân quyền thẩm quyền quyết định về quản lý thuế cơ quan quản lý thuế các cấp quy định rõ ràng và mở rộng thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính;	**Điều 84. Thủ tục, hồ sơ, thời gian, thẩm quyền khoanh tiền thuế nợ** 1. Chính phủ quy định thời gian, **số tiền** khoanh nợ đối với các trường hợp được khoanh nợ. **Thủ tục, hồ sơ khoanh nợ thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.** 2. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế **và các khoản thu phải nộp ngân sách nhà nước** quyết định việc khoanh **tiền thuế** nợ, **chấm dứt hiệu lực của quyết định khoanh nợ.** 2. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế **và các khoản thu phải nộp ngân sách nhà nước** quyết định việc khoanh **tiền thuế** nợ, **chấm dứt hiệu lực của quyết định khoanh nợ.** **Thủ trưởng cơ quan thuế có thể giao quyền cho cấp phó. Việc giao quyền được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện quyền được giao. Người được giao quyền không được giao quyền cho người khác.**
2.21. Điều 87. Thẩm quyền xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt	Phân quyền thẩm quyền quyết định về quản lý thuế	**Điều 87. Thẩm quyền xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~** ...3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xóa nợ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 85 của Luật này có khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ 10.000.000.000 đồng **trở lên.** ~~4. Thủ tướng Chính phủ quyết định xóa nợ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc trường hợp quy định tại khoản 3~~

		~~Điều 85 của Luật này có khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ 15.000.000.000 đồng trở lên.~~ ...
2.22. Điều 97. Trách nhiệm của người nộp thuế trong việc cung cấp thông tin	Phân cấp thực hiện nhiệm vụ cho Bộ Tài chính	Phân cấp thực hiện nhiệm vụ cho Bộ Tài chính
2.23. Điều 98. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cung cấp thông tin người nộp thuế	Phân cấp thực hiện nhiệm vụ cho Bộ Tài chính	**Điều 98. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cung cấp thông tin người nộp thuế** **...6. Trường hợp các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này phát hiện sai, sót cần điều chỉnh đối với thông tin đã trao đổi, cung cấp giữa các cơ quan thì chủ động gửi hồ sơ tra soát, điều chỉnh thông tin theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết.** ...
2.24. Điều 110. Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế	Phân cấp thực hiện nhiệm vụ cho Bộ Tài chính	**Điều 110. Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế** **1. Cơ quan Thuế** kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế trong các trường hợp sau đây: ... ***e)*** Trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, ***phá sản,*** giải thể, chấm dứt hoạt động, cổ phần hóa, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh và các trường hợp kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, trừ trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động, ***chuyển địa điểm kinh doanh*** mà cơ quan thuế không phải thực hiện quyết toán thuế theo quy định của pháp luật. **Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết khoản này.** ...
2.25. Điều 112b	Phân cấp thực hiện nhiệm vụ cho Bộ Tài chính	**Điều 112b. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí, lệ phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền** **1. Kiểm tra tại trụ sở cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước được giao quản lý thu phí, lệ phí theo pháp luật về phí, lệ phí.** **a)** **b)** **2. Giám sát giám sát việc thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí, lệ phí** **3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.**

2.26. Điều 126. Thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế	Phân cấp thực hiện nhiệm vụ cho Bộ Tài chính, và phân quyền thẩm quyền quyết định về quản lý thuế cơ quan quản lý thuế các cấp quy định rõ ràng và mở rộng thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính	**Điều 126. Thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế** **...3. Người có thẩm quyền cưỡng chế quy định tại khoản 1 Điều này có thể giao quyền cho cấp phó. Việc giao quyền được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện quyền được giao. Người được giao quyền không được giao quyền cho người khác.**
2.27. Điều 136. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế	Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:	**Điều 136. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế** **...10. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và các trường hợp không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn.**
2.28. Điều 137. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế	Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:	**Điều 137. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế** **...4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.**
2.29. Điều 142. Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu	Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:	**Điều 142. Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu** **...4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này**

2.30. Điều 143. Hành vi trốn thuế	Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:	**Điều 143. Hành vi trốn thuế** **...14. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.**[3]
2.31. Điều 144. Xử lý hành vi vi phạm của ngân hàng thương mại, người bảo lãnh nộp tiền thuế trong lĩnh vực quản lý thuế	Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:	**Điều 144. Xử lý hành vi vi phạm của ngân hàng thương mại, người bảo lãnh nộp tiền thuế trong lĩnh vực quản lý thuế** **...3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.**
2.32. Điều 145. Xử lý hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực quản lý thuế	Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:	**Điều 145. Xử lý hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực quản lý thuế** **...3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.**
2.33. Điều 149. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý thuế trong việc giải quyết khiếu nại về thuế	Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ:	**Điều 149.** Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý thuế trong việc giải quyết khiếu nại về thuế **...4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về thẩm vấn trong giải quyết khiếu nại về thuế tại Điều này.**
3. Chính sách 3: **Nhóm chính sách về chuyển đổi số toàn diện và tự động hóa quản lý thuế** (sửa đổi, bổ sung tại 17 Điều)		

[3] Bổ sung quy định giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết hành vi vi phạm tại Điều 143 Luật Quản lý thuế để thống nhất với quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và đảm bảo cơ sở pháp lý khi thực hiện.

3.1 Điều 10: Xây dựng lực lượng quản lý thuế	Phát triển nguồn nhân lực và thay đổi tư duy quản lý: tổ chức, đào tạo bồi dưỡng kiến thức công nghệ, phân tích dữ liệu, quản trị số cho công chức thuế các cấp; chuyển đổi tư duy từ quản lý thủ công sang quản trị số; lấy dữ liệu làm trung tâm, quy trình làm nền tảng, công nghệ làm công cụ.	**Điều 10: Xây dựng lực lượng quản lý thuế** 4. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm **bồi dưỡng, tập huấn chính sách thuế, quản lý thuế và quy trình nghiệp vụ cho** đội ngũ công chức quản lý thuế đểthực hiện chức năng quản lý thuế theo quy định của pháp luật. **Tổ chức, đào tạo bồi dưỡng kiến thức công nghệ, phân tích dữ liệu, quản trị số cho công chức thuế.**
3.2.Điều 11. Hiện đại hóa và chuyển đổi số toàn diện trong công tác quản lý thuế	Thiết lập hệ thống quản lý thuế số toàn diện, tập trung, thông minh: - Chuyển đổi toàn bộ thủ tục hành chính thuế trên môi trường số: - Liên thông dữ liệu giữa cơ quan thuế và các bộ, ngành, địa phương, tổ chức có liên quan: - Thúc đẩy tự động hóa ra quyết định hành chính thuế:	**Điều 11. Hiện đại hóa và chuyển đổi số toàn diện trong công tác quản lý thuế** Bổ sung quy định tại khoản 3, 4 **3. Cơ quan quản lý thuế thực hiện chuyển đổi số toàn diện, tích hợp dữ liệu và tự động hóa trong quản lý thuế; mở rộng phạm vi ứng dụng công nghệ số nhằm xây dựng hệ thống quản lý thuế số thông minh quản lý dựa trên hệ thống dữ liệu lớn theo thời gian thực, có khả năng tương tác giữa các hệ thống thông tin quản lý thuế. Ứng dụng công nghệ số hiện đại như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây... nhằm tái cấu trúc hệ thống cho phép tự động hóa quy trình nghiệp vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ NNT. Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu số với các cơ quan tổ chức có liên quan để xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu lớn kết hợp với ứng dụng kỹ thuật để phục vụ nâng cao năng lực phân tích rủi. Áp dụng tiêu chuẩn bảo mật dữ liệu theo mô hình quốc tế trong hệ thống thông tin quản lý thuế đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin trên môi trường số.** **4. Cơ quan thuế triển khai hệ thống ra quyết định hành chính tự động trên cơ sở dữ liệu, tiêu chí định sẵn và công nghệ phân tích rủi ro. Hệ thống thông tin quản lý thuế có giá trị pháp lý, được sử dụng làm căn cứ ra quyết định hành chính thuế.**
3.3 Điều 18: Nhiệm vụ của	Thiết lập hệ thống quản lý thuế số	**Điều 18. Nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế** 3. Giải thích, cung cấp thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế; **áp dụng chuyển đổi**

cơ quan thuế	toàn diện, tập trung, thông minh: - Chuyển đổi toàn bộ thủ tục hành chính thuế trên môi trường số:	**số trong việc hỗ trợ người nộp thuế tuân thủ pháp luật thuế, hóa đơn và đánh giá tính hiệu quả của công tác hỗ trợ người nộp thuế của công chức thuế.**
3.4.Điều 34. Cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế	Chuyển đổi toàn bộ thủ tục hành chính thuế trên môi trường số:	**Điều 34. Cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế** **...3. Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế được cấp dưới dạng điện tử có giá trị pháp lý tương đương bản giấy. Người nộp thuế có thể truy cập, tải về và in Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế từ cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.**
3.5. Điều 48. Hình thức nộp hồ sơ khai thuế và Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế	Chuyển đổi toàn bộ thủ tục hành chính thuế trên môi trường số:	**Điều 48. Hình thức nộp hồ sơ khai thuế và Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế** **1. Người nộp thuế thực hiện nộp hồ sơ khai thuế qua cổng giao dịch điện tử của cơ quan thuế hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.**
3.6. Điều 56. Hình thức nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu	Chuyển đổi toàn bộ thủ tục hành chính thuế trên môi trường số:	**Điều 56. Hình thức nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu** 1. Người nộp thuế nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước theo **các hình thức** sau đây: **a) Nộp qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế;** **b) Nộp qua Cổng Dịch vụ công quốc gia đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế;** **c) Nộp qua Cổng dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế;** **d) Nộp qua dịch vụ thanh toán điện tử của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế;** **e) Nộp qua cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế;** **g) Nộp thông qua tổ chức được cơ quan quản lý thuế ủy nhiệm thu thuế.** **h) Nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý thuế, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.**
3.7.Điều 60. Xử lý số tiền	- Thúc đẩy tự động hóa ra quyết định	**Điều 60. Xử lý số tiền thuế nộp thừa** 1. Người nộp thuế có số tiền thuế **nộp thừa trừ các trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế**

thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa	hành chính thuế: Thiết kế quy trình chuẩn để hệ thống tự động đánh giá điều kiện, xử lý kết quả và trả thông báo cho người nộp thuế mà không cần xử lý thủ công;	[4]thì được bù trừ số tiền thuế, nộp thừavới số tiền thuế, phải nộp hoặc được hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa khi người nộp thuế không còn **tiền thuế nợ.** **a) Cơ quan quản lý thuế xử lý bù trừ tự động số tiền thuế nộp thừa với số tiền thuế phải nộp của người nộp thuế như sau:** **a.1) Cơ quan quản lý thuế xử lý bù trừ tự động số tiền thuế nộp thừa với số tiền thuế phải nộp của người nộp thuế theo thứ tự thanh toán tại Điều 57 của Luật này trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày phát sinh số tiền thuế nộp thừa và số tiền thuế nộp thừa, số tiền thuế phải nộp đủ điều kiện bù trừ.** **a.2) Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh số tiền thuế nộp thừa, cơ quan quản lý thuế cung cấp thông tin cho người nộp thuế về số tiền thuế nộp thừa qua tài khoản giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế.** **a.3) Sau 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xử lý bù trừ tự động, cơ quan quản lý thuế cập nhật hồ sơ thuế và thông báo cho các cơ quan liên quan (nếu có) về việc thanh toán tiền thuế nợ; cung cấp thông tin cho người nộp thuế về số tiền thuế nộp thừa trước khi xử lý bù trừ tự động, số tiền thuế phải nộp đã được bù trừ, số tiền thuế nộp thừa còn lại (nếu có).** **a.4)Sau khi nhận được thông tin của cơ quan thuế, người nộp thuế phát sinh vướng mắc về số tiền thuế nộp thừa, số tiền thuế phải nộp đã được bù trừ với số tiền thuế nộp thừa thì liên hệ với cơ quan thuế cung cấp thông tin để được giải quyết. Trường hợp số tiền thuế nợ đã bù trừ cao hơn số tiền thuế nợ thực tế thì được xác định là số tiền thuế nộp thừa.** **Trường hợp cơ quan quản lý thuế điều chỉnh khoản tiền đã bù trừ tự động theo đề nghị của người nộp thuế thì người nộp thuế được điều chỉnh tiền chậm nộp đã tính tương ứng.** ...
3.8.Điều 72. Trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết và phản hồi thông tin hồ sơ hoàn thuế	Chuyển đổi toàn bộ thủ tục hành chính thuế trên môi trường số:	**Điều 72. Trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết và phản hồi thông tin hồ sơ hoàn thuế** ...2. Người nộp thuế nộp hồ sơ hoàn thuế thông qua các hình thức sau đây: **a) Gửi hồ sơ điện tử qua cổng giao dịch điện tử của cơ quan quản lý thuế.** ...
3.9. Điều 81. Cơ quan tiếp nhận và giải	Chuyển đổi toàn bộ thủ tục hành chính thuế trên	**Điều 81. Cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế** ...2. Người nộp thuế nộp hồ sơ miễn thuế, giảm thuế thông qua hình thức sau đây: **a) Gửi hồ sơ điện tử qua cổng giao dịch điện tử của cơ quan quản lý thuế;**

[4] Cần bổ sung cụm từ "trừ các trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế" để phân biệt giữa tiền thuế nộp thừa với hoàn thuế theo chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, thuế nhập khẩu

quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế	môi trường số:	...
3.10. Điều 75. Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế	Chuyển đổi toàn bộ thủ tục hành chính thuế trên môi trường số:	**Điều 75. Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế** 1. Đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, ... Trường hợp thông tin khai trên hồ sơ hoàn thuế khác với thông tin quản lý của cơ quan quản lý thuế thì cơ quan quản lý thuế thông báo bằng văn bản **hoặc phản hồi thông qua cổng giao dịch điện tử**[5] để người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin....
3.11.Điều 82. Thời hạn giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế đối với trường hợp cơ quan quản lý thuế quyết định, **thông báo miễn, giảm thuế.**	Chuyển đổi toàn bộ thủ tục hành chính thuế trên môi trường số:	**Điều 82.** Thời hạn giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế đối với trường hợp cơ quan quản lý thuế quyết định, **thông báo miễn, giảm thuế.** **...4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ miễn thuế, giảm thuế hợp pháp, đầy đủ, đúng mẫu quy định do cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông chuyển đến đối với hồ sơ miễn thuế, giảm thuế cùng hồ sơ khai thuế theo cơ chế một cửa liên thông, cơ quan thuế xác định số tiền được miễn thuế, giảm thuế trên Thông báo nộp thuế hoặc thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế lý do không được miễn thuế, giảm thuế và chuyển trả hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông.**
3.12. Điều 94. Chứng từ điện tử	Liên thông dữ liệu giữa cơ quan thuế và các bộ, ngành, địa phương, tổ chức có liên quan: Bổ sung quy định bắt buộc kết nối,	**Điều 94. Chứng từ điện tử** 1. Chứng từ điện tử bao gồm các loại chứng từ, biên lai được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do cơ quan quản lý thuế, **tổ chức chi trả thu nhập** hoặc tổ chức có trách nhiệm khấu trừ thuế cấp cho người nộp thuế bằng phương tiện điện tử, **tổ chức khác** khi thực hiện các thủ tục về thuế hoặc các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các loại chứng từ, biên lai điện tử khác. **Tổ chức cấp chứng từ điện tử cho người nộp thuế phải kết nối chuyển dữ liệu chứng từ điện tử cho cơ quan thuế.** ...

[5] Bổ sung để phù hợp với trường hợp hồ sơ hoàn thuế nộp điện tử qua cổng giao dịch điện tử của cơ quan quản lý thuế.

	chia sẻ dữ liệu số giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh, Ngân hàng, công an, quản lý nền tảng số, thương mại điện tử, logistic; Xây dựng trục tích hợp dữ liệu thuế quốc gia, bảo đảm an toàn thông tin, đồng bộ và khai thác hiệu quả; Thiết lập thu thập, xử lý dữ liệu chủ động từ bên thứ ba phục vụ quản lý thuế	
3.13 Điều 95. Hệ thống thông tin người nộp thuế	Xây dựng và triển khai hạ tầng công nghệ số thống nhất, đồng bộ	Điều 95.**Hệ thống thông tin người nộp thuế** Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định hệ thống thông tin người nộp thuế tại khoản 1 Điều 95 để bao quát đầy đủ thông tin về người nộp thuế và các thông tin có liên quan phục vụ công tác quản lý thuế
3.14.Điều 96. Xây dựng, thu thập, xử lý và quản lý hệ thống thông tin người nộp thuế	Xây dựng và triển khai hạ tầng công nghệ số thống nhất, đồng bộ	Điều 96.**Xây dựng, thu thập, xử lý và quản lý hệ thống thông tin người nộp thuế** Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 96 Luật Quản lý thuế theo hướng cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm tổ chức xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ thu thập, xử lý, kết nối dữ liệu và quản lý hệ thống thông tin người nộp thuếđể phù hợp và thống nhất định nghĩa về hệ thống thông tin người nộp thuế là "tập hợp thông tin, dữ liệu về người nộp thuế và các thông tin liên quan phục vụ công tác quản lý thuế" theo đề xuất sửa đổi, bổ sung tại Điều 95 nêu trên. Lồng ghép các nội dung về cơ sở dữ liệu người nộp thuế với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tận dụng hạ tầng sẵn có, tiết kiệm ngân sách nhà nước (theo Đề án 06).
3.15. Điều 98. Trách nhiệm của tổ chức, cá	Liên thông dữ liệu giữa cơ quan thuế và các bộ, ngành,	**Điều 98. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cung cấp thông tin người nộp thuế** **...5. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử, nền tảng số, tổ chức cung cấp dịch vụ logistic hỗ trợ cho hoạt động thương mại điện tử, nền tảng số, tổ chức trung gian thanh toán được thành lập và hoạt**

nhân có liên quan trong việc cung cấp thông tin người nộp thuế	địa phương, tổ chức có liên quan: Bổ sung quy định bắt buộc kết nối, chia sẻ dữ liệu số giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh, Ngân hàng, công an, quản lý nền tảng số, thương mại điện tử, logistic; Xây dựng trục tích hợp dữ liệu thuế quốc gia, bảo đảm an toàn thông tin, đồng bộ và khai thác hiệu quả; Thiết lập thu thập, xử lý dữ liệu chủ động từ bên thứ ba phục vụ quản lý thuế;	**động theo pháp luật Việt Nam có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và đúng hạn cho cơ quan thuế thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân (trừ trường hợp cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh đã được tổ chức là nhà quản lý nền tảng thương mại điện tử khấu trừ, nộp thuế thay) có tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên sàn giao dịch thương mại điện tử, hoặc sử dụng dịch vụ vận chuyển của tổ chức cung cấp dịch vụ logistic hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán của tổ chức là trung gian thanh toán. Việc cung cấp thông tin được thực hiện định kỳ hằng quý, bằng phương thức điện tử.** **...**
3.16. Bổ sung Điều 98a - Cung cấp thông tin cho người nộp thuế	Bổ sung quy định trách nhiệm cung cấp thông tin cho người nộp thuế của cơ quan thuế (1) Qua tài khoản thuế điện tử của người nộp thuế, (2) Qua xác nhận nghĩa vụ thuế; trách nhiệm cung thông tin xác định số tiền thuế phải nộp, số tiền	**Đề nghị bổ sung 01 Điều vào Chương Chương XI: THÔNG TIN NGƯỜI NỘP THUẾ** **Điều 98a. Cung cấp thông tin cho người nộp thuế** **1. Cơ quan quản lý thuế cung cấp thông tin về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế qua tài khoản giao dịch điện của người nộp thuế.** **Trường hợp người nộp thuế phát hiện thông tin về nghĩa vụ thuế được cung cấp qua tài khoản giao dịch điện tử có sai khác với thông tin nghĩa vụ thuế do người nộp thuế theo dõi, người nộp thuế thực hiện tra soát với cơ quan quản lý thuế.** **2. Khi thực hiện thủ tục pháp lý, tài chính hoặc xuất nhập cảnh theo quy định của pháp luật có yêu cầu xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế, người nộp thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải có văn bản đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế gửi cơ quan quản lý thuế. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế, cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế và thông báo cho người nộp thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền kết quả xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc xác nhận chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế (nêu rõ**

	thuế đã khấu trừ, số tiền thuế đã kê khai thay, nộp thuế thay cho cơ quan quản lý thuế của Tổ chức, cá nhân khấu trừ, nộp thuế thay. Việc quy định trách nhiệm cung cấp số thuế đã nộp thuế thay chi tiết giúp cơ quan thuế theo dõi, cung cấp đầy đủ thông tin nghĩa vụ thuế cho NNT đặc biệt NNT là cá nhân, hỗ trợ tạo tự động tờ khai quyết toán thuế gợi ý xác định số phải nộp, còn phải nộp, được hoàn thuế TNCN kịp thời, kiểm soát rủi ro trong công tác quản lý thuế TNCN, hỗ trợ công tác theo dõi, xác nhận nghĩa vụ thuế của từng cá nhân. Do, theo quy định hiện hành, CQT chỉ có thể theo dõi, tổng hợp được số thuế TNCN tổ	**nghĩa vụ thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế) hoặc yêu cầu người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ để cơ quan quản lý thuế có cơ sở xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế.** **a) Nhà thầu nước ngoài không trực tiếp kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế mà do tổ chức, cá nhân bên Việt Nam khấu trừ, nộp thay và bên Việt Nam đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế nhà thầu nước ngoài: Nhà thầu nước ngoài hoặc bên Việt Nam khấu trừ, nộp thay gửi văn bản đề nghị xác nhận nghĩa vụ thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp bên Việt Nam để thực hiện xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế cho nhà thầu nước ngoài.** **b) Tổ chức, cá nhân khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai** **số thuế đã khấu trừ cho cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm cung cấp thông tin xác định số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế đã khấu trừ, số tiền thuế đã kê khai thay, nộp thuế thay cho cơ quan quản lý thuế; người nộp thuế đã được tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khấu trừ, kê khai số thuế đã khấu trừ, nộp thuế thay hoặc tổ chức, cá nhân khấu trừ, khai thuế thay, nộp thuế thay gửi văn bản đề nghị xác nhận nghĩa vụ thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế để thực hiện xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế.** **3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trường hợp, thẩm quyền, thủ tục tra soát, xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế quy định tại Điều này.**

	chức trả thu nhập đã khấu trừ, kê khai thay cho từng cá nhân theo năm mà không có thông tin chi tiết về tổ chức trả thu nhập đã thực nộp thay vào NSNN theo từng cá nhân. Thực tế qua công tác quản lý xảy ra một số trường hợp Tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ tiền thuế của cá nhân nhưng nộp chưa đủ, chưa nộp, không nộp ngân sách...Điều này dẫn tới cá nhân trực tiếp quyết toán với cơ quan thuế gặp khó khăn trong việc phối hợp rà soát với cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ phải nộp, đã nộp và được hoàn. Chuyển nhóm 3	
4. Chính sách 4: **Nhóm chính sách về Đổi mới phương pháp quản lý đối với doanh nghiệp tiểu nhỏ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh** (sửa đổi, bổ sung 6 Điều)		
4.1. Điều 2. Đối tượng áp	Phân loại và định nghĩa lại đối tượng hộ kinh doanh, cá	**Điều 2. Đối tượng áp dụng** 1. Người nộp thuế bao gồm:

dụng	nhân kinh doanh để quản lý	a) Tổ chức, hộ gia đình, ~~hộ kinh doanh,~~ cá nhân **kinh doanh, nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam**[6] nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế; b) Tổ chức, hộ gia đình, ~~hộ kinh doanh,~~ cá nhân **kinh doanh** nộp các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước;
4.2. Điều 3: giải thích từ ngữ	Phân loại và định nghĩa lại đối tượng hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh để quản lý	**Điều 3: giải thích từ ngữ** Bổ sung quy định về "cá nhân kinh doanh": *là cá nhân có phát sinh hoạt động kinh doanh, người đại diện cho các thành viên hộ gia đình để đăng ký kinh doanh và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh*
4.3. Khoản 3, Điều 18	Xóa quy định khoán thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và bổ sung quy định	**Điều 18. Nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế** ...3. Giải thích, **cung cấp thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế; áp dụng chuyển đổi số trong việc hỗ trợ người nộp thuế tuân thủ pháp luật thuế, hóa đơn và đánh giá tính hiệu quả của công tác hỗ trợ người nộp thuế của công chức thuế** ~~cơ quan thuế có trách nhiệm công khai mức thuế phải nộp của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã, phường, thị trấn.~~ ...
4.4. Điều 28	Xóa quy định khoán thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và bổ sung quy định	~~**Điều 28. Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn**~~ ~~1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyệncăn cứ số lượng, quy mô kinh doanh của các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn để quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn theo đề nghị của *Đội trưởng Đội thuế liên huyện* Chi cục trưởng Chi cục Thuế, Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực.~~ ~~2. Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn có nhiệm vụ tư vấn cho cơ quan thuế về doanh thu, mức thuế của các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán trên địa bàn và phối hợp với cơ quan thuế đôn đốc các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.~~ ~~3. Kinh phí hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn do cơ quan thuế chi từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho ngành thuế.~~ ~~4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động, quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn.~~
4.5. Điều 51- xác định mức thuế đối với hộ	Phân loại và định nghĩa lại đối tượng hộ kinh doanh, cá	Sửa đổi toàn bộ nội dung Điều 51 về xác định mức thuế đối với hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thành nội dung quy định quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (*trong đó, nghiên cứu bổ sung quy định về xác định trước nghĩa vụ thuế và tờ khai thuế điền sẵn theo hướng hệ thống ứng dụng của cơ quan thuế sẽ tự*

[6] Tiếp thu ý kiến CCT TMĐT

kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán	nhân kinh doanh để quản lý theo quy mô; Thiết lập các tiêu chí định lượng (doanh thu, địa điểm cố định, hình thức hoạt động kinh doanh) để xác định phương thức quản lý phù hợp, đồng bộ với luật thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp và luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. - Áp dụng pháp pháp quản lý thuế linh hoạt và theo rủi ro: (i) đối với cá nhân kinh doanh (hộ kinh doanh ổn định, có địa điểm, doanh thu rõ ràng thì áp dụng phương thức quản lý thuế theo kê khai của người nộp thuế kết hợp dữ liệu từ hóa đơn điện tử, từ các tài khoản thanh toán qua ngân hàng, từ các nền tảng số, sàn thương mại	*động xác định nghĩa vụ thuế dựa trên dữ liệu hóa đơn điện tử và thông báo tờ khai thuế cho hộ kinh doanh; bổ sung quy định về phương pháp tính thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh căn cứ theo ngưỡng doanh thu hàng năm, mức tỷ lệ % làm căn cứ tính thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân theo doanh thu kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hàng năm của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.).*

	điện tử; (ii) Đối với cá nhân kinh doanh (hộ kinh doanh) nhỏ lẻ, lưu động, rủi ro thấp: bổ sung quy địnhcơ quan thuế hỗ trợ tạo lập tờ khai điện sẵn từ ứng dụng hệ thống của cơ quan thuế, gửi tờ khai điền sẵn cho người nộp thuế để kiểm tra xác nhận nghĩa vụ thuế phải nộp; (iii) xây dựng cơ chế quản lý theo rủi ro thay vì quản lý đồng loạt: hồ sơ minh bạch, nộp thuế đơn giản, kiểm tra ngẫu nhiên; (iv) Bổ sung quy định nghĩa vụ thế đơn giản riêng cho cá nhân kinh doanh nhỏ lẻ.	
4.6. Điều 91- nguyên tắc áp dụng hóa đơn điện tử	Thúc đẩy sử dụng công nghệ trong khai, nộp thuế: Bổ sung quy định tại Luật về việc bắt buộc hoặc khuyến khích sử dụng hóa đơn điện tử có mã	**Điều 91- nguyên tắc áp dụng hóa đơn điện tử** Bổ sung quy định: *Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 01 tỷ đồng trở lên khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng phải lập hóa đơn điện tử dăng ký sử dụng hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu trên ngưỡng doanh thu không chịu thuế hàng năm theo quy định của pháp luật thuế đến dưới ngưỡng 01 tỷ đồng hàng năm phải sử dụng hóa đơn, chứng từ hoặc sổ sách ghi chép doanh thu thực tế phát sinh theo quy định của Chính phủ.* *Từ ngày 01/01/2027, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hằng năm từ 800 triệu đồng trở lên khi*

	của cơ quan thuế (bao gồm hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế);	*bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng phải áp dụng hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối với cơ quan thuế; Từ ngày 01/01/2028, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có ngưỡng doanh thu thuộc diện chịu thuế GTGT đến mức doanh thu 800 triệu đồng khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng phải áp dụng hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối với cơ quan thuế.*
5. Chinhsách 5: **Nhóm chính sáchvềchức năng kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết** (sửa đổi, bổ sung, lược bỏ nội dung tại 13 Điều)		
5.1. Điều 112a. Kiểm tra lại trong hoạt động kiểm tra thuế	Bổ sung tăng cường hiệu lực công tác kiểm tra thuế	**Điều 112a. Kiểm tra lại trong hoạt động kiểm tra thuế** **1. Thẩm quyền quyết định kiểm tra lại vụ việc đã được kết luận, xử lý vi phạm hành chính về thuế nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật được quy định như sau:** **a) Cục trưởng Cục Thuế quyết định kiểm tra lại vụ việc đã được Chi cục trưởng/Giám đốc Thuế tỉnh thành phố kết luận;** **b) Giám đốc thuế tỉnh thành phố quyết định kiểm tra lại vụ việc đã được Trưởng Thuế cơ sở kết luận;** **c) Quyết định kiểm tra phải được gửi cho người nộp thuế trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định kiểm tra lại. Quyết định kiểm tra lại phải được công bố chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày ký và phải được đoàn kiểm tra lập biên bản công bố quyết định kiểm tra lại.** **2. Việc kiểm tra lại được thực hiện khi có một trong những căn cứ sau đây:** **a) Có vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục trong quá trình tiến hành kiểm tra;** **b) Có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật khi kết luận, xử lý vi phạm hành chính về thuế kiểm tra;** **c) Nội dung kết luận, xử lý vi phạm hành chính về thuế không phù hợp với những chứng cứ thu thập được trong quá trình kiểm tra hoặc có dấu hiệu rủi ro cao theo tiêu chí đánh giá rủi ro qua phân tích đánh giá rủi ro;** **d) Người ra quyết định kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ việc hoặc cố ý kết, xử lý vi phạm hành chính về thuế luận trái pháp luật;** **đ) Có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng của người nộp thuế chưa được phát hiện đầy đủ qua kiểm tra.** **3. Thời hiệu kiểm tra lại, thời hạn kiểm tra lại được quy định như sau:** **a) Thời hiệu kiểm tra lại là 02 năm kể từ ngày ký kết luận kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm hành chính về thuế;** **b) Thời hạn kiểm tra lại được thực hiện theo quy định tại Điều 110 của Luật này.** **4. Khi tiến hành kiểm tra lại, người ra quyết định kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 112 của Luật này.**
5.2. Điều 112b. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp	bổ sung quy định về kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về chính	**Điều 112b. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí, lệ phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền** **1. Kiểm tra tại trụ sở cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước được giao quản lý thu phí, lệ phí theo pháp luật về phí, lệ phí.** **a)** **b)**

luật về chính sách thuế, phí, lệ phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	sách thuế, phí, lệ phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	**2. Giám sát giám sát việc thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí, lệ phí** **3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.**
5.3. Điều 113, 114, 115	Bổ sung tăng cường hiệu lực công tác kiểm tra thuế: bổ sung kiểm tra giá giao dịch liên kết	**Điều 113. Tham vấn, trao đổi thông tin, khảo sát trước khi thực hiện kiểm tra giá giao dịch liên kết** **Trước khi thực hiện kiểm tra, trong trường hợp cần thiết Cơ quan thuế thực hiện tham vấn, trao đổi, khảo sát, đề nghị người nộp thuế cung cấp thông tin kê khai xác định giá giao dịch liên kết, Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết và các thông tin làm căn cứ xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế. Việc tham vấn, đề nghị cung cấp thông tin, khảo sát được thực hiện tại trụ sở cơ quan thuế hoặc trụ sở người nộp thuế và cơ quan thuế có văn bản thông báo cho người nộp thuế. Hình thức tham vấn, trao đổi, đề nghị cung cấp thông tin được thực hiện trực tiếp hoặc bằng văn bản đề nghị cung cấp thông tin.** **Thời hạn cung cấp thông tin không quá 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu của Cơ quan thuế. Trường hợp người nộp thuế có lý do khách quan, bất khả kháng thì thời hạn cung cấp thông tin được gia hạn 01 lần không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn.** **Trường hợp thực hiện khảo sát tại trụ sở người nộp thuế, thời gian thực hiện khảo sát không quá 10 ngày làm việc tại trụ sở người nộp thuế.** **Điều 114. Kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết** **1. Kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết được thực hiện theo các quy định tại mục 1 và mục 2 chương này trừ quy định về thời hạn kiểm tra quy định tại điểm c khoản 5 Điều 110.** **2. Thời hạn kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết được xác định trong quyết định kiểm tra nhưng không quá 40 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế. Trường hợp cần thiết, người đã ra quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần không quá 30 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế.** **Điều 115. Nguyên tắc kiểm tra việc xác định giá giao dịch liên kết** **Kiểm tra việc xác định giá giao dịch liên kết là một nội dung trong kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết và thực hiện theo nguyên tắc sau:** **1. Kiểm tra việc xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế theo nguyên tắc giao dịch độc lập và bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế tương ứng với giá trị tạo ra từ bản chất giao dịch, hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế, không công nhận các giao dịch liên kết không theo nguyên tắc giao dịch độc lập làm giảm nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp với ngân sách nhà nước để xác định đúng nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.** **2. Xác định bản chất của giao dịch liên kết khi kiểm tra việc phân tích so sánh, tìm kiếm đối tượng so sánh độc lập tương đồng và phương pháp xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế.** **3. Kiểm tra việc phân tích so sánh, lựa chọn đối tượng so sánh độc lập của người nộp thuế đảm bảo tính tương đồng.** **4. Kiểm tra việc lựa chọn phương pháp so sánh xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế đảm bảo**

		phù hợp nguyên tắc giao dịch độc lập, bản chất giao dịch, đặc điểm của giao dịch liên kết và chức năng hoạt động, tài sản, rủi ro của người nộp thuế. **5. Kiểm tra thông tin dữ liệu của các đối tượng so sánh độc lập người nộp thuế sử dụng làm căn cứ xác định giá giao dịch liên kết đảm bảo tuân thủ theo nguyên tắc giao dịch độc lập và nguyên tắc bản chất bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế.**
5.4. Điều 113 đến Điều 120 về thanh tra thuế.	Bỏ nội dung về "thanh tra thuế" cho phù hợp với Luật Thanh tra đang được sửa đổi bổ sung theo Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị.	~~Điều 113. Các trường hợp thanh tra thuế~~ ~~Điều 114. Quyết định thanh tra thuế~~ ~~Điều 115. Thời hạn thanh tra thuế~~ ~~Điều 116. Nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra thuế~~ ~~Điều 117. Nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng đoàn thanh tra thuế, thành viên đoàn thanh tra thuế~~ ~~Điều 118. Quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra thuế~~ ~~Điều 119. Kết luận thanh tra thuế~~ ~~Điều 120. Thanh tra lại trong hoạt động thanh tra thuế~~
6.Nhóm hoàn thiện chính sách chung trong công tác quản lý thuế		
6.1. Sửa đổi tên gọi của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác: Khoản 2 Điều 2; khoản 7, 8 Điều 3; Điều 15; khoản 1 Điều 76 (được sửa đổi tại khoản 11 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15); khoản 3 Điều 76; khoản 2, khoản 3 Điều 87; khoản 3 Điều 93; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 103; khoản 1 Điều 126.		
6.2. Sửa đổi, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác		
6.2.1. Khoản 6, khoản 11 Điều 4	Sửa đổi, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác	**Điều 4. Nội dung quản lý thuế** ...6. Kiểm tra thuế, ~~thanh tra thuế~~**kiểm tra**/**giá giao dịch liên kết** và thực hiện biện pháp phòng, chống, ngăn chặn vi phạm pháp luật về thuế. ...11. Tuyên truyền, **quản lý tuân thủ, hỗ trợ người nộp thuế.**
6.2.2. Khoản 4 Điều 10	Sửa đổi, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác	**Điều 10. Xây dựng lực lượng quản lý thuế** ...4. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm **bồi dưỡng, tập huấn chính sách thuế, quản lý thuế và quy trình nghiệp vụ cho** đội ngũ công chức quản lý thuế để**thực hiện chức năng quản lý thuế** theo quy định của pháp luật.
6.2.3. Khoản 3 Điều 76	Sửa đổi, bổ sung các quy định về	**Điều 76. Thẩm quyền quyết định hoàn thuế** ...3. Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan **khu vực** nơi phát sinh số tiền thuế được hoàn quyết

	chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác	định việc hoàn thuế, **thu hồi hoàn thuế** đối với trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế. ...
6.2.4. Điều 107. Nguyên tắc kiểm tra thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác	**Điều 107. Nguyên tắc kiểm tra thuế** 1. Áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế và ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra thuế, ~~thanh tra thuế~~. 2. Tuân thủ quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan và mẫu biểu ~~thanh tra,~~ kiểm tra, trình tự, thủ tục, hồ sơ kiểm tra thuế theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 3. Không cản trở hoạt động bình thường của người nộp thuế. 4. Khi kiểm tra thuế, ~~thanh tra thuế~~ tại trụ sở của người nộp thuế, thủ trưởng cơ quan quản lý thuế phải ban hành quyết định kiểm tra, ~~thanh tra~~. 5. Việc kiểm tra thuế, ~~thanh tra thuế~~ nhằm đánh giá tính đầy đủ, chính xác, trung thực nội dung các chứng từ, thông tin, hồ sơ mà người nộp thuế đã khai, nộp, xuất trình với cơ quan quản lý thuế; đánh giá việc tuân thủ pháp luật về thuế và quy định khác của pháp luật có liên quan của người nộp thuế để xử lý về thuế theo quy định của pháp luật.
6.2.5. Điều 108. Xử lý kết quả kiểm tra thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan khác	**Điều 108. Xử lý kết quả kiểm tra thuế** 1. Căn cứ vào kết quả kiểm tra thuế, ~~thanh tra thuế~~, thủ trưởng cơ quan quản lý thuế ra quyết định xử lý về thuế, thu hồi số tiền thuế đã hoàn không đúng quy định của pháp luật về thuế, xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế theo thẩm quyền hoặc đề nghị người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế. Trường hợp xác định rõ hành vi vi phạm hành chính tại biên bản ~~thanh tra thuế~~, kiểm tra thuế thì biên bản ~~thanh tra thuế~~, kiểm tra thuế được xác định là biên bản vi phạm hành chính. 2. Trường hợp kiểm tra thuế, ~~thanh tra thuế~~ mà phát hiện hành vi trốn thuế có dấu hiệu tội phạm thì cơ quan quản lý thuế chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra có thẩm quyền để điều tra theo quy định của pháp luật; cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tiến hành tố tụng trong việc điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của pháp luật.
6.3. Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan		
6.3.1. Khoản 1 Điều 2	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 2. Đối tượng áp dụng** 1. Người nộp thuế bao gồm: ... **c)Tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán, các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác theo quy định của Chính phủ thực hiện khấu trừ, kê khai số thuế đã khấu trừ, nộp thuế thay cho các cá nhân kinh doanh đối với các giao dịch kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số[7] và tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế, nộp thuế thay khác theo quy định của pháp luật về thuế.** d) Tổ chức, cá nhân **nộp thay thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ.**

[7] Tiếp thu ý kiến CCT TMĐT

		2. Cơ quan quản lý thuế bao gồm: a) Cơ quan thuế bao gồm **Cục Thuế; Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế thương mại điện tử; Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thuế cơ sở;** b) Cơ quan hải quan bao gồm Cục Hải quan, Chi Cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục Hải quan **khu vực, Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu trực thuộc Chi cục Hải quan khu vực.**
6.3.2. Điều 2. Đối tượng áp dụng	Sửa đổi để đồng bộ pháp luật liên quan	**Điều 2. Đối tượng áp dụng** 1. Người nộp thuế bao gồm: ... d) Tổ chức, cá nhân **nộp thay thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ.** ...
6.3.3. Điều 3. Giải thích từ ngữ	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 3. Giải thích từ ngữ** Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: *1. Thuế* là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, ~~hộ gia đình, hộ kinh doanh~~, cá nhân **kinh doanh** theo quy định của các luật thuế. ~~*Các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu* bao gồm:~~ ~~a) Phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí;~~ ~~b) Tiền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước;~~ ~~c) Tiền thuê đất;~~ ~~d) Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;~~ ~~đ) Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;~~ ~~**đ) Tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện;**[8]~~ ~~**e) Tiền sử dụng khu vực biển để nhận chìm theo quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo**[9];~~ ~~g) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan quản lý thuế thực hiện xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính~~[10];

[8] Tiếp thu Ban NVT: Khoản 1 Điều 7 NĐ 88/2021/NĐ-CP ngày 01-10-2021 quy định về thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, đấu giá, cấp phép, chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần (trước đây), nay là khoản 1 Điều 56 NĐ 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 quy định Bộ Thông tin và truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện

[9] Tiếp thu Ban NVT: Cần bổ sung toàn bộ khoản thu tiền sử dụng khu vực biển là khoản thu khác NSNN do cơ quan quản lý thuế quản lý thu, KHÔNG QUY ĐỊNH đơn là tiền sử dụng khu vực biển để nhận chìm, tại khoản 1 Điều 34 Nghị định 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 quy định về các hoạt động sử dụng khu vực biển phải nộp nếu sử dụng khu vực biển được phân chia 6 nhóm theo mục đích sử dụng, cơ quan quản lý thuế quản lý tiền sử dụng khu vực biển cả 6 nhóm nêu trên

[10] Giải thích từ ngữ về các khoản thu khác được ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu chỉ bao gồm tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và hải quan do cơ quan quản lý thuế thu. Trên thực tế, cơ quan hải quan có thẩm quyền xử phạt và đã xử phạt các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực khác ngoài lĩnh vực hải quan, liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (xử phạt theo các Nghị định thuộc các lĩnh vực thương mại, y tế, môi trường, kiểm lâm, điều kiện, tiêu chuẩn ...). Do đó, khoản thu từ việc xử phạt các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực khác liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do cơ quan hải quan thukhông thuộc khoản thu nêu tại khoản 2 Điều 3 Luật Quản lý thuế, nên các khoản tiền này sẽ không phải là tiền thuế nợ và không có cơ sở pháp lý áp dụng được các quy định của Luật Quản lý thuế đối với khoản tiền nợ này

		~~h) Tiền chậm nộp tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật do cơ quan quản lý thuế quản lý thu.~~ **~~i) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.~~** ~~2. *Các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu* bao gồm:~~ ~~a) Tiền nộp ngân sách nhà nước từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;~~ ~~b) Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật về đất đai;~~ ~~c)~~ Tiền thu từ ~~xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính;~~ ~~d) Tiền nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công từ việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí;~~ ~~đ) Thu viện trợ;~~ ~~e) Tiền chậm nộp khoản thu do cơ quan nhà nước quản lý thu và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.~~ **2.** *Trụ sở của người nộp thuế* là địa điểm người nộp thuế tiến hành một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, cửa hàng, nơi sản xuất, nơi để hàng hóa, nơi để tài sản dùng cho sản xuất, kinh doanh; nơi cư trú hoặc nơi phát sinh nghĩa vụ thuế. **3. Trụ sở của cơ quan quản lý thuế là địa điểm nơi đặt trụ sở chính của cơ quan quản lý thuế theo quy định của Bộ Tài chính.** **4. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp là cơ quan thuế được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo của cơ quan thuế hoặc Thông báo của cơ quan đăng ký kinh doanh[1].** **5. Cơ quan thuế quản lý khoản thu ngân sách nhà nước là cơ quan thuế nơi quản lý, theo dõi nghĩa vụ thuế của người nộp thuế đối với một số khoản phải thu ngân sách nhà nước mà không phải là cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế.** *6. Mã số thuế* là một dãy số gồm 10 chữ số hoặc 13 chữ số và ký tự khác do cơ quan thuế cấp cho người nộp thuế dùng để quản lý thuế **hoặc là mã số đăng ký doanh nghiệp, mã số đăng ký hợp tác xã, mã số đăng ký kinh doanh do cơ quan quản lý nhà nước cấp hoặc là số định danh cá nhân do cơ quan Công an cấp.** 7. *Kỳ tính thuế* là khoảng thời gian để xác định số tiền thuế phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế. 8. *Tờ khai thuế* là văn bản theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định được người nộp thuế sử dụng để kê khai các thông tin nhằm xác định số tiền thuế phải nộp. *9. Tờ khai hải quan* là văn bản theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định được sử dụng làm tờ khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. 10. *Hồ sơ thuế* là hồ sơ đăng ký thuế, khai thuế, **nộp thuế**, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, **không thu thuế, khoanh tiền thuế nợ, xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt,** miễn tiền chậm nộp, **tiền phạt,** không tính tiền chậm nộp, gia hạn **tiền** thuế **nợ**, nộp dần tiền thuế nợ, hồ sơ hải quan;

[1] Tiếp thu ý kiến Ban NV (khoản 6 và 7)

		11. *Khai quyết toán thuế* là việc xác định số tiền thuế phải nộp của năm tính thuế hoặc thời gian từ đầu năm tính thuế đến khi chấm dứt hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế hoặc thời gian từ khi phát sinh đến khi chấm dứt hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. 12. *Năm tính thuế* được xác định theo năm dương lịch từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12; trường hợp năm tài chính khác năm dương lịch thì năm tính thuế áp dụng theo năm tài chính. 13. *Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các khoản thu ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế)* là việc nộp đủ số tiền thuế phải nộp, số tiền chậm nộp, tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước **hoặc không còn nợ đối với tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền xóa nợ theo quy định.** *14 Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế* là việc áp dụng biện pháp theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan buộc người nộp thuế phải **thực hiện ~~hoàn thành~~** nghĩa vụ nộp thuế. 15. Rủi ro về thuế là nguy **cơ phát sinh các vấn đề sai sót, gian lận liên quan đến nghĩa vụ thuế,** không tuân thủ pháp luật của người nộp thuế dẫn đến thất thu ngân sách nhà nước. 16. Quản lý rủi ro trong quản lý thuế là việc áp dụng có hệ thống **phân tích dữ liệu,** các quy trình nghiệp vụ, **các tiêu chí đánh giá** để xác định, đánh giá, phân loại và **kiểm soát** các rủi ro **về thuế liên quan đến việc tuân thủ về đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, báo cáo nghĩa vụ thuế và thực hiện chính sách thuế** có thể tác động tiêu cực đến hiệu quả, hiệu lực quản lý thuế làm cơ sở để cơ quan quản lý thuế **áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm giảm thiểu thất thu ngân sách nhà nước và đảm bảo hệ thống thuế hoạt động hiệu quả.** 17. *Thoả thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)* là thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan thuế với người nộp thuế hoặc giữa cơ quan thuế với người nộp thuế và cơ quan thuế của nước, vùng lãnh thổ mà Việt Nam đã ký hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với thuế thu nhập và tài sản cho một thời hạn nhất định **về phương pháp xác định giá trong các giao dịch liên kết nhằm đảm bảo tuân thủ nguyên tắc giá thị trường để xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Trong một APA có các nội dung chủ yếu sau: xác định rõ phạm vi áp dụng, thời gian hiệu lực của thỏa thuận, phương pháp xác định giá chuyển nhượng, các điều kiện kinh tế ảnh hưởng đến APA, nghĩa vụ báo cáo, giám sát, cơ chế sửa đổi hoặc hủy bỏ APA, cơ chế giải quyết tranh chấp.** **18. Tiền thuế phải nộp là số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu mà người nộp thuế chưa nộp ngân sách nhà nước.** **19. Tiền thuế nộp thừa là số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu đã nộp lớn hơn số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp.** *20 Tiền thuế nợ* là tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu mà người nộp thuế chưa nộp ngân sách nhà nước khi hết thời hạn nộp theo quy định. **21. Khoanh tiền thuế nợ là việc thực hiện chưa thu nợ tiền thuế của người nộp thuế và không tính tiền chậm nộp đối với số nợ tiền thuế được khoanh nợ.** **22. Xóa nợ tiền thuế là việc cơ quan thuế ban hành quyết định hủy bỏ nghĩa vụ nộp tiền thuế nợ của người**

		nộp thuế khi người nộp thuế không còn khả năng nộp các khoản tiền thuế nợ trong một số trường hợp được pháp luật quy định. **23. Cơ sở dữ liệu thương mại là thông tin, số liệu tài chính, kinh tế được các tổ chức kinh doanh dữ liệu thu thập, tập hợp, chuẩn hóa, lưu trữ, cập nhật, cung cấp bằng các phần mềm hỗ trợ truy cập, quản lý với các công cụ, ứng dụng được lập trình sẵn, hỗ trợ tiện ích cho người sử dụng có thể tìm kiếm, truy cập và sử dụng dữ liệu tài chính, kinh tế của các doanh nghiệp trong và ngoài Việt Nam theo ngành nghề sản xuất kinh doanh, theo khu vực địa lý hoặc các tiêu chí tìm kiếm theo yêu cầu khác.** **24. Cơ sở dữ liệu sử dụng trong quản lý giá giao dịch liên kết là cơ sở dữ liệu thương mại, cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý thuế trong quản lý rủi ro, thông tin dữ liệu của các doanh nghiệp được công bố công khai trên thị trường chứng khoán, thông tin, dữ liệu công bố trên các sàn giao dịch hàng hóa, dịch vụ trong nước và quốc tế, thông tin do các cơ quan bộ, ngành trong nước công bố công khai; thông tin dữ liệu trao đổi của cơ quan thuế đối tác.** *25. Thông tin người nộp thuế* là thông tin về người nộp thuế và thông tin liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế do người nộp thuế cung cấp, do cơ quan quản lý thuế thu thập được trong quá trình quản lý thuế, **thông tin của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tổ chức tài chính tín dụng, cơ quan thuế nước ngoài cung cấp có liên quan đến người nộp thuế, kết quả áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế và các thông tin do các tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, nền tảng số và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác cung cấp.** *26.Hệ thống thông tin quản lý thuế* bao gồm hệ thống thông tin thống kê, kế toán thuế và các thông tin khác phục vụ công tác quản lý thuế. *27.Các bên có quan hệ liên kết* là các bên tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát, góp vốn vào doanh nghiệp; các bên cùng chịu sự điều hành, kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bởi một tổ chức hoặc cá nhân; các bên cùng có một tổ chức hoặc cá nhân tham gia góp vốn; các doanh nghiệp được điều hành, kiểm soát bởi các cá nhân có mối quan hệ mật thiết trong cùng một gia đình *28. Giao dịch liên kết* là giao dịch giữa các bên có quan hệ liên kết. *29.Giao dịch độc lập* là giao dịch giữa các bên không có quan hệ liên kết. *30.Nguyên tắc giao dịch độc lập* là nguyên tắc được áp dụng trong kê khai, xác định giá tính thuế đối với người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết nhằm phản ánh điều kiện giao dịch trong giao dịch liên kết tương đương với điều kiện trong giao dịch độc lập. **31. Cơ sở thường trú của doanh nghiệp nước ngoài là cơ sở sản xuất, kinh doanh mà thông qua cơ sở này, doanh nghiệp nước ngoài tiến hành một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam, bao gồm:** **a) Chi nhánh, văn phòng điều hành, nhà máy, công xưởng, phương tiện vận tải, mỏ dầu, mỏ khí, mỏ hoặc địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên khác tại Việt Nam.** **b) Địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp đặt, lắp ráp.** **c) Cơ sở cung cấp dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn thông qua người làm công hoặc tổ chức, cá nhân khác.** **d) Đại lý cho doanh nghiệp nước ngoài.**

		đ) Đại diện tại Việt Nam trong trường hợp là đại diện có thẩm quyền ký kết hợp đồng đứng tên doanh nghiệp nước ngoài hoặc đại diện không có thẩm quyền ký kết hợp đồng đứng tên doanh nghiệp nước ngoài nhưng thường xuyên thực hiện việc giao hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ tại Việt Nam. **e) Nền tảng thương mại điện tử, nền tảng công nghệ số mà thông qua đó doanh nghiệp nước ngoài tiến hành cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam.** *32. Nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế* là nguyên tắc được áp dụng trong quản lý thuế nhằm phân tích các giao dịch, hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế để xác định nghĩa vụ thuế tương ứng với giá trị tạo ra từ bản chất giao dịch, hoạt động sản xuất, kinh doanh đó. *33. Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu* **là quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu theo quy định của Quốc hội và Chính phủ phù hợp với bộ quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của Diễn đàn hợp tác chung về chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận toàn cầu mà Việt Nam là thành viên.** *34. Công ty mẹ tối cao của tập đoàn* là pháp nhân có vốn chủ sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp tại các pháp nhân khác của một tập đoàn đa quốc gia, không bị sở hữu bởi bất kỳ pháp nhân nào khác và báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao của tập đoàn không được hợp nhất vào bất kỳ báo cáo tài chính của một pháp nhân nào khác trên toàn cầu. **35. *Cơ quan quản lý thuế trực tiếp là cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý, giám sát và thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thuộc phạm vi địa bàn và hoặc cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý*[12] *khoản thu được phân công quản lý.*** **36. Tham vấn trong giải quyết khiếu nại về thuế là việc trao đổi, thảo luận để lấy ý kiến, thông tin nhằm làm rõ các tình tiết, các vấn đề pháp lý, chuyên môn nghiệp vụ và phương án xử lý trong quá trình giải quyết khiếu nại về thuế tại cơ quan thuế đối với một hoặc một số vụ việc cụ thể từ các thành viên của Hội đồng tham vấn để đưa ra quyết định giải quyết khiếu nại chính xác, khách quan và đúng pháp luật.** **37. Hội đồng tham vấn là Hội đồng do Thủ trưởng cơ quan thuế quyết định thành lập để tham vấn cho Thủ trưởng cơ quan thuế trong việc giải quyết khiếu nại thuế.** ***38. Mã định danh khoản phải nộp (ID) là một dãy các ký tự được tạo trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế của ngành thuế, có tính duy nhất cho từng hồ sơ thuế hoặc khoản phải nộp của người nộp thuế.*** **39. Chương trình tuân thủ tự nguyện: là cơ chế khuyến khích người nộp thuế chủ động khai báo, điều chỉnh sai sót trong việc khai thuế trước khi cơ quan thuế tiến hành kiểm tra, cưỡng chế vi phạm.** **40. Chương trình tuân thủ tổng thể là một tập hợp các hoạt động có hệ thống, dựa trên đánh giá phân loại rủi ro tuân thủ của người nộp thuế nhằm xác định các hành vi tiềm ẩn sai phạm dựa trên dữ liệu và phân tích hành vi, để ưu tiên áp dụng các biện pháp kiểm soát phù hợp với từng phân đoạn người nộp thuế.**

[12] Tiếp thu ý kiến CCT TMĐT

		...
6.3.4. Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý thuế** **...** **9. Các hành vi bị nghiêm cấm trong khấu trừ, hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng[13].**
6.3.5. Điều 7. Đồng tiền khai thuế, nộp thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 7. Đồng tiền khai thuế, nộp thuế** ...2. Người nộp thuế hạch toán kế toán bằng ngoại tệ theo quy định của Luật Kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. **Tỷ giá giao dịch thực tế thực hiện theo pháp luật về kế toán.** ...
6.3.6. Điều 13a. Nguyên tắc tính thời hạn trong quản lý thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 13a. Nguyên tắc tính thời hạn trong quản lý thuế** **1. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế được thực hiện theo quy định của Luật này.** **2. Trường hợp ngày cuối cùng của các thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này rơi vào ngày nghỉ cuối tuần, ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ.**
6.3.7. Điều 16. Quyền của người nộp thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 16. Quyền của người nộp thuế** 6. Ký hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế, đại lý làm thủ tục hải quan để thực hiện dịch vụ đại lý thuế, đại lý làm thủ tục hải quan;**được ủy quyền khai thay, nộp thuế thay theo quy định của pháp luật thuế, pháp luật quản lý thuế, pháp luật hải quan.** ...
6.3.8. Điều 17. Trách nhiệm của người nộp thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 17. Trách nhiệm của người nộp thuế** **...12. Người nộp thuế có trách nhiệm sử dụng hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, giảm thuế theo đúng mục đích quy định của pháp luật thuế. Trường hợp sử dụng không đúng mục đích hoặc thay đổi mục đích sử dụng so với mục đích ban đầu đã kê khai với cơ quan quản lý thuế, người nộp thuế phải**

[13] Điều 13 Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15

		kê khai nộp tiền thuế, tiền chậm nộp và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật quản lý thuế.[14] ...
6.3.9. Điều 27, khoản 1 Điều 27, khoản 2 Điều 11; khoản 7 Điều 17; khoản 1 Điều 19; khoản 1, khoản 4 Điều 35; khoản 1, khoản 2 Điều 56; khoản 1 Điều 58; khoản 2 Điều 73; khoản 1 Điều 125; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 129	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	Sửa đổi cụm từ *"ngân hàng thương mại"* thành *"tổ chức tín dụng"* tại tên Điều 27, khoản 1 Điều 27, khoản 2 Điều 11; khoản 7 Điều 17; khoản 1 Điều 19; khoản 1, khoản 4 Điều 35; khoản 1, khoản 2 Điều 56; khoản 1 Điều 58; khoản 2 Điều 73; khoản 1 Điều 125; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 129
6.3.10. Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức tín	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức tín dụng** ...5. Trường hợp người nộp thuế có bảo lãnh về tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Luật này nhưng người nộp thuế không nộp đúng thời hạn thì ngân hàng bảo lãnh phải chịu trách nhiệm nộp đủ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước

[14] Theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật thuế XNK quy định 04 trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế, điều 16 Luật thuế XNK quy định về 20 trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế.

Đối với hàng hóa nhập khẩu không chịu thuế (ví dụ: hàng hóa nhập khẩu để gia công, SXXK của DNCX phải được sử dụng đúng mục đích gia công, SXXK, không được tự ý tiêu thụ tại thị trường Việt Nam); hàng hóa nhập khẩu miễn thuế thì phải được sử dụng đúng mục đích miễn thuế (Ví dụ: hàng hóa nhập khẩu của dự án ưu đãi đầu tư phải sử dụng đúng mục đích miễn thuế đã khai trên tờ khai hải quan khi nhập khẩu). Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng thì phải kê khai tờ khai hải quan mới, nộp đủ thuế theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.

Luật quản lý thuế hiện hành chưa quy định người nộp thuế có trách nhiệm sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế, không chịu thuế đúng đối tượng, đúng quy định. Trường hợp sử dụng sai mục đích phải kê khai nộp thuế.

Để đảm bảo thống nhất giữa pháp luật về thuế, quản lý thuế cần thiết phải bổ sung quy định về trách nhiệm của người nộp thuế trong việc sử dụng hàng hóa miễn thuế, không chịu thuế tại Luật QLT sửa đổi, bổ sung.

dụng		thay cho người nộp thuế trong phạm vi bảo lãnh **đã thỏa thuận tại hợp đồng, thỏa thuận, cam kết và thời hạn bảo lãnh.**
6.3.11. Điều 30. Đăng ký thuế và mã số thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 30. Đăng ký thuế và mã số thuế** 1. Người nộp thuế phải thực hiện đăng ký thuế trước khi bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc có phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước **hoặc được hoàn thuế theo quy định của pháp luật. Người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế như sau:** a) Doanh nghiệp, tổ chức, **hộ kinh doanh,** cá nhân **kinh doanh** thực hiện đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, **Luật Hợp tác xã** và quy định khác của pháp luật có liên quan; b) **Doanh nghiệp,** tổ chức, cá nhân không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. **c) Đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia là người nộp thuế theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầuthực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế được giao quản lý khoản thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định của Chính phủ.** 2. Cấu trúc mã số thuế được quy định như sau: **a) Mã số thuế của cá nhân là số định danh cá nhân (là dãy số tự nhiên gồm 12 chữ số) do Bộ Công an cấp theo quy định của pháp luật về căn cước. Số định danh cá nhân của người đại diện hộ gia đình, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được sử dụng làm mã số thuế của hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đó.** **b) Mã số thuế do cơ quan thuế cấp được cấu trúc như sau:** b.1) Mã số thuế 10 chữ số được sử dụng cho doanh nghiệp, tổ chức ~~có tư cách pháp nhân; đại diện hộ gia đình, hộ kinh doanh~~**đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia** và cá nhân ~~khác~~**không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này**; b.2) Mã số thuế 13 chữ số và ký tự khác được sử dụng cho đơn vị phụ thuộc và các đối tượng khác **có liên quan của người nộp thuế đã được cấp mã số thuế 10 chữ số theo quy định tại điểm b.1 khoản này;**
6.3.12. Điều 32. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế lần đầu	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 32. ~~Địa điểm nộp~~Cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế lần đầu** **đ) Người nộp thuế là đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại cơ quan thuế được giao quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu .** chuyển sang nhóm 6
6.3.13.Điều 34	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 34** **đ) Người nộp thuế là đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại cơ quan thuế được giao quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu .**

6.3.14. Điều 36. Thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 36. Thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế** **...4. Người nộp thuế không được đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế khi cơ quan thuế đã có Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh.**
6.3.15. Điều 37. Thông báo khi tạm ngừng hoạt động, kinh doanh	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 37. Thông báo khi tạm ngừng hoạt động, kinh doanh** **...3. Người nộp thuế không được đăng ký tạm ngừng hoạt động, kinh doanh khi cơ quan thuế đã có thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.** **...**
6.3.16. Điều 38. Đăng ký thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 38. Đăng ký thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp** 1. Người nộp thuế đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh khi tổ chức lại doanh nghiệp,*tổ chức* thì thực hiện đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. 2. Người nộp thuế đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế khi tổ chức lại doanh nghiệp,*tổ chức* phải thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất và đăng ký mới hoặc thay đổi thông tin đối với tổ chức mới sau khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất.
6.3.17. Điều 40. Khôi phục mã số thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 40. Khôi phục mã số thuế** 1. Người nộp thuế đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh nếu được khôi phục tình trạng pháp lý theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh thì đồng thời được khôi phục mã số thuế, **trừ trường hợp người nộp thuế đang bị cơ quan thuế ra thông báo không hoạt động tại địa chỉ đăng ký.** **Trường hợp người nộp thuế đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh đang bị cơ quan thuế ra thông báo không hoạt động tại địa chỉ đăng ký thì người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp nếu chưa bị cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và chưa bị cơ quan thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế.** 2. Người nộp thuế đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong các trường hợp sau đây: a) Được cơ quan có thẩm quyền có văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi **giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc quyết định thành lập, hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư,** hoặc giấy tờ tương đương khác do cơ quan có thẩm quyền cấp phép; ...
6.3.18. Điều	Sửa đổi, bổ sung	**Điều 43. Hồ sơ khai thuế và kỳ tính thuế**

43. Hồ sơ khai thuế và kỳ tính thuế	các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**1. Kỳ tính thuế bao gồm kỳ tính thuế tháng, kỳ tính thuế quý, kỳ tính thuế năm, kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh và kỳ quyết toán thuế.** **...** 3. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì hồ sơ hải quan theo quy định của **pháp luật về** Luật Hải quan; **pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu** được sử dụng làm hồ sơ khai thuế.[15]
6.3.19. Điều 44. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 44. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế** **...2. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại thuế có kỳ tính thuế theo năm chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu tiên của năm dương lịch hoặc năm tài chính;** **...** 4. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với **loại thuế phải khai quyết toán thuế được quy định như sau:** **a) Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính;** b) Chậm nhất là ngày thứ 45 kể từ ngày xảy ra sự kiện **đối với trường hợp chấm dứt hoạt động; giải thể; phá sản; chấm dứt hợp đồng thầu; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; tổ chức lại doanh nghiệp mà doanh nghiệp mới không được quyền kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp sau tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;** **c) Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 4 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch đối với hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân của cá nhân trực tiếp quyết toán thuế; chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 4 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch của năm tiếp theo năm đầu tiên có mặt tại Việt Nam đối với cá nhân có mặt tại Việt Nam tính trong năm dương lịch đầu tiên là dưới 183 ngày, nhưng tính trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam là từ 183 ngày trở lên; trước khi xuất cảnh đối với cá nhân là người nước ngoài kết thúc hợp đồng lao động tại Việt Nam nhưng không quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng lao động.**
6.3.20. Điều 55. Thời hạn nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 55. Thời hạn nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu** 1. Trường hợp người nộp thuế tính thuế, thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Trường hợp khai bổ sung hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót. Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp, **lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ** thì tạm nộp theo quý, thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý sau.

[15] Sửa đổi, bổ sung quy định về hồ sơ khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu theo hướng quy định bổ sung thêm hồ sơ khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ngoài việc được thực hiện theo quy định của pháp luật hải quan thì còn thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế để bao quát hết các trường hợp hồ sơ khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

quản lý thu		Đối với dầu thô, thời hạn nộp thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp theo lần xuất bán dầu thô là 35 ngày kể từ ngày xuất bán đối với dầu thô bán nội địa hoặc kể từ ngày thông quan hàng hóa theo quy định của pháp luật về hải quan đối với dầu thô xuất khẩu. Đối với khí thiên nhiên, thời hạn nộp thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp theo tháng. ... 3. Đối với các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước từ đất, **tiền cấp quyền sử dụng tần số tuyến điện, tiền sử dụng khu vực biển,** tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài thì thời hạn nộp theo quy định của Chính phủ 4. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế, thời hạn nộp thuế thực hiện theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; trường hợp phát sinh số tiền thuế phải nộp sau khi thông quan hoặc giải phóng hàng hóa thì thời hạn nộp thuế phát sinh được thực hiện như sau: a) Thời hạn nộp thuế khai bổ sung, nộp số tiền thuế ấn định được áp dụng theo thời hạn nộp thuế của tờ khai hải quan ban đầu **trừ các trường hợp sau đây:** **Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị ấn định thuế, nhưng người khai thuế không kê khai trên tờ khai hải quan hoặc có kê khai trên tờ khai hải quan nhưng tờ khai hải quan bị hủy theo quy định của pháp luật về hải quan; hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế được thế chấp làm tài sản đảm bảo các khoản vay do người khai thuế không có khả năng trả nợ bị tổ chức tín dụng xử lý theo quy định của pháp luật; hàng hóa nhập khẩu bị kê biên để bán đấu giá theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án thuộc các trường hợp phải nộp thuế thời hạn nộp thuế là ngày ký ban hành quyết định ấn định thuế.**[16] **b) Thời hạn nộp thuế đối với trường hợp chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan thực hiện theo quy định của Điều 9 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, người nộp thuế phải tạm nộp thuế theo giá khai báo trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng. Người nộp thuế phải khai bổ sung, nộp số tiền thuế chênh lệch tăng thêm trong thời hạn là 05 ngày làm việc kể từ thời điểm có giá chính thức. Trường hợp khai bổ sung làm giảm số tiền thuế phải nộp, người nộp thuế được xử lý số tiền thuế nộp thừa theo quy định tại Điều 60 Luật này**[17]. **c) Thời hạn nộp thuế đối với trường hợp hàng hóa có khoản thực thanh toán, các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan chưa xác định được tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan, người nộp thuế phải tạm nộp thuế tính theo giá khai báo trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng. Khi có các khoản thực thanh toán, các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan, thời hạn nộp thuế là 05 ngày làm việc kể từ thời điểm người nhập**

[16] Bổ sung trên cơ sở đưa từ khoản 6 Điều 17 Nghị định 126/2020/NĐ-CP

[17] Bổ sung trên cơ sở đưa từ Điều 7 thông tư 06/2021/TT-BTC

		khẩu xác định được các khoản này. Các khoản thực thanh toán, các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan[18]. **d) Thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa phải phân tích, giám định để xác định chính xác số tiền thuế phải nộp, người nộp thuế phải tạm nộp thuế theo mã số khai báo trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng, trường hợp kết quả phân tích, giám định khác so với nội dung đã khai thì thời hạn nộp bổ sung số tiền thuế thiếu là 05 ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế nhận được yêu cầu khai bổ sung của cơ quan hải quan sau khi có kết quả phân tích, giám định.** **đ) Thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa được phép đăng ký tờ khai hải quan mới theo quy định của pháp luật về hải quan là ngày đăng ký tờ khai hải quan mới.** **e) Thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa nhập khẩu được cơ quan hải quan cho phép đưa về bảo quản để chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành là ngày hàng hóa được phép đưa về bảo quản.** **g) Thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.[19]**
6.3.21. Điều 67. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, *không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký*	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 67. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, *không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký*** 1. Việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp doanh nghiệp giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp doanh nghiệp phá sản được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Phá sản. 3. Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động, **hoặc không còn hoạt động tại** địa chỉ đăng ký kinh doanh chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì phần tiền thuế nợ còn lại do chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông góp vốn, thành viên góp vốn, thành viên hợp danh chịu trách nhiệm nộp theo quy định đối với mỗi loại hình doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp.

[18] Bổ sung trên cơ sở đưa từ Điều 7 thông tư 06/2021/TT-BTC

[19] - Bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 55 về thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa phải phân tích, giám định, hàng hóa chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan; hàng hóa có khoản thực thanh toán, hàng hóa có các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan chưa xác định được tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan trên cơ sở kế thừa quy định tại Điều 7 Thông tư số 06/2021/TT-BTC.

- Bổ sung quy định thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật để có căn cứ xử lý các vướng mắc trong thực tế (nếu có)

		3. Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động, **hoặc không còn hoạt động tại** địa chỉ **đã đăng** ký ~~kinh doanh~~ chưa hoàn thành **nghĩa vụ nộp** thuế thì phần tiền thuế nợ còn lại (bao gồm cả các khoản tiền thuế phải nộp, tiền chậm nộp, tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế do doanh nghiệp chưa thực hiện đủ các nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế) do chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông góp vốn, thành viên góp vốn, thành viên hợp danh chịu trách nhiệm nộp theo quy định đối với mỗi loại hình doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp. 4. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chấm dứt hoạt động kinh doanh **hoặc không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký** chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì phần tiền thuế nợ còn lại do chủ hộ, cá nhân chịu trách nhiệm nộp. 5. Người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc chấm dứt hoạt động **hoặc không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký** mà vẫn còn nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước thì có trách nhiệm kế thừa các khoản nợ của đơn vị phụ thuộc.
6.3.22. Điều 68. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 68. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp** **Điều 68. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp** 1. Doanh nghiệp bị chia có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi thực hiện chia doanh nghiệp; trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì các doanh nghiệp mới được thành lập từ doanh nghiệp bị chia có trách nhiệm **kế thừa và**hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế. 2. Doanh nghiệp bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi tách, hợp nhất, sáp nhập; trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì doanh nghiệp bị tách và doanh nghiệp được tách, doanh nghiệp hợp nhất, doanh nghiệp nhận sáp nhập có trách nhiệm **kế thừa và**hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế. 3. Doanh nghiệp được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi chuyển đổi; trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì doanh nghiệp chuyển đổi có trách nhiệm **kế thừa và**hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.
6.3.23. Điều 69	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 69. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự** 1. Việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết do người được thừa kế thực hiện trong phần tài sản của người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết để lại hoặc phần tài sản người thừa kế được chia tại thời điểm nhận thừa kế. Trong trường hợp không có người thừa kế hoặc tất cả những người thừa kế từ chối nhận di sản thừa kế thì việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự. 2. Việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của người bị Tòa án tuyên bố mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự do người quản lý tài sản của người mất tích hoặc người mất năng lực hành vi dân sự thực hiện trong phần tài sản của người đó. 3. Trường hợp Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố một người là đã chết, ~~mất tích~~ hoặc mất năng lực

		hành vi dân sự thì số nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã xóa theo quy định tại Điều 85 của Luật này được phục hồi lại, nhưng không bị tính tiền chậm nộp cho thời gian bị tuyên bố là đã chết, ~~mất tích~~ hoặc mất năng lực hành vi dân sự.
6.3.24. Điều 72. Trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết và phản hồi thông tin hồ sơ hoàn thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 72. Trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết và phản hồi thông tin hồ sơ hoàn thuế** 1. Cơ quan quản lý thuế có nhiệm vụ tiếp nhận **và giải quyết** hồ sơ hoàn thuế theo quy định sau đây: a) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế đối với các trường hợp được hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế; áp dụng quản lý rủi ro, ban hành các quy trình nội bộ, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin để phân loại hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hoàn thuế trước hoặc kiểm tra trước hoàn thuế và giải quyết hồ sơ hoàn thuế theo quy định; **trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư tại địa bàn cấp tỉnh khác với nơi người nộp thuế đóng trụ sở thì cơ quan thuế tiếp nhận, phân loạivà giải quyết hồ sơ hoàn là cơ quan thuế nơi có dự án đầu tư hoặc nơi có Ban quản lý dự án thuộc nơi có dự án đầu tư đối với dự án đầu tư đi qua nhiều địa bàn cấp tỉnh hoặc nơi đặt văn phòng điều hành, công ty điều hành chung, công ty liên doanh đối với dự án tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu khí.** Cơ quan thuế quản lý khoản thu **ngân sách nhà nước** tiếp nhận, **phân loạivà giải quyết** hồ sơ hoàn trả tiền nộp thừa; trường hợp hoàn trả tiền nộp thừa theo quyết toán thuế thu nhập doanh **nghiệp của tổ chức**, quyết toán thuế thu nhập cá nhân **của cá nhân** thì cơ quan thuế tiếp nhận, **phân loạivà giải quyết** hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, quyết toán thuế thu nhập cá nhân của người nộp thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn trả tiền nộp thừa; **(đã được sửa đổi tại Luật số 56/2024/QH15)** .....
6.3.25. Điều 73. Phân loại hồ sơ hoàn thuế	Sửa đổi quy định tại Điều 73 : Sửa đổi quy định tại Điều 73 quy định về phân loại hồ sơ hoàn thuế và sửa quy định phân loại đối với hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu không thực hiện thanh toán qua ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác.	**Điều 73. Phân loại hồ sơ hoàn thuế** ...2. Hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế **thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế thực hiện,** bao gồm: a) **Hồ sơ hoàn thuế** của người nộp thuế đề nghị hoàn thuế lần đầu của từng trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế (**trừ trường hợp hoàn thuế nộp thừa);hồ sơ của người nộp thuế đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng lần đầu của từng dự án đầu tư**. Trường hợp người nộp thuế có hồ sơ hoàn thuế gửi cơ quan ~~quản lý~~ thuế lần đầu nhưng không thuộc diện được hoàn thuế theo quy định thì lần đề nghị hoàn thuế kế tiếp vẫn xác định là đề nghị hoàn thuế lần đầu; **Trường hợp người nộp thuế gửi nhiều hồ sơ hoàn thuế của từng trường hợp hoàn thuế trong cùng một ngày và có một hồ sơ hoàn thuế được phân loại thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế thì các hồ sơ còn lại thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế.** b) **Hồ sơ hoàn thuế** của người nộp thuế đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 02 năm kể từ thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế. **Trường hợp người nộp thuế có nhiều lần đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 02 năm, nếu trong lần đề nghị hoàn thuế đầu tiên tính từ sau thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế, cơ quan thuế kiểm tra hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế không có hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn quy định tại Điều 142 Luật Quản lý thuế, hoặc hành vi trốn thuế quy định tại Điều 143 Luật Quản lý thuế thì những lần đề nghị hoàn thuế tiếp theo hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế không thuộc diện kiểm**

	Bổ sung tại khoản 2a cụm từ "trừ trường hợp hoàn thuế nộp thừa" đối với hồ sơ hoàn thuế nộp thừa để pháp lý hóa quy định tại khoản 1 Điều 44 Thông tư số 80/2021/TT-BTC vì số nộp thừa đã được CQT theo dõi từ trước nên khi NNT nộp hồ sơ hoàn lần đầu thì không phải kiểm tra trước hoàn. Tiếp thu ý kiến của CCT KV XVI, CCT KV XIX hoàn thiện lại câu chữ cho dễ hiểu và thực hiện thống nhất. Bổ sung các đối tượng miễn trừ ngoại giao không thực hiện kiểm tra trước hoàn để phù hợp với pháp luật về miễn trừ ngoại giao.	**tra trước hoàn thuế nếu không có hồ sơ hoàn thuế bị xử phạt hành vi khai sai, hành vi trốn thuế. Trường hợp phát hiện trong những lần đề nghị hoàn thuế tiếp theo, người nộp thuế có hành vi khai sai đối với hồ sơ hoàn thuế, hành vi trốn thuế quy định tại Điều 142, Điều 143 Luật Quản lý thuế thì các hồ sơ đề nghị hoàn thuế nộp sau khi bị xử lý hành vi khai sai, hành vi trốn thuế vẫn thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế theo đúng thời hạn 02 năm, kể từ thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế;** c) Hồ sơ **hoàn thuế** của tổ chức giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, **chấm dứt hợp đồng nhà thầu nước ngoài, chấm dứt hợp đồng, hiệp định dầu khí;** d) Hồ sơ hoàn thuế thuộc loại rủi ro về thuế cao theo phân loại quản lý rủi ro trong quản lý thuế **hoặc hồ sơ hoàn thuế thuộc trường hợp hoàn thuế trước nhưng trong quá trình giải quyết có một phần số tiền thuế được hệ thống của cơ quan quản lý thuế tự động xác định là có rủi ro cao;** đ) Hồ sơ hoàn thuế thuộc trường hợp hoàn thuế trước nhưng hết thời hạn theo thông báo **của cơ quan thuế** bằng văn bản **hoặc bằng điện tử**, người nộp thuế có giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế nhưng không chứng minh được số tiền thuế đã khai là đúng; **e) Hồ sơ hoàn thuế nộp thừa theo quy định của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và Điều ước quốc tế khác mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.** **3. Hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải kiểm tra trước hoàn thuế, bao gồm:** **a) Hồ sơ của người nộp thuế lần đầu tiên đề nghị cơ quan hải quan hoàn thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;** **b) Hồ sơ của người nộp thuế đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 24 tháng kể từ thời điểm bị cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý về hành vi trốn thuế;** **c) Hồ sơ của tổ chức giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp nhà nước;** **d) Hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu được phân loại ở mức độ rủi ro cao về thuế;** **đ) Hồ sơ hoàn thuế đã được phân loại là hồ sơ hoàn thuế trước nhưng hết thời hạn theo thông báo bằng văn bản hoặc dưới dạng dữ liệu điện tử qua hệ thống của cơ quan hải quan, người nộp thuế không giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế hoặc có giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế nhưng cơ quan hải quan chưa đủ cơ sở để hoàn thuế;** **c) Hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, người nộp thuế không thực hiện thanh toán qua ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật;** **g) Hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, người nộp thuế thực hiện thanh toán qua ngân**

	Bổ sung quy định phân loại một phần số tiền đề nghị hoàn thuế sang kiểm tra trước hoàn nếu hệ thống xác định là có rủi ro cao (luồng đỏ).	**hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật nhưng tại thời điểm nộp hồ sơ hoàn thuế, khách hàng nước ngoài chưa thanh toán cho doanh nghiệp[20].** **h) Hồ sơ hoàn thuế của hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt;** **i) Hồ sơ hoàn thuế trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu nhưng phải tái xuất trả lại nước ngoài (hoặc tái xuất sang nước thứ ba hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan) không cùng một cửa khẩu, hàng hóa xuất khẩu nhưng phải tái nhập khẩu trở lại Việt Nam không cùng một cửa khẩu;** **k) Hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế được cơ quan hải quan xác định có hành vi vi phạm về hải quan đã bị xử lý quá 02 lần (bao gồm cả hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu) với mức phạt tiền vượt thẩm quyền của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;** **l) Hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế trong thời hạn 24 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế được cơ quan hải quan xác định đã bị xử lý về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;** **m) Hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.[21]** **4.** Hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, **bao gồm:**là hồ sơ của người nộp thuế không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, **khoản 3** Điều này và **hồ sơ hoàn nộp thừa thuế thu nhập cá nhân của cá nhân trực tiếp quyết toán thuế, hồ sơ hoàn nộp thừa của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử đã được nhà quản lý các sàn thương mại điện tử, nền tảng số khấu trừ, nộp thuế thay;hồ sơ hoàn thuế nộp thừa theo Quyết định giải quyết khiếu nại hoặc Bản án của Tòa án; hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng của chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại của đối tượng miễn trừ ngoại giao; hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng ưu đãi miễn trừ ngoại giao.**
6.3.26. Điều 78. Không thu thuế đối với	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp	**Điều 78. Không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu** 1. Không thu thuế ~~đối với trường hợp không phải nộp thuế~~ xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu[22].

[20] Bổ sung theo kiến nghị của đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai (cv trả lời số 3872/TCHQ-TXNK ngày 25/7/20023)

[21]- Sửa đổi khoản 2 theo hướng áp dụng riêng cho cơ quan Thuế để tránh phát sinh vướng mắc cho cơ quan hải quan trong quá trình tổ chức thực hiện quy định tại khoản này.
- Bổ sung khoản 3 để áp dụng riêng cho cơ quan hải quan. Nội dung bổ sung trên cơ sở kế thừa quy định tại khoản 2 Điều này và quy định hiện hành về phân loại hồ sơ hoàn thuế tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

[22] Để đảm bảo thống nhất với pháp luật về thuế (Điều 37a được bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 78 theo hướng quy định

hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	luật liên quan	2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục không thu thuế.
6.3.7. Điều 84. Thủ tục, hồ sơ, thời gian, thẩm quyền khoanh tiền thuế nợ	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 84. Thủ tục, hồ sơ, thời gian, thẩm quyền khoanh tiền thuế nợ** 1. Chính phủ quy định thời gian, số tiền khoanh nợ đối với các trường hợp được khoanh nợ. **Thủ tục, hồ sơ khoanh nợ thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.** 2. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế **và các khoản thu phải nộp ngân sách nhà nước** quyết định việc khoanh tiền thuế nợ, **chấm dứt hiệu lực của quyết định khoanh nợ.** 3. Cơ quan quản lý thuế tiếp tục theo dõi các khoản tiền thuế nợ được khoanh và phối hợp với các cơ quan có liên quan để thu hồi tiền thuế nợ khi người nộp thuế có khả năng nộp thuế hoặc thực hiện xóa nợ theo quy định tại Điều 85 của Luật này. **4. Các trường hợp chấm dứt hiệu lực của quyết định khoanh tiền thuế nợ:**[23] **a) Người nộp thuế đã được khoanh tiền thuế nợ nhưng người nộp thuế tiếp tục sản xuất kinh doanh;** **b) Người nộp thuế đã được khoanh tiền thuế nợ nhưng cơ quan quản lý thuế phát hiện người nộp thuế thành lập cơ sở kinh doanh hoặc doanh nghiệp khác;** **c) Tòa án hủy quyết định trước đó tuyên bố một người đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự;** **d) Cơ quan quản lý thuế phát hiện hoặc cơ quan có thẩm quyền phát hiện và kết luận việc khoanh tiền thuế nợ không đúng quy định của pháp luật về thuế, quản lý thuế;** ~~**đ) Cơ quan quản lý thuế phát hiện hoặc cơ quan có thẩm quyền phát hiện và kết luận việc khoanh tiền thuế nợ không đúng quy định của pháp luật về thuế, quản lý thuế;**~~ **đ) Số tiền thuế đã được cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định khoanh nợ nhưng đủ điều kiện để được xóa nợ theo quy định tại Điều 85 Luật này.**
6.3.28. Điều 92. Dịch vụ về hóa đơn điện tử	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 92. Dịch vụ về hóa đơn điện tử** 1. Dịch vụ về hóa đơn điện tử bao gồm dịch vụ cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế, dịch vụ truyền dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế từ người nộp thuế tới cơ quan thuế và dịch vụ về hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế. 2. Tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử bao gồm tổ chức cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử, tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử và các dịch vụ khác có liên quan đến hóa đơn điện tử.
6.3.29. Điều 99. Bảo mật	Sửa đổi, bổ sung các quy định để	**Điều 99. Bảo mật thông tin người nộp thuế** **2. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm cung cấp thông tin người nộp thuế trong các trường hợp sau đây:**

không thu thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

[23] Bổ sung quy định về các trường hợp cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực của quyết định khoanh tiền thuế nợ.

thông tin người nộp thuế	đồng bộ với pháp luật liên quan	a) Cung cấp cho cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án; Thanh tra nhà nước, Kiểm toán nhà nước; Cơ quan quản lý khác của Nhà nước **trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản để phục vụ hoạt động tố tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán** **b) Cung cấp cho cơ quan quản lý khác của Nhà nước theo quy định của pháp luật.** **c) Cung cấp cho tổ chức, cá nhân đối với các trường hợp được công khai thông tin người nộp thuế quy định tại Điều 100 Luật Quản lý thuế trong trường hợp các thông tin phải được công khai nhưng chưa công khai; thông tin hết thời hạn công khai theo quy định của pháp luật; thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được.** **d) Cung cấp cho cơ quan quản lý thuế nước ngoài phù hợp với điều ước quốc tế về thuế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.**
6.3.30. Điều 109. Kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 109. Kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế** 1. Kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế do cơ quan quản lý thuế thực hiện đối với các hồ sơ thuế, **hóa đơn điện tử** đượcquy định như sau: Nghiên cứu bổ sung trường hợp thuộc diện kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế bao gồm "chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, giải thể, chấm dứt hoạt động, cổ phần hóa, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh" trong trường hợp doanh nghiệp không phát sinh hoặc chỉ phát sinh doanh thu, hàng hóa dịch vụ mua vào trên hóa đơn điện tử và hồ sơ khai thuế ở ngưỡng thấp (do Chính phủ quy định) để làm căn cứ xác nhận nghĩa vụ và xử lý hồ sơ chấm dứt hiệu lực MST cho doanh nghiệp.... b) **Kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan hải quan được thực hiện trước thông quan, trong thông quan, sau thông quan** nhằm kiểm tra, đối chiếu, so sánh nội dung trong hồ sơ **hải quan** với thông tin, tài liệu có liên quan, quy định của pháp luật về thuế, kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa **trong trường hợp cần thiết để xử lý thu thuế, miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa, ấn định thuế, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế**[24].

[24] Quy định hiện hành về việc kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan quản lý thuế chưa bao quát hết các trường hợp kiểm tra thuế của cơ quan hải quan. Kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan hải quan được thực hiện trước thông quan, trong thông quan, sau thông quan.
1. Kiểm tra thuế trước thông quan áp dụng đối với 03 trường hợp sau đây:
a) Hàng hoá nhập khẩu miễn thuế phục vụ trực tiếp an ninh quốc phòng theo quy định tại Điều 20 Nghị định 134/2016/NĐ-CP, người nộp thuế phải nộp hồ sơ đề nghị miễn thuế đến TCHQ để TCHQ ban hành thông báo miễn thuế trước khi làm thủ tục nhập khẩu.
b) Hàng hoá nhập khẩu là quà biếu, quà tặng của tổ chức cá nhân nước ngoài cho tổ chức cá nhân Việt Nam theo quy định tại Điều 8 Nghị định 134. Trước khi nhập khẩu phải nộp hồ sơ đề nghị miễn thuế đến TCHQ, TCHQ sẽ ban hành QĐ miễn thuế.
c) Miễn thuế trong các trường hợp đặc biệt khác theo quy định tại khoản Điều 29 Nghị định 134 thuộc thẩm quyền miễn thuế của CP. Trước khi nhập khẩu người nộp thuế phải nộp hồ sơ đề nghị miễn thuế đến TCHQ, TCHQ trình Bộ TC báo cáo TTCP quyết định miễn thuế.
2. Kiểm tra thuế trong thông quan: áp dụng đối với các trường hợp kiểm tra thuế đối với hàng hoá XK, NK thuộc đối tượng chịu thuế, không chịu thuế, giảm thuế, miễn thuế, không thu thuế..
3. Kiểm tra thuế sau thông quan bao gồm: Kiểm tra sau hoàn thuế đối với hồ sơ hoàn thuế trước, kiểm tra tình hình sử dụng hàng hoá miễn thuế, kiểm tra khi có yêu cầu của cơ quan

		...
6.3.31. Điều 110. Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 110. Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế** 1. **Cơ quan Thuế** kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế trong các trường hợp sau đây: a) Trường hợp hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế; kiểm tra sau hoàn thuế đối với hồ sơ thuộc diệnhoàn thuế trước; b) Trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 109 của Luật này; *c)* Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật; *d)* Trường hợp được lựa chọn theo kế hoạch, chuyên đề; *đ)*Trường hợp theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra nhà nước, cơ quan khác có thẩm quyền; *e*) Trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, ***phá sản,*** giải thể, chấm dứt hoạt động, cổ phần hóa, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh và các trường hợp kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, trừ trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động, ***chuyển địa điểm kinh doanh*** mà cơ quan thuế không phải thực hiện quyết toán thuế theo quy định của pháp luật. **Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết khoản này.** **2. Cơ quan hải quan kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế trong các trường hợp sau đây:** **a) Trường hợp hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế; kiểm tra sau hoàn thuế đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước;** **b) Kiểm tra các điều kiện áp dụng chính sách thuế theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.** **c) Kiểm tra sau thông quan theo quy định của pháp luật hải quan.**[25] ...
6.3.32. Điều 136. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 136. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế** ...8. Người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm hành chính về quản lý thuế có trách nhiệm lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định. Trường hợp người nộp thuế đăng ký thuế, nộp hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế điện tử nếu thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế, hồ sơ quyết toán thuế bằng phương thức điện tử xác định rõ hành vi vi phạm hành chính, **thông tin về tên, mã số thuế người nộp thuế, thời**

thanh tra, kiểm toán, kiểm tra trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, kiểm tra thuế để xử lý khoanh tiền thuế nợ; xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt; miễn tiền chậm nộp, tiền phạt; không tính tiền chậm nộp; gia hạn nộp thuế; nộp dần tiền thuế nợ; xử lý tiền thuế nộp thừa,kiểm tra sau thông quan theo quy định của Luật Hải quan.
Do đó, cần thiết phải bổ sung quy định về kiểm tra thuế để bao quát hết chức năng, nhiệm vụ của cơ quan hải quan.

[25]Để đảm bảo bao quát hết các trường hợp cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế, quản lý thuế cần bổ sung khoản 2 quy định chi tiết về kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế do cơ quan hải quan thực hiện. Quy định này trên cơ sở kế thừa tại Điều 110 Luật QLT, Điều 32 Nghị định 134/2016/NĐ-CP (quy định về kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế đối với hồ sơ giảm thuế); Điều 31a Nghị định số 18/2021/NĐ-CP (quy định về kiểm tra tình hình sử dụng hàng hoá nhập khẩu miễn thuế), Điều 10, Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, khoản 6 Điều 1 Nghị định 18/2021/NĐ-CP, Điều 80 Luật hải quan (quy định về kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan)

lý thuế		**điểm vi phạm, nội dung vi phạm và điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật** về quản lý thuế **quy định hành vi vi phạm** của người nộp thuế thì thông báo này là biên bản vi phạm hành chính làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt. ... ...
6.3.33. Điều 137. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 137. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế** 1. Đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế, **hành vi vi phạm về hóa đơn**thì thời hiệu xử phạt là 02 năm kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm. ...
6.3.34. Điều 139. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 139. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế** 1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. 2. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế, ~~Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu thuộc Tổng cục Hải quan~~ có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các điều 142, 143, 144 và 145 của Luật này.
6.3.35. Điều 139a. Hoãn thi hành quyết định phạt tiền	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 139a. Hoãn thi hành quyết định phạt tiền** **1. Hoãn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.** **2. Không tính tiền chậm nộp phạt vi phạm hành chính trong trong thời hạn được hoãn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.**
6.3.36. Điều 140. Miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan	**Điều 140. Miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế** **1. Giảm, miễn tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.** 2. Tổng số tiền miễn phạt tối đa không quá giá trị tài sản, hàng hóa bị thiệt hại.

		3. Không tính tiền chậm nộp phạt vi phạm hành chính trong trong thời gian xem xét, quyết định giảm, miễn phần còn lại.
6.4. Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế		
6.4.1. Khoản 6 (khoản 5 cũ) Điều 3	Bổ sung vào khoản 6 (khoản 5 cũ) Điều 3 quy định: ngoài MST do cơ quan thuế cấp (là dãy số gồm 10 hoặc 13 chữ số) thì mã số đăng ký doanh nghiệp, mã số đăng ký hợp tác xã, mã số đăng ký kinh doanh do cơ quan quản lý nhà nước cấp hoặc số định danh cá nhân do Bộ Công an cấp theo quy định của pháp luật về căn cước cũng là mã số thuế (*để đáp ứng mục tiêu chuyển đổi số trong đăng ký thuế - sử dụng dữ liệu liên thông giữa cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước khác*). chuyển nhóm 6	**Điều 3. Giải thích từ ngữ** 6...*Mã số thuế* là một dãy số gồm 10 chữ số hoặc 13 chữ số và ký tự khác do cơ quan thuế cấp cho người nộp thuế dùng để quản lý thuế **hoặc là mã số đăng ký doanh nghiệp, mã số đăng ký hợp tác xã, mã số đăng ký kinh doanh do cơ quan quản lý nhà nước cấp hoặc là số định danh cá nhân do cơ quan Công an cấp.** Bổ sung khoản **"39. Mã định danh khoản phải nộp (ID) là một dãy các ký tự được tạo trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế của cơ quan quản lý thuế, có tính duy nhất cho từng hồ sơ thuế hoặc khoản phải nộp của người nộp thuế."**
6.4.2. Điều 4. Nội dung quản lý thuế	Sửa đổi khoản 3 Điều 4: Quy định rõ *gia hạn tiền thuế nợ* để làm rõ	**Điều 4. Nội dung quản lý thuế** 3. Khoanh tiền thuế nợ; xóa nợ tiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~; miễn tiền chậm nộp, tiền phạt; không tính tiền chậm nộp; gia hạn nộp thuế; nộp dần tiền thuế nợ."

	nội hàm của việc gia hạn thuế. Đề nghị sửa lại khoản 3 như sau: "3. Khoanh tiền thuế nợ; xóa nợ tiền thuế,~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~; miễn tiền chậm nộp, tiền phạt; không tính tiền chậm nộp; gia hạn nộp thuế; nộp dần tiền thuế nợ."	
6.4.3. Điều 5. Nguyên tắc quản lý thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 5. Nguyên tắc quản lý thuế** 1. Mọi tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế **và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước** theo quy định của luật. 2. Cơ quan quản lý thuế, các cơ quan khác của Nhà nước được giao nhiệm vụ quản lý thu thực hiện việc quản lý thuế **và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước** theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan, bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người nộp thuế. **a) Trường hợp pháp luật chuyên ngành và Luật Quản lý thuế cùng quy định về việc xác định nghĩa vụ nộp thuế của người nộp thuế thì cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế; Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về việc xác định nghĩa vụ nộp thuế của người nộp thuế mà Luật Quản lý thuế không có quy định thì cơ quan thuế áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.** **b) Trường hợp cơ quan được giao quản lý thu các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước có đầy đủ thông tin, cơ sở để xác định số phải thu thì cơ quan đó có trách nhiệm thực hiện từ việc xác định số phải thu nộp ngân sách nhà nước, thông báo thu, đôn đốc thu, theo dõi nghĩa vụ thu nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế, hoàn trả nộp thừa, tính tiền chậm nộp và thực hiện các biện pháp cưỡng chế (nếu có) theo quy định của Luật này. Trường hợp cơ quan được giao quản lý thu các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước không có đầy đủ thông tin, cơ sở để xác định số phải thu mà văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có quy định một trong các yếu tố xác định khoản phải thu thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế thì cơ quan quản lý thu các khoản thu khác phải phối hợp với cơ quan quản lý thuế để thực hiện tính, thông báo thu và quản lý theo quy định tại Luật này.** **3. Công chức quản lý thuế chịu trách nhiệm giải quyết hồ sơ thuế trong phạm vi hồ sơ, tài liệu, thông tin của người nộp thuế cung cấp, cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý thuế, thông tin của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp có liên quan đến người nộp thuế, kết quả áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế, bảo đảm theo đúng chức trách, nhiệm vụ, tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý thuế và quy định pháp luật khác**

		về thuế có liên quan[26]. 4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia quản lý thuế **và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước** theo quy định của pháp luật. 5. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong quản lý thuế; áp dụng các nguyên tắc quản lý thuế theo thông lệ quốc tế, trong đó có nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế, nguyên tắc quản lý rủi ro, **quản lý tuân thủ** trong quản lý thuế **và chương trình nâng cao tuân thủ tự nguyện và tổng thể của người nộp thuế** và các nguyên tắc khác phù hợp với điều kiện của Việt Nam.
6.4.4. Điều 9. Quản lý rủi ro trong quản lý thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 9. Quản lý rủi ro trong quản lý thuế** ...3. Áp dụng cơ chế quản lý rủi ro trong quản lý thuế gồm nghiệp vụ thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu liên quan đến người nộp thuế; xây dựng tiêu chí quản lý thuế; đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người nộp thuế; phân loại **và kiểm soát** mức độ rủi ro trong quản lý thuế và tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý thuế phù hợp **nhằm giảm thiểu thất thu ngân sách nhà nước**. 4. Đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người nộp thuế và phân loại mức độ rủi ro trong quản lý thuế được quy định như sau: a) Đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của người nộp thuế được thực hiện dựa trên hệ thống các tiêu chí, thông tin về lịch sử quá trình hoạt động của người nộp thuế, quá trình tuân thủ pháp luật và mối quan hệ hợp tác với cơ quan quản lý thuế trong việc thực hiện pháp luật về thuế và mức độ vi phạm pháp luật về thuế; b) Phân loại mức độ rủi ro trong quản lý thuế được thực hiện dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của người nộp thuế. Trong quá trình phân loại mức độ rủi ro, cơ quan quản lý thuế xem xét các nội dung có liên quan, gồm thông tin về dấu hiệu rủi ro; dấu hiệu, hành vi vi phạm trong quản lý thuế; thông tin về kết quả hoạt động nghiệp vụ của cơ quan quản lý thuế, cơ quan khác có liên quan theo quy định của Luật này; c) Cơ quan quản lý thuế sử dụng kết quả đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người nộp thuế và kết quả phân loại mức độ rủi ro trong quản lý thuế để áp dụng **các chương trình tuân thủ tự nguyện, tuân thủ tổng thể để hỗ trợ người nộp thuế tuân thủ pháp luật thuế và** các biện pháp quản lý thuế phù hợp. 5. Cơ quan quản lý thuế ứng dụng **công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin của ngành thuế nhằm xây dựng nền tảng điều hành quản lý tuân thủ theo thời gian thực, hỗ trợ công tác giám sát, đánh giá rủi ro và hiệu quả quản lý thuế của cơ quan thuế và công chức quản lý thuế.** ...

[26] Nội dung này được quy định tại Luật số 56/2024/QH15

6.4.5. Điều 12. Hợp tác quốc tế về thuế của cơ quan quản lý thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 12. Hợp tác quốc tế về thuế của cơ quan quản lý thuế** …2. Đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện các thỏa thuận song phương, đa phương **về chính sách thuế và quản lý thuế** với cơ quan quản lý thuế nước ngoài. …
6.4.6. Điều 13. Kế toán, thống kê về thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 13. Kế toán, thống kê về thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước** **…2.Cơ quan thuế thực hiện hạch toán kế toán các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước không do cơ quan thuế quản lý theo quy định của pháp luật kế toán và pháp luật về ngân sách nhà nước.** …
6.4.8. Điều 16. Quyền của người nộp thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 16. Quyền của người nộp thuế** … 11. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, không tính tiền chậm nộp đối với trường hợp do người nộp thuế thực hiện **xác định nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu phải nộpthuộc ngân sách nhà nước** theo văn bản hướng dẫn hoặc quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế[27], cơ quan nhà nước có thẩm quyền **quản lý các khoản thu thuộc ngân sách nhà nước không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu** liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế, **phí, lệ phí và các khoản thu phải nộp thuộc ngân sách nhà nước** của người nộp thuế. …
6.4.7. Điều 17. Trách nhiệm của người nộp thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 17. Trách nhiệm của người nộp thuế** …7. Cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế, bao gồm cả thông tin về giá trị đầu tư; **số vốn điều lệ đã thực góp khi thành lập doanh nghiệp;** số hiệu và nội dung giao dịch của tài khoản được mở tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác; giải thích việc tính thuế, khai thuế, nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế. ~~…10. Người nộp thuế thực hiện hoạt động kinh doanh tại địa bàn có cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin phải thực hiện kê khai, nộp thuế, giao dịch với cơ quan quản lý thuế thông qua phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật.~~ **…12. Người nộp thuế có trách nhiệm sử dụng hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế,**

[27] Sửa cụm từ "cơ quan thuế" thành "cơ quan quản lý thuế" tại khoản 11 Điều 16 dự thảo Luật quản lý thuế để bao gồm các văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan hải quan.

		giảm thuế theo đúng mục đích quy định của pháp luật thuế. Trường hợp sử dụng không đúng mục đích hoặc thay đổi mục đích sử dụng so với mục đích ban đầu đã kê khai với cơ quan quản lý thuế, người nộp thuế phải kê khai nộp tiền thuế, tiền chậm nộp và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật quản lý thuế.[28] **...15. Người nộp thuế là doanh nghiệp xã hội có trách nhiệm kê khai chính xác, trung thực và đầy đủ các khoản thu từ hoạt động hợp tác, tài trợ và hợp đồng kinh tế với tổ chức, cá nhân nước ngoài cho cơ quan quản lý thuế sử dụng cho giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.**
6.4.8. Điều 18. Nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 18. Nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế** ...5. Thực hiện việc miễn thuế; giảm thuế; xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt; miễn tiền chậm nộp, tiền phạt; không tính tiền chậm nộp; gia hạn tiền thuế nợ; nộp dần tiền thuế nợ; khoanh tiền thuế nợ, không thu thuế; xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa; hoàn thuế theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. ...7. **Kiểm tra thuế theo quy định của pháp luật**, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thực hiện pháp luật về thuế theo thẩm quyền. **...12. Khôi phục lại mã số thuế cho người nộp thuế trong trường hợp cơ quan thuế đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế nhưng sau đó cơ quan thuế xác định người nộp thuế không thuộc trường hợp phải chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại Điều 39 Luật này.**
6.4.9. Điều 19. Quyền hạn của cơ quan quản lý thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 19. Quyền hạn của cơ quan quản lý thuế** ...3. Kiểm tra thuế, ~~thanh tra thuế~~ **kiểm tra giá giao dịch liên kết** theo quy định của pháp luật. ...7. Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế theo quy định của pháp luật. **Yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh không thực hiện việc đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian cơ quan quản lý thuế đang tiến hành xử lý các hành vi vi phạm của**

[28] Theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật thuế XNK quy định 04 trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế, điều 16 Luật thuế XNK quy định về 20 trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế.

Đối với hàng hóa nhập khẩu không chịu thuế (ví dụ: hàng hóa nhập khẩu để gia công, SXXK của DNCX phải được sử dụng đúng mục đích gia công, SXXK, không được tự ý tiêu thụ tại thị trường Việt Nam); hàng hóa nhập khẩu miễn thuế thì phải được sử dụng đúng mục đích miễn thuế (Ví dụ: hàng hóa nhập khẩu của dự án ưu đãi đầu tư phải sử dụng đúng mục đích miễn thuế đã khai trên tờ khai hải quan khi nhập khẩu). Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng thì phải kê khai tờ khai hải quan mới, nộp đủ thuế theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.

Luật quản lý thuế hiện hành chưa quy định người nộp thuế có trách nhiệm sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế, không chịu thuế đúng đối tượng, đúng quy định. Trường hợp sử dụng sai mục đích phải kê khai nộp thuế.

Để đảm bảo thống nhất giữa pháp luật về thuế, quản lý thuế cần thiết phải bổ sung quy định về trách nhiệm của người nộp thuế trong việc sử dụng hàng hóa miễn thuế, không chịu thuế tại Luật QLT sửa đổi, bổ sung.

		doanh nghiệp về pháp luật về thuế, pháp luật về hải quan. **...11. Yêu cầu người nộp thuế thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của người nộp thuế.** **12. Chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế trong trường hợp tập đoàn đa quốc gia không thông báo chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam theo quy định của Chính phủ.** **13. Xây dựng Chương trình tuân thủ tổng thể, chương trình tuân thủ tự nguyện để hỗ trợ và khuyến khích người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế.**
6.4.10. Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước** ...2. Đối với kiến nghị của Kiểm toán nhà nước liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế được quy định như sau: a) Trường hợp Kiểm toán nhà nước trực tiếp kiểm toán người nộp thuế theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước có nội dung kiến nghị về nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước thì Kiểm toán nhà nước phải gửi biên bản hoặc báo cáo kiểm toáncho người nộp thuế,**cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp**và người nộp thuế có trách nhiệm thực hiện kiến nghị theo báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước. Trường hợp người nộp thuế không đồng ý với kiến nghị của Kiểm toán nhà nước thì người nộp thuế có quyền khiếu nại kiến nghị của Kiểm toán nhà nước **và gửi cho cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp một bản để theo dõi;** ... **Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra nhà nước** ...2. Đối với kết luận của Thanh tra nhà nước liên quan đến nghĩa vụ thuế phải nộp của người nộp thuế được quy định như sau: a) Trường hợp Thanh tra nhà nước trực tiếp thanh tra người nộp thuế theo quy định của Luật Thanh tra có nội dung kết luận về nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước thì Thanh tra nhà nước phải gửi biên bản hoặc kết luận cho người nộp thuế, **cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp**và người nộp thuế có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thanh tra. Trường hợp người nộp thuế không đồng ý với kết luận của Thanh tra nhà nước thì người nộp thuế có quyền khiếu nại kết luận của Thanh tra nhà nước **và gửi cho cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp một bản để theo dõi;** ...
6.4.11. Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức tín dụng	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức tín dụng** ...2. **Tổ chức tín dụng** cung cấp thông tin về **số hiệu**tài khoản **thanh toán** theo mã số thuế **hoặc số định danh cá nhân** của người nộp thuế khi ~~mở~~ **cấp mới, thay đổi, đóng** tài khoản **tại tổ chức tín dụng, cung cấp giao dịch thanh toán qua ngân hàng của người nộp thuế cho cơ quan quản lý thuế theo yêu cầu bằng phương thức điện tử. Thời hạn cung cấp thông tin theo quy định của Chính phủ.** ...4. **Tiếp nhận các quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản của người nộp thuế bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế;** Trích tiền để nộp thuế từ tài khoản của người nộp thuế, phong tỏa tài khoản của người nộp thuế bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế.

		6. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế, người nộp thuế thế chấp cho tổ chức tín dụng để làm tài sản bảo đảm các khoản vay nhưng chưa kê khai, nộp thuế cho cơ quan hải quan, khi tổ chức tín dụng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì tổ chức tín dụng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế liên quan đến tài sản thế chấp thay cho người nộp thuế.[29]
6.4.12. Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, cá nhân khác	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, cá nhân khác** **...5. Người được uỷ quyền, bảo lãnh và nộp thuế thay cho người nộp thuế có trách nhiệm nộp thuế thay cho người nộp thuế, cung cấp thông tin về hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan quản lý thuế để làm căn cứ ấn định thuế theo quy định tại Điều 52 Luật này.**[30] **6. Cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu chưa hoàn thành thủ tục hải quan bị kê biên, bán đấu giá để cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế trong lĩnh vực hải quan, hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế bị kê biên, bán đấu giá theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án thuộc các trường hợp phải nộp thuế thì cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế liên quan đến hàng hóa bán đấu giá thay cho người nộp thuế.**[31] **7. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin phục vụ công tác phân tích, dự báo, lập dự toán thu ngân sách khi có yêu cầu của cơ quan quản lý thuế.** **8. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến có trách nhiệm phối hợp cơ quan quản lý thuế trong công tác thu thuế.** **9. Tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời cho cơ quan quản lý thuế khi có yêu cầu về các thông tin giao dịch thanh toán của người nộp thuế.**
6.4.13. Điều 30. Đăng ký thuế và mã số thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 30. Đăng ký thuế và mã số thuế** 1. Người nộp thuế phải thực hiện đăng ký thuế trước khi bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc có phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước **hoặc được hoàn thuế theo quy định của pháp luật. Người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế như sau:** a) Doanh nghiệp, tổ chức, **hộ kinh doanh,** cá nhân **kinh doanh** thực hiện đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh

[29] Bổ sung khoản 6 Điều 27 để thống nhất với nội dung bổ sung tại điểm b khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật.

[30] Khoản 4 Điều 3 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH14 quy định về người được uỷ quyền, bảo lãnh và nộp thuế thay cho người nộp thuế. Tuy nhiên, Luật quản lý thuế chưa quy định trách nhiệm của người được uỷ quyền, bảo lãnh và nộp thuế thay cho người nộp thuế. Do đó, cần thiết phải bổ sung quy định này vào Luật quản lý thuế để đảm bảo bao quát hết các nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý thuế.

[31] Bổ sung khoản 6 để phù hợp với nội dung bổ sung tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật

		nghiệp, **Luật Hợp tác xã** và quy định khác của pháp luật có liên quan; b) **Doanh nghiệp,** tổ chức, cá nhân không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. **c) Đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia là người nộp thuế theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầuthực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế được giao quản lý khoản thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định của Chính phủ.** ...
6.4.14. Điều 32. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế lần đầu	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 32. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế lần đầu** ...2. Người nộp thuế đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế thì địa điểm nộp hồ sơ đăng ký thuế được quy định như sau: a) Tổ chức, cá nhân kinh doanh nộp hồ sơ đăng ký thuế đến cơ quan thuế nơi tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đó có trụ sở. **Trường hợp cá nhân kinh doanh không có địa điểm kinh doanh cố định thì nộp hồ sơ đăng ký thuế đến cơ quan thuế nơi cá nhân đăng ký thường trú hoặc tạm trú;** b) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay nộp hồ sơ đăng ký thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức, cá nhân đó; c) Hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh nộp hồ sơ đăng ký thuế đến cơ quan thuế nơi phát sinh thu nhập chịu thuế, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú hoặc nơi phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. **d) Tổ chức ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân nước ngoài không cư trú tại Việt Nam nhưng phát sinh nghĩa vụ thuế tại Việt Nam và trực tiếp đăng ký thuế thì nộp hồ sơ đăng ký thuế đến cơ quan thuế được giao quản lý thông qua cổng thông tin điện tử.** ...
6.4.15. Điều 33. Thời hạn đăng ký thuế lần đầu	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 33. Thời hạn đăng ký thuế lần đầu** **...4. Người nộp thuế là đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu nộp hồ sơ đăng ký thuế chậm nhất sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính báo cáo.**
6.4.16. Điều 34. Cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 34. Cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế** 2. Cơ quan thuế thông báo mã số thuế cho người nộp thuế thay giấy chứng nhận đăng ký thuế trong các trường hợp sau đây: ... **d) Người nộp thuế là đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Mẫu thông báo thực hiện theo quy định của Chính phủ.** ...
6.4.17. Điều 36. Thông báo thay đổi thông tin đăng ký	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý	**Điều 36. Thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế** **...4. Người nộp thuế không được đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế khi cơ quan thuế đã có Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh.**

thuế	thuế	
6.4.18. Điều 42. Nguyên tắc khai thuế, tính thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 42. Nguyên tắc khai thuế, tính thuế** ...2. Người nộp thuế tự tính số tiền thuế phải nộp, trừ trường hợp việc tính thuế do cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định của Chính phủ. **Cơ quan thuế chịu trách nhiệm đối với các yếu tố thuộc trách nhiệm xác định của cơ quan thuế để tính số tiền thuế người nộp thuế phải nộp.** **Đối với các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu thì cơ quan quản lý nhà nước được giao quản lý các khoản thu đó có trách nhiệm xác định số tiền phải nộp vào ngân sách nhà nước và tính tiền chậm nộp theo quy định tại Luật này.** ..3. Người nộp thuế thực hiện khai thuế, tính thuế ~~tại~~với cơ quan ~~quản lý~~ thuế địa ~~phương có thẩm quyền nơi có trụ sở~~**quản lý trực tiếp người nộp thuế hoặc cơ quan thuế quản lý khoản thu.** ~~Trường hợp~~Người nộp thuế ~~hạch toán tập trung tại trụ sở chính,~~ có đơn vị phụ thuộc tại đơn vị hành chính cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính **thuộc trường hợp phải phân bổ thuế** thì người nộp thuế khai thuế tại**cơ quan thuếquản lý trực tiếp** trụ sở chính và tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế phải nộp theo từng địa phương nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này. 4. Đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính; **trừ trường hợp nhà cung cấp nước ngoài đã được bên Việt Nam khấu trừ, nộp thuế thay.** .6. Nguyên tắc khai thuế đối với cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế được quy định như sau: a) Việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế được thực hiện trên cơ sở đề nghị của người nộp thuế, sự thống nhất giữa cơ quan thuế và người nộp thuế theo thỏa thuận đơn phương, song phương và đa phương giữa cơ quan thuế, người nộp thuế và cơ quan thuế nước ngoài, vùng lãnh thổ có liên quan; b) Việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế phải dựa trên thông tin của người nộp thuế, **nguồnthông tin trongcơ sở dữ liệu sử dụng trong quản lý giá giao dịch liên kếtphù hợp thông lệ quốc tế; Thoả thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế có hiệu lực kể từ kỳ tính thuế mà trong kỳ tính thuế đó APA được ký kết.** c)Việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế phải được Bộ trưởng Bộ Tài chính **phê duyệt trước khi thực hiện.** **...7. Trường hợp tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khai thuế thay, nộp thuế thay hoặc khấu trừ, nộp thuế thay cho người nộp thuế thì có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về khai thuế, nộp thuế như quy định đối với người nộp thuế. Chính phủ quy định chi tiết các tổ chức, cá nhân thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay hoặc khấu trừ, nộp thuế thay.**
6.4.19. Điều 44. Thời hạn nộp hồ sơ khai	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực,	**Điều 44. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế** ...5. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với **hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, đối với thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầuvà các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do**

thuế	hiệu quả quản lý thuế	**cơ quan quản lý thuế quản lý thu,** thực hiện theo quy định của Chính phủ.
6.4.20. Điều 47. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế	Sửa đổi Điều 47: Bổ sung quy định được bổ sung hồ sơ *"Trước khi cơ quan cảnh sát điều tra, cơ quan tổ tụng ban hành quyết định điều tra, khởi tố về hành vi vi phạm về quản lý thuế; Hồ sơ không thuộc phạm vi, thời kỳ điều tra vụ án hình sự của cơ quan điều tra; Hồ sơ thuộc phạm vi, thời kỳ điều tra vụ án hình sự của cơ quan điều tra nhưng đã được cơ quan điều tra xác định lỗi sai phạm không do người nộp thuế. Phạm vi, thời kỳ điều tra vụ án hình sự của cơ quan điều tra được xác định theo văn bản do cơ quan điều tra gửi đến cơ quan quản lý thuế"*	**Điều 47. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế** 1. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót trong trường hợp sau đây: a) Trước khi cơ quan thuế, **cơ quan điều tra**, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra, **điều tra, khởi tố;** b) Hồ sơ không thuộc phạm vi, thời kỳ thanh tra, kiểm tra thuế nêu tại quyết định thanh tra, kiểm tra thuế. **c) Hồ sơ không thuộc phạm vi, thời kỳ điều tra vụ án hình sự của cơ quan điều tra;** **d) Hồ sơ thuộc phạm vi, thời kỳ điều tra vụ án hình sự của cơ quan điều tra nhưng đã được cơ quan điều tra xác định lỗi sai phạm không do người nộp thuế.** Đối với những nội dung thuộc phạm vi thanh tra, kiểm tra, người nộp thuế được bổ sung hồ sơ giải trình theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về thanh tra và các trường hợp thực hiện theo kết luận, quy định của cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế. **Phạm vi, thời kỳ điều tra vụ án hình sự của cơ quan điều tra được xác định theo văn bản do cơ quan điều tra gửi đến cơ quan quản lý thuế.**

6.4.21. Điều 50. Ấn định thuế đối với người nộp thuế trong trường hợp vi phạm pháp luật về thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 50. Ấn định thuế đối với người nộp thuế trong trường hợp vi phạm pháp luật về thuế** ...2. Căn cứ ấn định thuế bao gồm: a) Cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý thuế và cơ sở dữ liệu thương mại; ***cơ sở dữ liệu, thông tin ngành nghề hoặc các tài liệu của các Cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan đến người nộp thuế bị ấn định;*** b) So sánh số tiền thuế phải nộp của cơ sở kinh doanh cùng mặt hàng, ngành, nghề, quy mô tại địa phương; trường hợp tại địa phương của cơ sở kinh doanh không có thông tin về mặt hàng, ngành, nghề, quy mô của cơ sở kinh doanh thì so sánh với địa phương khác; c) Tài liệu và kết quả kiểm tra, thanh tra còn hiệu lực; d) Tỷ lệ thu thuế trên doanh thu đối với từng lĩnh vực, ngành, nghề theo quy định của pháp luật về thuế. 3. Người nộp thuế bị ấn định từng yếu tố liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp khi thuộc mộttrong các trường hợp sau đây: a) Qua kiểm tra hồ sơ khai thuế, cơ quan thuế có căn cứ cho rằng người nộp thuế khai chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác các yếu tố làm cơ sở xác định số tiền thuế phải nộp, đã yêu cầu người nộp thuế khai bổ sung nhưng người nộp thuế không khai bổ sung theo yêu cầu của cơ quan thuế; b) Qua kiểm tra sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp, cơ quan thuế có cơ sở chứng minh người nộp thuế ***không phản ánh hoặc phản ánh không đầy đủ số liệu***, hạch toán không chính xác, không trung thực các yếu tố liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp; c) Hạch toán giá bán hàng hóa, dịch vụ không đúng với giá thực tế thanh toán hoặc ***không theo giá trị giao dịch thông thường trên thị trường*** làm giảm doanh thu tính thuế hoặc hạch toán giá mua hàng hóa, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất, kinh doanh không theo giá thực tế thanh toán phù hợp với thị trường làm tăng chi phí, tăng thuế giá trị gia tăng được khấu trừ, giảm nghĩa vụ thuế phải nộp; ***- Thực hiện các giao dịch không đúng với bản chất kinh tế, không đúng thực tế phát sinh nhằm mục đích giảm nghĩa vụ thuế của người nộp thuế;*** ***- Không tuân thủ quy định về nghĩa vụ kê khai, xác định giá giao dịch liên kết hoặc không cung cấp thông tin theo quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết.*** ***- Mua, trao đổi hàng hóa sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn mà hàng hóa là có thật theo xác định của cơ quan có thẩm quyền và đã được kê khai doanh thu tính thuế;*** d) Người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế nhưng không xác định được các yếu tố làm cơ sở xác định căn cứ tính thuế hoặc có xác định được các yếu tố làm cơ sở xác định căn cứ tính thuế nhưng không tự tính được số tiền thuế phải nộp. ***- Có dấu hiệu bỏ trốn hoặc phát tán tài sản để không thực hiện nghĩa vụ thuế;*** ...
6.4.22. Điều 53	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 53. Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc ấn định thuế** quy định việc xây dựng cơ sở dữ liệu để ấn định thuế là yếu tố quyết định. Việc ấn định thuế của cơ quan quản lý thuế tại thời hợp sau khi giải quyết khiếu nại, khởi điểm ấn định có tính pháp lý cao nhất. Trường hợp mà số tiền thuế ấn định của cơ quan quản lý thuế lớn hơn số tiền thuế phải nộp thì cơ quan quản lý thuế chỉ hoàn trả số tiền thuế nộp thừa, không hoàn trả tiền chậm nộp đã tính đến thời điểm ấn định thuế.

6.4.23. Điều 56. Hình thức nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**~~Điều 56. Địa điểm và hình thức nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu~~ Thủ tục nộp thuế** **1. Nơi nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu Người nộp thuế thực hiện nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu tại:** **a) Kho bạc Nhà nước;** **b) Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc tổ chức dịch vụ khác có kết nối với hệ thống thông tin quản lý thu của cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là tổ chức phối hợp thu);** **c) Cơ quan quản lý thuế nơi phát sinh khoản thu;** **d) Thông qua tổ chức được cơ quan quản lý thuế ủy nhiệm thu thuế.** **2. Chứng từ nộp thuế là tài liệu để ghi nhận thông tin nộp ngân sách nhà nước và đã được xác định ngày nộp tiền thuế theo quy định tại Điều 58 Luật này. Chứng từ nộp thuế được thể hiện dưới dạng chứng từ giấy hoặc chứng từ điện tử.** **3. Người nộp thuế thực hiện nộp thuế theo đúng mã định danh khoản phải nộp do cơ quan quản lý thuế cung cấp. Trường hợp chưa hoặc không có mã định danh khoản phải nộp thì người nộp thuế xác định thông tin để lập chứng từ nộp thuế.** **4. Luân chuyển, hạch toán chứng từ nộp thuế phải đảm bảo tính toàn vẹn, đầy đủ các nội dung trên chứng từ. Cơ quan quản lý thuế sử dụng hệ thống điện tử tự động để cung cấp thông tin mã định danh khoản phải nộp cho Tổ chức phối hợp thu, Kho bạc Nhà nước để lập và hạch toán chứng từ nộp thuế. Trong quá trình lập, luân chuyển chứng từ nộp thuế phát sinh sai, sót tại đơn vị nào thì đơn vị đó phải chủ động xác định nguyên nhân sai sót và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc cung cấp thông tin xử lý sai sót theo quy định.** **5. Cơ quan quản lý thuế thực hiện thanh toán tiền thuế theo mã định danh khoản phải nộp.** **6. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết điều này.** **~~1. Người nộp thuế nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước theo các hình thức sau đây:~~** **~~a) Nộp qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế;~~** **~~b) Nộp qua Cổng Dịch vụ công quốc gia đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế;~~** **~~c) Nộp qua Cổng dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế;~~** **~~d) Nộp qua dịch vụ thanh toán điện tử của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế;~~** **~~e) Nộp qua cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế;~~** **~~g) Nộp thông qua tổ chức được cơ quan quản lý thuế ủy nhiệm thu thuế.~~** **~~h) Nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý thuế, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.~~**

		~~a) Tại Kho bạc Nhà nước;~~ ~~b) Tại cơ quan quản lý thuế nơi tiếp nhận hồ sơ khai thuế;~~ ~~c) Thông qua tổ chức được cơ quan quản lý thuế ủy nhiệm thu thuế;~~ ~~d) Thông qua ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác và tổ chức dịch vụ theo quy định của pháp luật.~~ ~~2. Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác và tổ chức dịch vụ, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật có trách nhiệm bố trí địa điểm, phương tiện, công chức, nhân viên thu tiền thuế bảo đảm thuận lợi cho người nộp thuế nộp tiền thuế kịp thời vào ngân sách nhà nước.~~ ~~3. Cơ quan, tổ chức khi nhận tiền thuế hoặc khấu trừ tiền thuế phải cấp cho người nộp thuế chứng từ thu tiền thuế.~~ ~~4. Trong thời hạn 08 giờ làm việc kể từ khi thu tiền thuế của người nộp thuế, cơ quan, tổ chức nhận tiền thuế phải chuyển tiền vào ngân sách nhà nước. Trường hợp thu thuế bằng tiền mặt tại vùng sâu, vùng xa, hải đảo, vùng đi lại khó khăn, thời hạn chuyển tiền thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.~~ ...
6.4.24. Điều 57. Thứ tự thanh toán tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**~~Điều 57. Thứ tự thanh toán tiền thuế vàcác khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu~~** **~~1. Người nộp thuế phải thực hiện nộp các khoản tiền thuế nợ thuộc đối tượng áp dụng các biện pháp cưỡng chế trước khi thực hiện theo thứ tự quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.~~** **~~2. Người nộp thuế được lựa chọn thanh toán cho khoản nộp (tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu) đã có mã định danh khoản phải nộp.~~** **~~Đối với các khoản nộp đã được cơ quan quản lý thuế cung cấp thông tin mã định danh khoản phải nộp, người nộp thuế phải thực hiện nộp theo đúng mã định danh khoản phải nộp do cơ quan quản lý thuế cung cấp và không được thực hiện nộp theo các khoản nêu tại khoản 3 Điều này.~~** **~~3. Trường hợp người nộp thuế thực hiện nộp cho các khoản nộp không thuộc khoản 1 và khoản 2 nêu trên; hoặc khoản nộp chưa có mã định danh khoản phải nộp thì thứ tự thanh toán tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt được thực hiện theo thời hạn trước, sau và theo thứ tự như sau:~~** **~~a) Tiền nợ thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp quá hạn chưa thuộc đối tượng áp dụng các biện pháp cưỡng chế;~~** **~~b) Tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp phát sinh.~~**
6.4.25. Điều 58. Xác định ngày đã nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 58. Xác định ngày đã nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu** 1. Trường hợp nộp tiền thuế không bằng tiền mặt, ngày đã nộp thuế là ngày Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác, tổ chức dịch vụ trích tiền từ tài khoản của người nộp thuế hoặc người nộp thay và được ghi nhận trên chứng từ nộp tiền thuế. 2. Trường hợp nộp tiền thuế trực tiếp bằng tiền mặt, ngày đã nộp thuế là ngày ***Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức tín dụng khác*** ~~Kho bạc Nhà nước,~~ cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức được ủy nhiệm thu thuế cấp chứng từ thu tiền thuế

6.4.26. Điều 59. Xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 59. Xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế** ***và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu*** 1. Các trường hợp phải nộp tiền chậm nộp bao gồm: a) Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế **và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu**so với thời hạn quy định, **thời hạn gia hạn tiền thuế nợ**, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quyết định ấn định thuế hoặc quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế; g) Cơ quan, tổ chức được cơ quan quản lý thuế ủy nhiệm thu thuế **và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu**chậm chuyển tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của người nộp thuế vào ngân sách nhà nước thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền chậm chuyển theo quy định. 4. Trường hợp sau 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, người nộp thuế chưa nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạtthì cơ quan quản lý thuế thông báo cho người nộp thuế biết số tiền thuế, tiền phạtcòn nợ và số ngày chậm nộp. 5. Không tính tiền chậm nộp trong các trường hợp sau đây: a) Người nộp thuế cung ứng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, bao gồm cả nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng ký với chủ đầu tư và được chủ đầu tư trực tiếp thanh toán nhưng chưa được thanh toán thì không phải nộp tiền chậm nộp. Số tiền ***thuế***nợ không tính chậm nộp là tổng số tiền thuế ***và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu***còn nợ ngân sách nhà nước của người nộp thuế nhưng không vượt quá số tiền ngân sách nhà nước chưa thanh toán; b) Các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản 4 Điều 55 của Luật này thì không tính tiền chậm nộp trong thời gian chờ kết quả phân tích, giám định; trong thời gian chưa có giá chính thức; trong thời gian chưa xác định được khoản thực thanh toán, các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan **và trong thời hạn là 05 ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế xác định được giá chính thức, xác định được các khoản thực thanh toán, các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan hoặc người nộp thuế nhận được yêu cầu khai bổ sung của cơ quan hải quan sau khi có kết quả phân tích, giám định.**[32] **c) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu bị áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp có hiệu lực trở về**

[32] Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm b khoản 5 Điều 59 để phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 55 về thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa phải phân tích, giám định để xác định chính xác số tiền thuế phải nộp; hàng hóa chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan; hàng hóa có khoản thực thanh toán, hàng hóa có các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan.

		trước 90 theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương thì không tính tiền chậm nộp trong thời hạn 90 ngày trở về trước[33]. **d) Không tính tiền chậm nộp tương ứng với khoản tiền bù trừ trong khoảng thời gian từ ngày phát sinh số tiền thuế nộp thừa đến ngày cơ quan quản lý thuế thực hiện bù trừ theo quy định tại Điều 60 Luật này.** **đ) Không tính tiền chậm nộp đối với số tiền thuế nợ phát sinh do người nộp thuế vi phạm hành chính về thuế do thực hiện theo văn bản hướng dẫn, quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế (kể cả các văn bản hướng dẫn, quyết định xử lý được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực), trừ trường hợp kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế chưa phát hiện sai sót của người nộp thuế trong việc khai, xác định số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn nhưng sau đó hành vi vi phạm hành chính về thuế của người nộp thuế bị phát hiện.** ...7. Người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền **xác định giảm nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế** thì **người nộp thuế** được điều chỉnh số tiền chậm nộp đã tính tương ứng với số tiền chênh lệch giảm. **7a. Trường hợp cơ quan quản lý thuế đã thực hiện xử lý bù trừ tự động số tiền thuế nộp thừa với số tiền thuế phải nộp theo quy định tại Điều 60 của Luật này thì cơ quan quản lý thuế không điều chỉnh tiền chậm nộp đã tính sau khi xử lý bù trừ tự động trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này và trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 60 của Luật này.** 8. Người nộp thuế phải nộp tiền chậm nộp theo quy định tại khoản 1 Điều này được miễn tiền chậm nộp trong trường hợp bất khả kháng quy định tại ~~khoản 27 Điều 3~~ của Luật này. 9. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế, **miễn tiền chậm nộp**, khấu trừ số tiền thuế nợ không tính tiền chậm nộp
6.4.27. Điều 61. Nộp thuế trong thời gian	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực,	**Điều 61. Nộp thuế trong thời gian giải quyết khiếu nại, khởi kiện** 1. Trong thời gian giải quyết khiếu nại, khởi kiện của người nộp thuế về số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt do cơ quan quản lý thuế tính, ~~hoặc~~ ấn định **hoặc do cơ quan có thẩm quyền tính nhưng cơ quan quản lý thuế ban hành**

[33] Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 81 và điểm b khoản 4 Điều 89 Luật quản lý ngoại thương thì thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp được áp dụng hiệu lực trở về trước trong thời hạn 90 ngày trước khi áp dụng thuế bán phá giá tạm thời hoặc thuế chống trợ cấp tạm thời.

giải quyết khiếu nại, khởi kiện	hiệu quả quản lý thuế	**thông báo nộp thuế**, người nộp thuế vẫn phải nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đó, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ thực hiện quyết định tính thuế, quyết định ấn định thuế của cơ quan quản lý thuế. 2. Trường hợp số tiền thuế,tiền chậm nộp, tiền phạtđã nộp lớn hơn số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạtđược xác định theo quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định của Tòa án thì người nộp thuế được hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa. 3. Thủ tục xử lý đối với trường hợp số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạtđã nộp lớn hơn số tiền thuế,tiền chậm nộp, tiền phạtđược xác định theo quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định của Tòa án được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 60 của Luật này. ...
6.4.28. Điều 62. Gia hạn tiền thuế nợ	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 62. Gia hạn tiền thuế nợ** 1. Việc gia hạn **tiền** thuế **nợ** được xem xét trên cơ sở đề nghị của người nộp thuế thuộc một trong các trường hợp sau đây: **...c) Gia hạn nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khi có vướng mắc về giải phóng mặt bằng thuê đất** ... 2. Người nộp thuế thuộc trường hợp được gia hạn **tiền** thuế **nợ** quy định tại khoản 1 Điều này được gia hạn một phần hoặc toàn bộ tiền thuế **nợ** phải nộp. 3. Thời gian gia hạn **tiền** thuế **nợ** được quy định như sau: a) Không quá 02 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp **theo quy định** đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; b) Không quá 01 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp **theo quy định** đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. 4. Người nộp thuế ~~không bị phạt và~~ không phải nộp tiền chậm nộp tính trên số tiền thuế **nợ** trong thời gian gia hạn.
6.4.29. Điều 64. Hồ sơ gia hạn tiền thuế nợ	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 64. Hồ sơ gia hạn tiền thuế nợ** 1. Người nộp thuế thuộc trường hợp được gia hạn **tiền** thuế **nợ** theo quy định của Luật này phải lập và gửi hồ sơ gia hạn **tiền** thuế **nợ** cho cơ quan quản lý thuế . 2. Hồ sơ gia hạn **tiền thuế nợ** bao gồm: a) Văn bản đề nghị gia hạn **tiền** thuế **nợ**, trong đó nêu rõ lý do, số tiền thuế **nợ**, thời hạn nộp **theo quy định**; b) Tài liệu chứng minh lý do gia hạn **tiền** thuế **nợ**. 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết hồ sơ gia hạn **tiền** thuế **nợ**.

6.4.30. Điều 65. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ gia hạn *tiền* thuế *nợ*	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 65. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ gia hạn *tiền* thuế *nợ*** 1. Cơ quan quản lý thuế tiếp nhận hồ sơ gia hạn **nộptiền** thuế **nợ của** người nộp thuế qua các hình thức sau đây: a) Nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan quản lý thuế; b) Nhận hồ sơ gửi qua đường bưu chính; c) Nhận hồ sơ điện tử qua cổng giao dịch điện tử của cơ quan quản lý thuế. 2. Cơ quan quản lý thuế *xử lý* hồ sơ gia hạn **nộptiền** thuế **nợ** theo quy định sau đây: a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. b) Trường hợp hồ sơ hợp pháp, đầy đủ, đúng mẫu quy định thì thông báo bằng văn bản về việc gia hạn tiền thuế nợ cho người nộp thuế trong thời hạn ~~1008~~ làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;
6.4.31. Điều 66	- Bổ sung ***"cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký"*** chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với số tiền thuế nợ và thời gian nợ theo ngưỡng do Chính phủ quy định thì bị tạm hoãn xuất cảnh để đảm bảo bao quát đủ các trường hợp tạm hoãn xuất cảnh đã quy định tại Nghị định 49/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của	**Điều 66. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp xuất cảnh** 1. Cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế, **cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký**, cá nhân là người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài ~~trước khi xuất cảnh~~ từ Việt Nam phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với số tiền thuế nợ và thời gian nợ theo ngưỡng do Chính phủ quy định thì bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định của pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh. Cơ quan quản lý thuế thông báo trước cho người nộp thuế về việc áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh.**(đã được sửa đổi tại Luật số 56/2024/QH15).** 2. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý xuất cảnh, nhập cảnh *về việc tạm hoãn xuất cảnh đối với* ~~về cá nhân, người nộp thuế~~ **trường hợp** quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

	Chính phủ. - Bỏ cụm từ "trước khi xuất cảnh từ Việt Nam" do thực tế không xác định được thời điểm người nước ngoài xuất cảnh từ Việt Nam do đó đối với đối tượng này sẽ thực hiện tạm hoãn xuất cảnh khi phát sinh nợ thuế tại Việt Nam, để nâng cao trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách nhà nước của người nước ngoài khi hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam. - Sửa cụm từ "hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế" thành "hoàn thành nghĩa vụ thuế" để thống nhất với nội dung đề nghị sửa tại khoản 12 Điều 3 về giải thích từ ngữ.	
6.4.32. Điều 67. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp giải		**Điều 67. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, *không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký*** ...3. Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động, **bohoặc không còn hoạt động tại** địa chỉ đăng ký kinh doanh chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì phần tiền thuế nợ còn lại do chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông góp vốn, thành viên góp vốn, thành viên hợp danh chịu trách nhiệm nộp theo

thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, *không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký*		quy định đối với mỗi loại hình doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp. 4. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chấm dứt hoạt động kinh doanh **hoặc không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký** chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì phần tiền thuế nợ còn lại do chủ hộ, cá nhân chịu trách nhiệm nộp. 5. Người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc chấm dứt hoạt động **hoặc không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký** mà vẫn còn nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước thì có trách nhiệm kế thừa các khoản nợ của đơn vị phụ thuộc. **6. Người nộp thuế chuyển nhượng dự án đầu tư có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế liên quan đến dự án đầu tư trước khi chuyển nhượng; trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế liên quan đến dự án đầu tư đó.**
6.4.33. Điều 39. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 39. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế** 1. Người nộp thuế đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh thì thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế khi thuộc một trong các trường hợp sau đây **(trừ hộ kinh doanh)**: a) Chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc giải thể, phá sản; b) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; c) Bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất. **d) Bị cơ quan thuế ra thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.** 2. Người nộp thuế đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế thì thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Chấm dứt hoạt động kinh doanh **(trừ cá nhân kinh doanh)**, không còn phát sinh nghĩa vụ thuế đối với tổ chức không kinh doanh; b) Bị thu hồi **giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc quyết định thành lập, hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư,** hoặc giấy tờ tương đương khác do cơ quan có thẩm quyền cấp phép; c) Bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất; d) Bị cơ quan thuế ra thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; e) Nhà thầu nước ngoài khi kết thúc hợp đồng; g) Nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí khi kết thúc hợp đồng hoặc chuyển nhượng toàn bộ quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí. **3.Cơ quan thuế thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với cá nhân chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; chấm dứt hiệu lực mã số thuế cá nhân đã cấp ra có thông tin quốc tịch là người Việt Nam nhưng thông tin xác định danh tính của cá nhân (gồm: họ và tên, số giấy tờ, ngày tháng năm sinh) không khớp đúng hoặc không đủ thông tin để xác thực với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.** **4.** Nguyên tắc chấm dứt hiệu lực mã số thuế được quy định như sau: a) Mã số thuế không được sử dụng trong các giao dịch kinh tế kể từ ngày cơ quan thuế thông báo chấm dứt hiệu lực, **thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký;** b) Mã số thuế của tổ chức khi đã chấm dứt hiệu lực không được sử dụng lại,trừ trường hợp quy định tại Điều 40 của

		Luật này; ~~c) Mã số thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khi chấm dứt hiệu lực thì mã số thuế của người đại diện hộ kinh doanh không bị chấm dứt hiệu lực và được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ thuế khác của cá nhân đó;~~ c) Khi doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác và cá nhân chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì đồng thời phải thực hiện chấm dứt hiệu lực đối với mã số thuế nộp thay; d) Người nộp thuế là đơn vị chủ quản chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì các đơn vị phụ thuộc phải bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế. **7. Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra trước khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế theo quy định tại Điều 109, Điều 110 Luật này. Người nộp thuế phải hoàn thành các nghĩa vụ về hóa đơn, hoàn thành nghĩa vụ kê khai, nộp thuế và xử lý số tiền thuế nộp thừa theo quy định tại Điều 43, 44, 47, 60, 67, 68, 69, 70, 71 Luật này.** ...
6.4.34. Điều 70. Các trường hợp hoàn thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 70. Các trường hợp hoàn thuế** ...2. **Hoàn trả tiền thuế nộp thừa đối với tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp hoàn trả theo quy định tại Điều 60 của Luật này.** **3. Hoàn trả cho cá nhân thuộc trường hợp hoàn thuế theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì người được thừa kế hoặc người được tòa án giao quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích, người bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật dân sự được nhận phần thuế được hoàn theo quy định của pháp luật dân sự.**
6.4.35. Điều 73. Phân loại hồ sơ hoàn thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 73. Phân loại hồ sơ hoàn thuế** ...2. Hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế **thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế thực hiện,** bao gồm: a) Hồ sơ **hoàn thuế** của người nộp thuế đề nghị hoàn thuế lần đầu của từng trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế; **hồ sơ của người nộp thuế đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng lần đầu của từng dự án đầu tư.** Trường hợp người nộp thuế có hồ sơ hoàn thuế gửi cơ quan thuế lần đầu nhưng không thuộc diện được hoàn thuế theo quy định thì lần đề nghị hoàn thuế kế tiếp vẫn xác định là đề nghị hoàn thuế lần đầu; **Trường hợp người nộp thuế gửi nhiều hồ sơ hoàn thuế của từng trường hợp hoàn thuế trong cùng một ngày và có một hồ sơ hoàn thuế được phân loại thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế thì các hồ sơ còn lại thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế.** b) Hồ sơ **hoàn thuế** của người nộp thuế đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 02 năm kể từ thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế. **Trường hợp người nộp thuế có nhiều lần đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 02 năm, nếu trong lần đề nghị hoàn thuế đầu tiên tính từ sau thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế, cơ quan thuế kiểm tra hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế không có hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn quy định tại Điều 142 Luật Quản lý thuế, hoặc hành vi trốn thuế quy định tại Điều 143 Luật Quản**

		lý thuế thì những lần đề nghị hoàn thuế tiếp theo, hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế không thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế. Trường hợp phát hiện những lần đề nghị hoàn thuế tiếp theo, người nộp thuế có hành vi khai sai đối với hồ sơ hoàn thuế, hành vi trốn thuế quy định tại Điều 142, Điều 143 Luật Quản lý thuế thì hồ sơ đề nghị hoàn thuế vẫn thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế theo đúng thời hạn 02 năm, kể từ thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế; c) Hồ sơ **hoàn thuế** của tổ chức giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, **chấm dứt hợp đồng nhà thầu nước ngoài, chấm dứt hợp đồng, hiệp định dầu khí;** d) Hồ sơ hoàn thuế thuộc loại rủi ro về thuế cao theo phân loại quản lý rủi ro trong quản lý thuế; đ) Hồ sơ hoàn thuế thuộc trường hợp hoàn thuế trước nhưng hết thời hạn theo thông báo **của cơ quan thuế** bằng văn bản **hoặc bằng điện tử**, người nộp thuế có giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế nhưng không chứng minh được số tiền thuế đã khai là đúng; Lý do: Bỏ quy định về người nộp thuế không giải trình bổ sung hồ sơ hoàn thuế sẽ thuộc diện chuyển sang kiểm trước vì qua quá trình thực hiện người nộp thuế thường lợi dụng quy định này để không giải trình để được chuyển hồ sơ sang diện kiểm tra trước làm quá tải cho cơ quan quản lý thuế và không chấp hành nghiêm túc thông báo yêu cầu giải trình của cơ quan quản lý thuế. Do đó, các trường hợp này sẽ bổ sung quy định là không hoàn thuế vì không có đủ thông tin để xác định số thuế đủ điều kiện được hoàn để người nộp thuế nghiêm túc thực hiện giải trình, bổ sung thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế. **e) Hồ sơ hoàn thuế nộp thừa theo quy định của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và Điều ước quốc tế khác mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.** **3. Hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải kiểm tra trước hoàn thuế, bao gồm:** **a) Hồ sơ của người nộp thuế lần đầu tiên đề nghị cơ quan hải quan hoàn thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;** **b) Hồ sơ của người nộp thuế đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 24 tháng kể từ thời điểm bị cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý về hành vi trốn thuế;** **c) Hồ sơ của tổ chức giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp nhà nước;** **d) Hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu được phân loại ở mức độ rủi ro cao về thuế;** **đ) Hồ sơ hoàn thuế đã được phân loại là hồ sơ hoàn thuế trước nhưng hết thời hạn theo thông báo bằng văn bản hoặcdưới dạng dữ liệu điện tử qua hệ thống của cơ quan hải quan, người nộp thuế không giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế hoặc có giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế nhưng cơ quan hải quan chưa đủ cơ sở để hoàn thuế;** **e) Hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, người nộp thuế không thực hiện thanh toán qua ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật;** **g) Hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, người nộp thuế thực hiện thanh toán qua ngân**

		hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật nhưng tại thời điểm nộp hồ sơ hoàn thuế, khách hàng nước ngoài chưa thanh toán cho doanh nghiệp[34]. **h) Hồ sơ hoàn thuế của hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt;** **i) Hồ sơ hoàn thuế trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu nhưng phải tái xuất trả lại nước ngoài (hoặc tái xuất sang nước thứ ba hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan) không cùng một cửa khẩu, hàng hóa xuất khẩu nhưng phải tái nhập khẩu trở lại Việt Nam không cùng một cửa khẩu;** **k) Hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế được cơ quan hải quan xác định có hành vi vi phạm về hải quan đã bị xử lý quá 02 lần (bao gồm cả hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu) với mức phạt tiền vượt thẩm quyền của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;** **l) Hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế trong thời hạn 24 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế được cơ quan hải quan xác định đã bị xử lý về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;** **m) Hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.[35]**
6.4.36. Điều 74. Địa điểm kiểm tra hồ sơ hoàn thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 74. Địa điểm kiểm tra hồ sơ hoàn thuế** 1. Hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước được thực hiện kiểm tra **sau hoàn** tại trụ sở của **người nộp thuế.** 1. Hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước được thực hiện kiểm tra **sau hoàn** tại trụ sở của ~~**cơ quan quản lý thuế**~~**người nộp thuế, trừ hồ sơ hoàn thuế không thực hiện kiểm tra sau hoàn gồm: hồ sơ hoàn nộp thừa thuế thu nhập cá nhân của cá nhân trực tiếp quyết toán thuế, hồ sơ hoàn nộp thừa của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử đã được nhà quản lý các sàn thương mại điện tử, nền tảng số khấu trừ, nộp thuế thay; hồ sơ hoàn thuế nộp thừa theo Quyết định giải quyết khiếu nại hoặc Bản án của Tòa án; hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng của chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại của đối tượng miễn trừ ngoại giao; hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng ưu đãi miễn trừ ngoại giao.** ...
6.4.37. Điều 75. Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý	**Điều 75. Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế** 1. Đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, chậm nhất là **9610** ngày làm việc kể từ ngày cơ quan quản lý thuế có thông báo về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế, cơ quan quản lý thuế **phải** quyết định hoàn thuế cho người nộp thuế hoặc thông báo chuyển hồ sơ của người nộp thuế sang kiểm tra trước hoàn thuế nếu thuộc

[34] Bổ sung theo kiến nghị của đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai (cv trả lời số 3872/TCHQ-TXNK ngày 25/7/20023)

[35] - Sửa đổi khoản 2 theo hướng áp dụng riêng cho cơ quan Thuế để tránh phát sinh vướng mắc cho cơ quan hải quan trong quá trình tổ chức thực hiện quy định tại khoản này.
- Bổ sung khoản 3 để áp dụng riêng cho cơ quan hải quan. Nội dung bổ sung trên cơ sở kế thừa quy định tại khoản 2 Điều này và quy định hiện hành về phân loại hồ sơ hoàn thuế tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

	thuế	trường hợp quy định tại khoản 2, **khoản** 3 Điều 73 của Luật này hoặc Thông báo không hoàn thuế cho người nộp thuế nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoàn thuế **hoặc Thông báo chưa đủ điều kiện được hoàn thuế để tạm dừng hoàn thuế trong trường hợphết thời hạn theo thông báo bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế lần 2 mà người nộp thuế không giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế. Khi cơ quan thuế ban hành Thông báo không hoàn thuế thì người nộp thuế không được nộp lại hồ sơ hoàn thuế.** Trường hợp thông tin khai trên hồ sơ hoàn thuế khác với thông tin quản lý của cơ quan quản lý thuế thì cơ quan quản lý thuế thông báo bằng văn bản **hoặc phản hồi thông qua cổng giao dịch điện tử**[36] để người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin. **Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan quản lý thuế ban hành Thông báo, người nộp thuế có trách nhiệm gửi văn bản giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu theo Thông báo của cơ quan quản lý thuế. Trường hợp hết thời hạn giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu theo Thông báo lần 1 của cơ quan quản lý thuế mà người nộp thuế không giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế thì cơ quan quản lý thuế thông báo lần 2 gửi người nộp thuế.** Thời gian giải trình, bổ sung thông tin không tính trong thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế. **Khi cơ quan thuế ban hành Thông báo không hoàn thuế thì người nộp thuế không được nộp lại hồ sơ hoàn thuế.** **Trường hợphệ thống công nghệ thông tin của cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu về quản lý thuế, cơ sở dữ liệu về hóa đơn để tự động xác định, phân loại mức độ rủi ro cao của chuỗi mua bán liên quan đến hàng hóa, dịch vụ của cơ sở kinh doanh đề nghị hoàn thuế thì cơ quan thuế ban hành Thông báo chưa đủ điều kiện hoàn thuế để tạm dừng hoàn thuế đối với số tiền thuế có rủi ro cao và chuyển số tiền này sang diện kiểm tra trước hoàn để thực hiện kiểm tra, xác minh và xử lý hoàn thuế khi có đủ điều kiện theo quy định, thông báo cho người nộp thuế biết bằng phương thức điện tử; đối với số tiền thuế không có rủi ro cao thì thực hiện giải quyết hoàn ngay, không chờ kết quả kiểm tra, xác minh số tiền thuế có rủi ro cao.** 2. Đối với hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế, chậm nhất là 40 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý thuế có thông báo bằng văn bản về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế, cơ quan quản lý thuế phải quyết định hoàn thuế cho người nộp thuế hoặc không hoàn thuế cho người nộp thuế nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoàn thuế, **không chấp hành Quyết định kiểm tra của cơ quan quản lý thuếhoặc tạm dừng hoàn thuế nếu hồ sơ chưa đủ điều kiện hoàn thuế do chờ kết quả kiểm tra xác minh. Cơ quan quản lý thuế sẽ thực hiện giải quyết hồ sơ hoàn thuế khi có đầy đủ thông tin để xác định số thuế đủ điều kiện hoàn thuế hoặc không đủ điều kiện hoàn thuế.Thời gian người nộp thuế chậm cung cấp thông tin, tài liệu theo thông báo của Đoàn kiểm tra, thời gian tạm dừng kiểm tra, hoãn thời gian thực hiện kiểm tra, thời gian người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu khi giải quyết hồ sơ hoàn trước sau đó hồ sơ chuyển sang kiểm trước không tính trong thời hạn giải**

[36] **Bổ sung để** phù hợp với trường hợp hồ sơ hoàn thuế nộp điện tử qua cổng giao dịch điện tử của cơ quan quản lý thuế.

		quyết hồ sơ hoàn thuế. 2. Đối với hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế, chậm nhất là 40 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý thuế có thông báo bằng văn bản về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế, cơ quan quản lý thuế phải quyết định hoàn thuế cho người nộp thuế hoặc không hoàn thuế cho người nộp thuế nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoàn thuế, **không chấp hành Quyết định kiểm tra của cơ quan quản lý thuếhoặc tạm dừng hoàn thuế nếu hồ sơ chưa đủ điều kiện hoàn thuế do chờ kết quả kiểm tra xác minh hoặc nhận được văn bản của cơ quan điều tra đang tiến hành điều tra, khởi tố vụ án liên quan người nộp thuế. Cơ quan quản lý thuế sẽ thực hiện giải quyết hồ sơ hoàn thuế khi có đầy đủ thông tin để xác định số thuế đủ điều kiện hoàn thuế hoặc không đủ điều kiện hoàn thuế.Thời gian người nộp thuế chậm cung cấp thông tin, tài liệu theo thông báo của Đoàn kiểm tra, thời gian tạm dừng kiểm tra, hoãn thời gian thực hiện kiểm tra, thời gian người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu khi giải quyết hồ sơ hoàn trước sau đó hồ sơ chuyển sang kiểm trước và thời gian tạm dừng hoàn thuế không tính trong thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế.** **3. Cơ quan quản lý thuế khi giải quyết hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế phải kiểm tra, xác minh điều kiện khấu trừ, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế đủ điều kiện được hoàn. Trường hợp qua kiểm tra, xác minh phát hiện người nộp thuế mua hàng hóa, dịch vụ của người nộp thuế khác (bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ) có hành vi trốn thuế, cơ quan quản lý thuế phải bổ sung kế hoạch kiểm tra bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ; hoặc đề nghị cơ quan thuế quản lý trực tiếp bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ bổ sung kế hoạch và thực hiện kiểm tra, thanh tra hoặc cung cấp thông tin về việc chấp hành pháp luật thuế của bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ; hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan thực hiện kiểm tra, xác minh phản hồi cho cơ quan quản lý thuế; hoặc chuyển hồ sơ cho cơ quan công an để xử lý theo quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự trong trường hợp có dấu hiệu tội phạm để có căn cứ giải quyết hoàn thuế. Quá thời hạn kiểm tra, thanh tra thuế nhưng cơ quan thuế chưa nhận được kết quả hoặc ý kiến, xác minh của cơ quan công an hoặc cơ quan có thẩm quyền, trường hợp cơ quan quản lý thuế xác định số thuế đủ điều kiện được hoàn thì giải quyết hoàn số thuế đã đủ điều kiện hoàn cho người nộp thuế, không chờ kết quả kiểm tra xác minh toàn bộ hồ sơ hoàn thuế; đối với số thuế cần kiểm tra, xác minh thì thông báo cho người nộp thuế biết bằng phương thức điện tử và xử lý hoàn thuế khi có đủ điều kiện theo quy định.**
6.4.38. Kiểm tra sau hoàn thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế Bổ sung quy định các hồ sơ hoàn không thuộc diện	**Điều 77. Kiểm tra sau hoàn thuế** 1. Cơ quan quản lý thuế thực hiện kiểm tra đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước theo nguyên tắc rủi ro trong quản lý thuế và trong thời **hạn 10** năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế **trừ hồ sơ hoàn thuế không thực hiện kiểm tra sau hoàn gồm: hồ sơ hoàn nộp thừa thuế thu nhập cá nhân của cá nhân trực tiếp quyết toán thuế, hồ sơ hoàn nộp thừa của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử đã được nhà quản lý các sàn thương mại điện tử, nền tảng số khấu trừ, nộp thuế thay; hồ sơ hoàn thuế nộp thừa theo Quyết định giải quyết khiếu nại hoặc Bản án của Tòa án; hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng của chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại của đối tượng miễn trừ**

	kiểm trước cũng không thuộc diện kiểm tra sau hoàn để phù hợp với pháp luật có liên quan (miễn trừ ngoại giao) và đối tượng hoàn là cá nhân hoặc đối tượng được sàn TMĐT khấu trừ thuế.	**ngoại giao; hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng ưu đãi miễn trừ ngoại giao.** 2. Thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm ~~thanh tra~~, kiểm tra của cơ quan quản lý thuế đối với hồ sơ hoàn thuế được thực hiện theo quy định của Luật này ~~và Luật Thanh tra~~.
6.4.39. Điều 79. Miễn thuế, miễn tiền chậm nộp, miễn tiền phạt, giảm thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 79. Miễn thuế, miễn tiền chậm nộp, miễn tiền phạt, giảm thuế** 1. Miễn thuế, giảm thuế **đối với tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp miễn, giảm** theo quy định của pháp luật về thuế. 2. Miễn thuế, **tiền chậm nộp, tiền phạt đối với tổ chức, cá nhân** thuộc các trường hợp sau đây:124 a) **Miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân** ~~thuộc đối tượng nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp~~ có số tiền thuế phải nộp hằng năm ~~từ 50.000 đồng trở xuống~~**theo ngưỡng quy định của Chính phủ**; b) **Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với** cá nhân có số tiền thuế phát sinh phải nộp ~~hằng năm~~ sau quyết toán thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công **hằng năm** ~~từ 50.000 đồng trở xuống~~ **theo ngưỡng quy định của Chính phủ**. **c) Miễn thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với tổ chức, cá nhân có từng khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp từ 10.000 đồng trở xuống, bao gồm cả khoản nợ phát sinh trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng đến ngày Luật có hiệu lực thi hành có số tiền nợ từ 10.000 đồng trở xuống.**
6.4.40. Điều 80. Hồ sơ miễn thuế, giảm thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 80. Hồ sơ miễn thuế, giảm thuế** 1. Hồ sơ miễn thuế, giảm thuế bao gồm: a) **Hồ sơ khai thuế hoặc Văn bản đề nghị miễn thuế, giảm thuế**; b) Tài liệu liên quan đến việc xác định số tiền thuế được miễn, giảm **(nếu có)**. ~~2. Hồ sơ miễn thuế, giảm thuế đối với trường hợp cơ quan quản lý thuế quyết định miễn thuế, giảm thuế bao gồm:~~ ~~a) Văn bản đề nghị miễn thuế, giảm thuế trong đó nêu rõ loại thuế đề nghị miễn, giảm; lý do miễn thuế, giảm thuế; số tiền thuế đề nghị miễn, giảm;~~ ~~b) Tài liệu liên quan đến việc xác định số tiền thuế đề nghị miễn, giảm.~~ 2. **Đối với các** trường hợp miễn thuế quy định tại điểm a, **điểm c** khoản 2 Điều 79 của Luật này, cơ quan **quản lý** thuế căn cứ **dữ liệu quản lý thuế để công khai** danh sách **tổ chức**, hộ gia đình, cá nhân thuộc diện miễn thuế, miễn **tiền chậm nộp, miễn tiền phạt**trên **cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế**. **3. Đối với trường hợp miễn thuế quy định tại điểm b khoản 2 Điều 79 của Luật này, người nộp thuế tự xác định số tiền thuế được miễn trên tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân.**

		...
6.4.41. Điều 89. Hóa đơn điện tử	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 89. Hóa đơn điện tử** ...3. Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế là hóa đơn điện tử được cơ quan thuế cấp mã trước khi tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ gửi cho người mua. Mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử **là một chuỗi ký tự do hệ thống của cơ quan thuế hoặc hệ thống của đơn vị do cơ quan thuế ủy quyền tạo ra duy nhất cho từng hóa đơn điện tử**
6.4.42. Điều 91. Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 91. Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ** 1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, **tổ chức khác,hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực có doanh thu từ 01 tỷ đồng năm trở lên, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thường xuyên** sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. 2. Doanh nghiệp kinh doanh ở lĩnh vực điện lực, xăng dầu, bưu chính viễn thông, nước sạch, tài chính tín dụng, bảo hiểm, y tế, kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh siêu thị, thương mại, vận tải hàng không, đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy và doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã ~~hoặc sẽ~~ thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương tiện điện tử, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, có hệ thống phần mềm kế toán, phần mềm lập hóa đơn điện tử đáp ứng lập, tra cứu hóa đơn điện tử, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử theo quy định và bảo đảm việc truyền dữ liệu hóa đơn điện tử đến người mua và đến cơ quan thuế thì được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. **Trường hợp các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh thuộc các lĩnh vực quy định tại khoản này đang sử dụng hóa đơn điện tử không mã nếu có các hoạt động kinh doanh khác thì cũng được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế** **Quy định tại khoản này không áp áp dụng đối với** trường hợp rủi ro về thuế cao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính, **trường hợp người nộp thuế đang bị cưỡng chế hóa đơn, đang tạm ngừng kinh doanh, bỏ địa chỉ kinh doanh** và trường hợp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế. ...
6.4.43. Điều 97. Trách nhiệm của người nộp thuế trong việc cung cấp thông tin	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 97. Trách nhiệm của người nộp thuế trong việc cung cấp thông tin** **...3. Trường hợp người nộp thuế phát hiện thông tin do cơ quan thuế cung cấp có sai khác với thông tin của người nộp thuế thì người nộp thuế thực hiện thủ tục tra soát, điều chỉnh thông tin theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.**
6.4.44. Điều 98. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý	**Điều 98. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cung cấp thông tin người nộp thuế** ...2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sau đây có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế **theo phương thức điện tử:** a) Ngân hàng thương mại cung cấp nội dung giao dịch qua tài khoản, số dư tài khoản của người nộp thuế trong thời

có liên quan trong việc cung cấp thông tin người nộp thuế	thuế	hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan quản lý thuế; **b) Tổ chức tín dụng có trách nhiệm cung cấp thông tin về hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế được thế chấp làm tài sản bảo đảm các khoản vay theo yêu cầu của cơ quan hải quan để thực hiện ấn định thuế trước khi tài sản thế chấp được tổ chức tín dụng bán để thu hồi nợ** **c) Đối với hàng hóa nhập khẩu chưa hoàn thành thủ tục hải quan bị cơ quan hải quan kê biên, bán đấu giá để cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế trong lĩnh vực hải quan, hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế bị kê biên, bán đấu giá theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án thuộc đối tượng phải nộp thuế, cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá có trách nhiệm cung cấp thông tin về tên hàng, số lượng, trị giá đã được kê biên, bán đấu giá cho cơ quan hải quan để thực hiện ấn định thuế.**[37]
6.4.45. Điều 102. Tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 102. Tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế** **1. Điều kiện cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế** a) Là doanh nghiệp đã được thành lập theo quy định của pháp luật; b) Có ít nhất 02 người được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế và làm việc toàn thời gian tại doanh nghiệp. **2. Tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế được cung cấp dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ khi có ít nhất một nhân viên đại lý thuế có chứng chỉ kế toán viên và làm việc toàn thời gian tại doanh nghiệp.**
6.4.46. Điều 105. Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 105. Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế** ...4. Những người sau đây không được **cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế và không được** làm nhân viên đại lý thuế: a) Cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng; sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an; b) Người đang bị cấm hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, kế toán, kiểm toán theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

[37] Để đảm bảo xử lý vướng mắc trong việc thu hồi số tiền thuế cơ quan hải quan ấn định thuế trong trường hợp hàng hoá bị kê biên, bán đấu giá trên cơ sở kế thừa quy định tại Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP cần bổ sung các quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin của:
- Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khi xử lý tài sản thế chấp là hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế.
- Cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá khi xử lý tài sản kê biên, bán đấu giá là hàng hóa nhập khẩu chưa hoàn thành thủ tục hải quan, hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế.

		c) Người đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế liên quan đến thuế, tài chính, kế toán mà chưa được xóa án tích; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; d) Người bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế, về kế toán, kiểm toán mà chưa hết thời hạn 06 tháng kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt trong trường hợp bị phạt cảnh cáo hoặc chưa hết thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt bằng hình thức khác. ...
6.4.47. Điều 109. Kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 109. Kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế** 1. Kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế do cơ quan quản lý thuế thực hiện đối với các hồ sơ thuế, **hóa đơn điện tử** đượcquy định như sau: **a)** Kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan thuế được thực hiện trên cơ sở hồ sơ thuế, **hóa đơn điện tử** của người nộp thuế nhằm đánh giá tính đầy đủ, chính xác các thông tin, chứng từ trong hồ sơ thuế, **hóa đơn điện tử**, sự tuân thủ pháp luật về thuế của người nộp thuế. Công chức thuế được giao nhiệm vụ kiểm tra thuế căn cứ vào mức độ rủi ro về thuế của hồ sơ thuế, **hóa đơn điện tử** được phân loại từ cơ sở dữ liệu công nghệ thông tin hoặc theo phân công của thủ trưởng cơ quan thuế thực hiện phân tích hồ sơ thuế, **phân tích hóa đơn điện tử theo** mức độ rủi ro về thuế để đề xuất kế hoạch kiểm tra tại trụ sở của cơ quan thuế hoặc xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều này; **b) Kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan hải quan được thực hiện trước thông quan, trong thông quan, sau thông quan** nhằm kiểm tra, đối chiếu, so sánh nội dung trong hồ sơ **hải quan** với thông tin, tài liệu có liên quan, quy định của pháp luật về thuế, kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa **trong trường hợp cần thiết để xử lý thu thuế, miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa, ấn định thuế, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế[33].**

[33]Quy định hiện hành về việc kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan quản lý thuế chưa bao quát hết các trường hợp kiểm tra thuế của cơ quan hải quan. Kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan hải quan được thực hiện trước thông quan, trong thông quan, sau thông quan.

1. Kiểm tra thuế trước thông quan áp dụng đối với 03 trường hợp sau đây:

a) Hàng hoá nhập khẩu miễn thuế phục vụ trực tiếp an ninh quốc phòng theo quy định tại Điều 20 Nghị định 134/2016/NĐ-CP, người nộp thuế phải nộp hồ sơ đề nghị miễn thuế đến TCHQ để TCHQ ban hành thông báo miễn thuế trước khi làm thủ tục nhập khẩu.

b) Hàng hoá nhập khẩu là quà biếu, quà tặng của tổ chức cá nhân nước ngoài cho tổ chức cá nhân Việt Nam theo quy định tại Điều 8 Nghị định 134. Trước khi nhập khẩu phải nộp hồ sơ đề nghị miễn thuế đến TCHQ, TCHQ sẽ ban hành QĐ miễn thuế.

c) Miễn thuế trong các trường hợp đặc biệt khác theo quy định tại khoản Điều 29 Nghị định 134 thuộc thẩm quyền miễn thuế của CP. Trước khi nhập khẩu người nộp thuế phải nộp hồ sơ đề nghị miễn thuế đến TCHQ, TCHQ trình Bộ TC báo cáo TTCP quyết định miễn thuế.

2. Kiểm tra thuế trong thông quan: áp dụng đối với các trường hợp kiểm tra thuế đối với hàng hoá XK, NK thuộc đối tượng chịu thuế, không chịu thuế, giảm thuế, miễn thuế, không thu thuế..

3. Kiểm tra thuế sau thông quan bao gồm: Kiểm tra sau hoàn thuế đối với hồ sơ hoàn thuế trước, kiểm tra tình hình sử dụng hàng hoá miễn thuế, kiểm tra khi có yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm toán, kiểm tra trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, kiểm tra thuế để xử lý khoanh tiền thuế nợ; xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt; miễn tiền chậm nộp, tiền phạt; không tính tiền chậm nộp; gia hạn nộp thuế; nộp dần tiền thuế nợ; xử lý tiền thuế nộp thừa,kiểm tra sau thông quan theo quy định của Luật Hải quan.

		2. Việc xử lý kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế được quy định như sau: a) Trường hợp kiểm tra trong quá trình làm thủ tục hải quan mà phát hiện vi phạm dẫn đến thiếu thuế, trốn thuế thì người nộp thuế phải nộp đủ thuế, bị xử phạt theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; b) Trường hợp hồ sơ thuế, hóa đơn điện tử có nội dung cần làm rõ liên quan đến số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm, số tiền thuế còn được khấu trừ chuyển kỳ sau, số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế không thu thì cơ quan quản lý thuế thông báo yêu cầu người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu. Trường hợp người nộp thuế đã giải trình và bổ sung thông tin, tài liệu chứng minh số tiền thuế đã khai là đúng thì hồ sơ thuế được chấp nhận; nếu không có đủ thông tin, tài liệu làm căn cứ chứng minh số tiền thuế đã khai là đúng thì cơ quan quản lý thuế yêu cầu người nộp thuế khai bổ sung. Trường hợp hết thời hạn theo thông báo của cơ quan quản lý thuế mà người nộp thuế không giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu hoặc không khai bổ sung hồ sơ thuế hoặc giải trình, khai bổ sung hồ sơ thuế không đúng thì thủ trưởng cơ quan quản lý thuế quyết định ấn định số tiền thuế phải nộp hoặc ra quyết định kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế hoặc làm căn cứ để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra theo nguyên tắc quản lý rủi ro trong quản lý thuế.
6.4.48. Điều 110. Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 110. Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế** ...4. Quyết định kiểm tra thuế phải được cơ quan quản lý thuế gửi cho người nộp thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc và thực hiện công bố trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký. Trước khi công bố quyết định kiểm tra mà người nộp thuế chứng minh được số tiền thuế đã khai là đúng và nộp đủ số tiền thuế phải nộp thì cơ quan thuế bãi bỏ quyết định kiểm tra thuế.[39] 5. Trình tự, thủ tục kiểm tra thuế được quy định như sau: ...c) Thời hạn kiểm tra được xác định trong quyết định kiểm tra nhưng không quá 20 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế. Thời hạn kiểm tra được tính từ ngày công bố quyết địnhkiểm tra; trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì người đã quyết định kiểm tra có thể gia hạn 01 lần nhưng không quá 20 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế;
6.4.49. Điều 112. Nhiệm vụ,	Sửa đổi, bổ sung các quy định để	**Điều 112. Nhiệm vụ, quyền hạn của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế ra quyết định kiểm tra thuế và công chức quản lý thuế trong việc kiểm tra thuế**

Do đó, cần thiết phải bổ sung quy định về kiểm tra thuế để bao quát hết chức năng, nhiệm vụ của cơ quan hải quan.

[39]Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 4 theo hướng có sự phân biệt giữa cơ quan thuế và cơ quan hải quan, cụ thể như sau:
- Bổ sung cụm từ "cơ quan quản lý thuế" để áp dụng chung về thời hạn 03 ngày và 10 ngày cho cơ quan hải quan và cơ quan thuế.
- Bỏ cụm từ "quản lý" để áp dụng riêng cho cơ quan Thuế vì cơ quan hải quan kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế trước khi kiểm tra không thể đủ cơ sở xác định được số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu do người nộp thuế tự xác định là đúng, do đó không thể bãi bỏ quyết định kiểm tra. Trên thực tế cơ quan hải quan chưa từng phát sinh tình huống này.

quyền hạn của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế ra quyết định kiểm tra thuế và công chức quản lý thuế trong việc kiểm tra thuế	nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**...2. Trưởng đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:** **a) Tổ chức, chỉ đạo các thành viên đoàn kiểm tra thực hiện đúng nội dung Quyết định kiểm tra;** **b) Kiến nghị với người ra quyết định kiểm tra áp dụng các biện pháp thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định kiểm tra theo quy định của pháp luật về thuế, quản lý thuế và pháp luật có liên quan;** **c) Yêu cầu đối tượng kiểm tra cung cấp thông tin, tài liệu, giải trình về vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra thuế;** **d) Quyết định niêm phong tài liệu, hàng hóa (nếu có) của đối tượng kiểm tra khi có căn cứ cho rằng có vi phạm pháp luật;** **đ) Báo cáo người ra Quyết định kiểm tra tạm ngừng kiểm tra trong các trường hợp đối tượng kiểm tra bỏ trốn, mất tích hoặc các trường hợp bất khả kháng không thể thực hiện kiểm tra các nội dung đã ghi nhận trên Quyết định kiểm tra;** **e) Báo cáo người ra quyết định kiểm tra về kết quả kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan của báo cáo đó.**[40]
6.4.50. Điều 121. **Thu thập thông tin liên quan đến hành vi trốn thuế**; Điều 122. Tạm giữ tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế; Điều 123. Khám nơi cất giấu tài liệu, **tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế**	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 121. Thu thập thông tin liên quan đến hành vi trốn thuế** ... 3...Trong quá trình thu thập thông tin bằng trả lời trực tiếp, các thành viên của đoàn **kiểm tra** phải lập biên bản làm việc và được ghi âm, ghi hình công khai. ... **Điều 122. Tạm giữ tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế** ...3. Trong quá trình **kiểm tra** thuế, nếu đối tượng **kiểm tra** có biểu hiện tẩu tán, tiêu hủy tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế thì trưởng đoàn **kiểm tra** thuế đang thi hành nhiệm vụ được quyền tạm giữ tài liệu, tang vật đó. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tạm giữ tài liệu, tang vật, trưởng đoàn ***kiểm tra*** thuế phải báo cáo thủ trưởng cơ quan quản lý thuế ra quyết định tạm giữ tài liệu, tang vật; trong thời hạn 08 giờ làm việc kể từ khi nhận được báo cáo, người có thẩm quyền phải xem xét và ra quyết định tạm giữ. Trường hợp người có thẩm quyền không đồng ý việc tạm giữ thì trưởng đoàn ***kiểm tra*** thuế phải trả lại tài liệu, tang vật trong thời hạn 08 giờ làm việc kể từ khi người có thẩm quyền không đồng ý. 4. Khi tạm giữ tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế trưởng đoàn **kiểm tra** thuế phải lập biên bản tạm giữ. Trong biên bản tạm giữ phải ghi rõ tên, số lượng, chủng loại của tài liệu, tang vật bị tạm giữ; chữ ký của người thực hiện tạm giữ, người đang quản lý tài liệu, tang vật vi phạm. Người ra quyết định tạm giữ có trách nhiệm bảo quản tài liệu, tang vật tạm giữ và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu tài liệu, tang vật bị mất, bán, đánh tráo hoặc hư hỏng. ...

[40] Bổ sung thêm nhiệm vụ của trưởng đoàn kiểm tra để phù hợp với thực tế công tác kiểm tra

6.4.51. Điều 124. Trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 124. Trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế** 1. Người nộp thuế có tiền thuế nợ quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp theo quy định **và số tiền thuế nợ quá 90 ngày theo ngưỡng do Chính phủ quy định.** 5. Chưa thực hiện biện pháp cưỡng chế thuế đối với **khoản nợ của trường hợp** người nộp thuế được cơ quan quản lý thuế ~~khoanh tiền thuế nợ trong~~ thời hạn khoanh nợ; không tính tiền chậm nộp thuế theo quy định **tại điểm a khoản 5 Điều 59 của** Luật này; được nộp dần tiền thuế nợ trong thời hạn ~~nhưng~~ không quá 12 tháng ~~kể từ ngày bắt đầu của thời hạn cưỡng chế thuế~~ **và trong thời gian thư bảo lãnh có hiệu lực.** Việc nộp dần tiền thuế nợ được thủ trưởng cơ quan quản lý **thuế trực tiếp người nộp thuế** xem xét trên cơ sở đề nghị của người nộp thuế và phải có bảo lãnh của tổ chức tín dụng. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định số lần nộp dần và hồ sơ, thủ tục về nộp dần tiền thuế nợ. 6. Không thực hiện biện pháp cưỡng chế đối với người nộp thuế có nợ phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh; **không áp dụng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 131 Luật này.**[41]
6.4.52. Điều 125. Biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 125. Biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế** 1. Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bao gồm: a) Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế tại ~~Kho bạc Nhà nước~~, ngân hàng thương mại, **Chi nhánh ngân hàng nước ngoài**, tổ chức tín dụng khác; phong tỏa tài khoản; **g) Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản** ...h) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề, **giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.** 2. Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế quy định tại khoản 1 Điều này chấm dứt hiệu lực kể từ khi **số tiền thuế nợ bị cưỡng chế đã được nộp đủ vào ngân sách nhà nước hoặc số tiền thuế nợ bị cưỡng chế được cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định nộp dần tiền thuế nợ hoặc quyết định gia hạn nộp thuế hoặc quyết định miễn tiền chậm nộp tiền thuế hoặc thông báo không tính tiền chậm nộp hoặc theo đề**

[41] Bổ sung quy định dẫn chiếu không áp dụng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 131 Luật QLT tại khoản 6 để đảm bảo liên kết giữa các Điều quy định về cưỡng chế tại Luật này.

		nghị của các cơ quan có thẩm quyền. 3..... b) Đối với các biện pháp cưỡng chế quy định tại các điểm d, đ, e và g và h khoản 1 Điều này, trường hợp không áp dụng được biện pháp cưỡng chế trước thì cơ quan quản lý thuế chuyển sang áp dụng biện pháp cưỡng chế sau; biện pháp cưỡng chế quy định tại điểm đ, ~~và điểm~~ e và g khoản 1 Điều này được áp dụng khi cơ quan quản lý thuế có đầy đủ thông tin, điều kiện để thực hiện cưỡng chế;
6.4.53. Điều 126. Thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 126. Thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế** **2. Việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản quy định tại điểm g khoản 1 Điều 125 của Luật này thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.** ...3. Việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề,**giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện** quy định tại điểm g khoản 1 Điều 125 của Luật này được thực hiện theo quy định của pháp luật. **4. Người có thẩm quyền cưỡng chế quy định tại khoản 1 Điều này có thể giao quyền cho cấp phó. Việc giao quyền được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện quyền được giao. Người được giao quyền không được giao quyền cho người khác.**
6.4.54. Điều 127. Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 127. Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế** 3. Quyết định cưỡng chế ~~có hiệu lực thi hành trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ban hành quyết định; trường hợp cưỡng chế~~bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thì có hiệu lực thi hành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ~~ban hành~~**ghi trên**quyết định.***Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn cưỡng chế được tính là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó.***
6.4.55. Điều 129. Cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 129. Cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế** 1. Biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản áp dụng đối với đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế có ~~tiền gửi~~**mở tài khoản** tại ~~Kho bạc Nhà nước~~, ngân hàng thương mại, **chi nhánh ngân hàng nước ngoài** và tổ chức tín dụng khác. 2. Khi nhận được quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế, ~~Kho bạc Nhà nước,~~ ngân hàng thương mại, **chi nhánh ngân hàng nước ngoài,** tổ chức tín dụng khác có trách nhiệm trích số tiền ghi trong quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế và chuyển sang tài khoản của ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước, đồng thời thông báo bằng văn bản cho người ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế và đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế biết.

quản lý thuế		3. Khi quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế đã hết hiệu lực mà ~~Kho bạc Nhà nước,~~ ngân hàng thương mại, **chi nhánh ngân hàng nước ngoài,** tổ chức tín dụng khác chưa trích đủ tiền thuế theo quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế thì phải thông báo bằng văn bản cho người ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế biết. 4. Trong thời hạn quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế có hiệu lực, nếu trong tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế còn số dư mà ~~Kho bạc Nhà nước,~~ ngân hàng thương mại, **chi nhánh ngân hàng nước ngoài,** tổ chức tín dụng khác không thực hiện việc trích tiền của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế để nộp vào ngân sách nhà nước theo quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Chương XV của Luật này.
6.4.56. Điều 130. Cưỡng chế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 130. Cưỡng chế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập** ...3. Cơ quan, tổ chức sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế có các trách nhiệm sau đây: a) Khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế và chuyển số tiền đã khấu trừ vào tài khoản *nộp* ngân sách nhà nước *mở* tại Kho bạc Nhà nước theo nội dung ghi trong quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế kể từ kỳ trả tiền lương hoặc thu nhập gần nhất cho đến khi khấu trừ đủ số tiền thuế nợ theo quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế, đồng thời thông báo cho người ra quyết định cưỡng chế và đối tượng bị cưỡng chế biết; ...
6.4.57. Điều 133. Cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 133. Cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên** 2. Giá trị tài sản bị kê biên của đối tượng bị cưỡng chế tương đương với số tiền thuế nợ đã ghi trong quyết định cưỡng chế và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế. 3. **Không thực hiện kê biên đối với** những tài sản sau đây **của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế**: a) Thuốc chữa bệnh, lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu **hàng**của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế và gia đình họ; ..... **5. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế cư trú hoặc có trụ sở đóng trên địa bàn chỉ đạo các cơ quan, ban ngành phối hợp với cơ quan thuế trong việc thực hiện kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản.** ~~5.~~ **6.** Chính phủ quy định chi tiết Điều này. ...
6.4.58. Điều 134. Cưỡng chế bằng biện	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực,	**Điều 134. Cưỡng chế bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang giữ** ...3. Trách nhiệm của bên thứ ba đang có khoản nợ hoặc giữ tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế được quy

pháp thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang giữ	hiệu quả quản lý thuế	định như sau: a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang có khoản nợ hoặc nắm giữ tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế không thực hiện nộp thay số tiền thuế bị cưỡng chế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan quản lý thuế thì bị **xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Chương XV của Luật này.** **đ) Bên thứ ba không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về khoản nợ hoặc khoản tiền, tài sản khác đang nắm giữ của đối tượng bị cưỡng chế cho cơ quan quản lý thuế theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Chương XV của Luật này....**
6.4.59. Điều 134a	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 134a. Cưỡng chế bằng biện pháp nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản** **1. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm nộp đơn lên Tòa án yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc đối tượng bị cưỡng chế với tư cách là chủ nợ khi có đầy đủ thông tin, điều kiện để thực hiện biện pháp này.** **2. Khi thực hiện biện pháp cưỡng chế quy định tại Điều này, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.** **3. Cơ quan thuế khi nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản không phải nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản** **4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.**
6.4.60. Điều 135. Cưỡng chế bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	Điều 135. Cưỡng chế bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện 1. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm gửi văn bản yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện. ...

và hoạt động, giấy phép hành nghề, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện		
6.4.61. Điều 136. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 136. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế** ...2. ~~Vi phạm hành chính về sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn hoặc sử dụng hóa đơn không đúng quy định dẫn đến thiếu thuế, trốn thuế thì không xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn mà bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế.~~ ... **5. Tổ hợp tác; cộng đồng dân cư; đơn vị phụ thuộc của pháp nhân; Ban quản lý chung cư; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có quy mô về doanh thu, lao động đáp ứng từ mức cao nhất về tiêu chí của doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa vi phạm hành chính về quản lý thuế bị áp dụng mức phạt tiền đối với tổ chức vi phạm hành chính.** **6. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có quy mô về doanh thu, lao động chưa đáp ứng từ mức cao nhất về tiêu chí của doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa vi phạm hành chính về quản lý thuế bị áp dụng mức phạt tiền đối với cá nhân vi phạm hành chính.** ...8. Người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm hành chính về quản lý thuế có trách nhiệm lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định. Trường hợp người nộp thuế đăng ký thuế, nộp hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế điện tử nếu thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế, hồ sơ quyết toán thuế bằng phương thức điện tử xác định rõ hành vi vi phạm hành chính, **thông tin về tên, mã số thuế người nộp thuế, thời điểm vi phạm, nội dung vi phạm và điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật** về quản lý thuế **quy định hành vi vi phạm** của người nộp thuế thì thông báo này là biên bản vi phạm hành chính làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt. **...10. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và các trường hợp không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn.**
6.4.62. Điều 137. Thời hiệu	Sửa đổi, bổ sung các quy định để	**Điều 137. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế** ...2. Đối với hành vi trốn thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền

xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế	nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu thì thời hiệu xử phạt là **10** năm kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm.
6.4.63. Điều 151 về hiệu lực thi hành áp dụng các quy định Phòng, chống trốn thuế	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	
6.4.64. Điều 152. Quy định chuyển tiếp	Sửa đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế	**Điều 152. Quy định chuyển tiếp** ... **2. Đối với các trường hợp quy định tại Điều 83 và khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 85 Luật này phát sinh trước ngày (ngày Luật có hiệu lực) thì được xử lý theo quy định của Luật này.** Đề nghị bỏ khoản 2 Điều 152 Luật 38: ~~2. Đối với các khoản tiền thuế nợ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020 thì được xử lý theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.~~
6.5. Chinhsách 6: **Nhóm chính sách nhằm nâng cao tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế**		
6.5.1. Điều 3. Giải thích từ ngữ	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.	**Điều 3. Giải thích từ ngữ** ... *2. Các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu* bao gồm: a) **Phí và lệ phí** theo quy định của Luật Phí và lệ phí; b) Tiền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước; c) Tiền thuê đất; d) **Tiền cấp** quyền khai thác khoáng sản; đ) Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; **e) Tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện;** **g) Tiền sử dụng khu vực biển để nhận chìm theo quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;** h) Tiền thu từ xử phạt **vi phạm hành chính do cơ quan quản lý thuế thực hiện xử lý vi phạm** theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính[42];

[42]Giải thích từ ngữ về các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu chỉ bao gồm tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và hải quan do cơ quan quản lý thuế thu. Trên thực tế, cơ quan hải quan có thẩm quyền xử phạt và đã xử phạt các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực khác ngoài lĩnh vực hải quan liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (xử phạt theo các Nghị định thuộc các lĩnh vực thương mại, y tế, môi

		h) Tiền chậm nộp **tiền thuế** và các khoản thu **khác thuộc ngân sách nhà nước** theo quy định của pháp luật **do cơ quan quản lý thuế quản lý thu.** **i) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.** *3. Các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu* bao gồm: b) **Tiền nộp ngân sách nhà nước từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;** c) Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật về đất đai; **d)** Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính; **đ) Tiền nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công từ việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí;** **d)** Thu viện trợ; e) **Tiền chậm nộp khoản thu do cơ quan nhà nước quản lý thu và** các khoản thu khác theo quy định của pháp luật. **...5. Trụ sở của cơ quan quản lý thuế là địa điểm nơi đặt trụ sở chính của cơ quan quản lý thuế theo quy định của Bộ Tài chính.** **...18. Tiền thuế phải nộp là số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu mà người nộp thuế chưa nộp ngân sách nhà nước.** **...19. Tiền thuế nộp thừa là số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu đã nộp lớn hơn số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp.** **...36. Cơ quan quản lý thuế trực tiếp là cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý, giám sát và thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thuộc phạm vi địa bàn và khoản thu được phân công quản lý.**
6.5.2. Điều 5. Nguyên tắc quản lý thuế	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.	**Điều 5. Nguyên tắc quản lý thuế** ...2. Cơ quan quản lý thuế, các cơ quan khác của Nhà nước được giao nhiệm vụ quản lý thu thực hiện việc quản lý thuế **và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước** theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan, bảo đảm công khai, minh bạch, minh đẳng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người nộp thuế. **a) Trường hợp pháp luật chuyên ngành và Luật Quản lý thuế cùng quy định về việc xác định nghĩa vụ nộp thuế của người nộp thuế thì cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế; Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về việc xác định nghĩa vụ nộp thuế của người nộp thuế mà Luật Quản lý thuế không có quy định thì cơ quan thuế áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.**

trường, kiểm lâm, điều kiện, tiêu chuẩn...). Do đó, khoản thu từ việc xử phạt các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực khác liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do cơ quan hải quan thukhông thuộc khoản thu nêu tại khoản 2 Điều 3 Luật Quản lý thuế, nên các khoản tiền này sẽ không phải là tiền thuế nợ và không có cơ sở pháp lý áp dụng được các quy định của Luật Quản lý thuế đối với khoản tiền nợ này.

		b) Trường hợp cơ quan được giao quản lý thu các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước có đầy đủ thông tin, cơ sở để xác định số phải thu thì cơ quan đó có trách nhiệm thực hiện từ việc xác định số phải thu nộp ngân sách nhà nước, thông báo thu, đôn đốc thu, theo dõi nghĩa vụ thu nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế, hoàn trả nộp thừa, tính tiền chậm nộp và thực hiện các biện pháp cưỡng chế (nếu có) theo quy định của Luật này. Trường hợp cơ quan được giao quản lý thu các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước không có đầy đủ thông tin, cơ sở để xác định số phải thu mà văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có quy định một trong các yếu tố xác định khoản phải thu thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế thì cơ quan quản lý thu các khoản thu khác phải phối hợp với cơ quan quản lý thuế để thực hiện tính, thông báo thu và quản lý theo quy định tại Luật này.
6.5.3. Điều 9. Quản lý rủi ro trong quản lý thuế	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.	**Điều 9. Quản lý rủi ro trong quản lý thuế** ...6. Bộ trưởng Bộ Tài chính **quy định tiêu chí quản lý thuế**, tiêu chí đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người nộp thuế, **phân loại và kiểm soát** mức độ rủi ro và việc áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế.
6.5.4. Điều 16. Quyền của người nộp thuế	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.	**Điều 16. Quyền của người nộp thuế** ...14. Được sử dụng chứng từ điện tử trong giao dịch với cơ quan quản lý thuế và cơ quan, tổ chức có liên quan. **Được yêu cầu tổ chức khấu trừ thuế, nộp thay thuế cấp chứng từ khấu trừ thuế điện tử theo quy định của pháp luật quản lý thuế.** **15. Người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế được ưu tiên trong thực hiện thủ tục hành chính thuế theo quy định của Chính phủ** **16. Trường hợp người nộp thuế phát hiện thông tin nộp thuế trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước đã lập chưa đúng hoặc thông tin thu, nộp ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế cung cấp có sai khác với thông tin theo dõi của người nộp thuế thì người nộp thuế được quyền thực hiện thủ tục tra soát, điều chỉnh thông tin theo quy định. Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này."**
6.5.5. Điều 33. Thời hạn đăng ký thuế lần đầu	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế	**Điều 33. Thời hạn đăng ký thuế lần đầu** ...2. Người nộp thuế đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế thì thời hạn đăng ký thuế là 10 ngày làm việc kể từ ngày sau đây: a) Được cấp giấy ~~chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh~~, giấy phép thành lập và hoạt động, ~~giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định thành lập~~**hoặc quyết định thành lập, hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư,hoặc giấy tờ tương đương khác do cơ quan có thẩm quyền cấp phép đối với tổ chức thuộc diện đăng ký kinh doanh;** **Trường hợp tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và phải thực hiện các thủ tục tiếp theo mới được phép hoạt động theo quy định của pháp luật thì thời hạn đăng ký thuế là 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thủ tục theo quy định của pháp luật.** b) Bắt đầu hoạt động kinh doanh đối với tổ chức ~~không thuộc diện đăng ký kinh doanh hoặc hộ kinh doanh~~, cá nhân

		kinh doanh **không** thuộc diện đăng ký kinh doanh ~~**nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;**~~ c) Phát sinh trách nhiệm khấu trừ thuế và nộp thuế thay; tổ chức nộp thay cho cá nhân theo **ngày ký** hợp đồng, văn bản hợp tác kinh doanh;**hoặc là ngày thanh toán lần đầu cho tổ chức, cá nhân trong trường hợp không ký hợp đồng;** ... **3. Trường hợp người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế qua hồ sơ khai thuế, người nộp thuế phát sinh nghĩa vụ thuế theo từng lần phát sinh thì thời hạn đăng ký thuế cùng với thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định tại Điều 44 Luật này.**
6.5.6. Điều 35. Sử dụng mã số thuế	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.	**Điều 35. Sử dụng mã số thuế** **...2. Người nộp thuế phải cung cấp đầy đủ, chính xác mã số thuế cho tổ chức, cá nhân thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay hoặc khai thay, nộp thuế thay;** cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc ghi mã số thuế trên hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông với cơ quan quản lý thuế. chuyển nhóm 6 ~~**7. Khi mã số định danh cá nhân được cấp cho toàn bộ dân cư thì sử dụng mã số định danh cá nhân thay cho mã số thuế.**~~
6.5.7. Điều 36. Thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.	**Điều 36. Thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế** **...4. Người nộp thuế không được đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế khi cơ quan thuế đã có Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh.**
6.5.8. Điều 37. Thông báo khi tạm ngừng hoạt động, kinh doanh	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.	**Điều 37. Thông báo khi tạm ngừng hoạt động, kinh doanh** **...3. Người nộp thuế không được đăng ký tạm ngừng hoạt động, kinh doanh khi cơ quan thuế đã có thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.**
6.5.9. Điều 45. Nơi nộp hồ sơ khai thuế	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người	**Điều 45. Nơi nộp hồ sơ khai thuế** 1. Người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp **người nộp thuế hoặc cơ quan thuế quản lý khoản thu ngân sách nhà nước của người nộp thuế. Trường hợp khai thuế thay thì người khai thuế thay nộp hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp người khai thuế thay, trừ trường hợp pháp luật thuế hoặc pháp chuyên ngành có quy định khác.**

	nộp thuế.	... **4.** Chính phủ quy định **chi tiết Điều này.**
6.5.10. Điều 57. Thứ tự thanh toán tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.	**Điều 57. Thứ tự thanh toán tiền thuế vàcác khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu** **1. Người nộp thuế phải thực hiện nộp các khoản tiền thuế nợ thuộc đối tượng áp dụng các biện pháp cưỡng chế trước khi thực hiện theo thứ tự quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.** **2. Người nộp thuế được lựa chọn thanh toán cho khoản nộp (tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu) đã có mã định danh khoản phải nộp.** **Đối với các khoản nộp đã được cơ quan quản lý thuế cung cấp thông tin mã định danh khoản phải nộp, người nộp thuế phải thực hiện nộp theo đúng mã định danh khoản phải nộp do cơ quan quản lý thuế cung cấp và không được thực hiện nộp theo các khoản nêu tại khoản 3 Điều này.** **3. Trường hợp người nộp thuế thực hiện nộp cho các khoản nộp không thuộc khoản 1 và khoản 2 nêu trên; hoặc khoản nộp chưa có mã định danh khoản phải nộp thì thứ tự thanh toán tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt được thực hiện theo thời hạn trước, sau và theo thứ tự như sau:** **a) Tiền nợ thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp quá hạn chưa thuộc đối tượng áp dụng các biện pháp cưỡng chế;** **b) Tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp phát sinh**
6.5.11. Điều 70. Các trường hợp hoàn thuế	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.	**Điều 70. Các trường hợp hoàn thuế** 1. **Hoàn thuế đối với tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế.** 2. **Hoàn trả tiền nộp thừa đối với tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp hoàn trả theo quy định tại Điều 60 của Luật này.**
6.5.12. Điều 72. Trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết và phản hồi thông tin hồ sơ hoàn thuế	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.	**Điều 72. Trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết và phản hồi thông tin hồ sơ hoàn thuế** 1. Cơ quan quản lý thuế có nhiệm vụ tiếp nhận **và giải quyết** hồ sơ hoàn thuế theo quy định sau đây: a) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế đối với các trường hợp được hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế; áp dụng quản lý rủi ro, ban hành các quy trình nội bộ, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin để phân loại hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hoàn thuế trước hoặc kiểm tra trước hoàn thuế và giải quyết hồ sơ hoàn thuế theo quy định; **trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư tại địa bàn cấp tỉnh khác với nơi người nộp thuế đóng trụ sở thì cơ quan thuế tiếp nhận, phân loại và giải quyết hồ sơ hoàn là cơ quan thuế nơi có dự án đầu tư hoặc nơi có Ban quản lý dự án thuộc nơi có dự án đầu tư đối với dự án đầu tư đi qua nhiều địa bàn cấp tỉnh hoặc nơi đặt văn phòng điều hành, công ty điều hành chung, công ty liên doanh đối với dự án tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu khí.** Cơ quan thuế quản lý khoản thu **ngân sách nhà nước** tiếp nhận, **phân loại và giải quyết** hồ sơ hoàn trả tiền nộp thừa; trường hợp hoàn trả tiền nộp thừa theo quyết toán

		thuế thu nhập doanh nghiệp của tổ chức, quyết toán thuế thu nhập cá nhân của cá nhân thì cơ quan thuế tiếp nhận, phân loại và giải quyết hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, quyết toán thuế thu nhập cá nhân của người nộp thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn trả tiền nộp thừa; **(đã được sửa đổi tại Luật số 56/2024/QH15)** Cơ quan thuế quản lý khoản thu ngân sách nhà nước tiếp nhận, phân loại và giải quyết hồ sơ hoàn trả tiền nộp thừa; trường hợp hoàn trả tiền nộp thừa theo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của tổ chức, quyết toán thuế thu nhập cá nhân của cá nhân thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế tiếp nhận, phân loại và giải quyết hồ sơ quyết toán thuế ~~thu nhập doanh nghiệp, quyết toán thuế thu nhập cá nhân của người nộp thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn trả tiền nộp thừa;~~**(đã được sửa đổi tại Luật số 56/2024/QH15).** b) Cơ quan hải quan nơi quản lý khoản thu tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế đối với các trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế; trường hợp người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài xuất cảnh có hàng hóa thuộc trường hợp hoàn thuế thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế. 2. Người nộp thuế nộp hồ sơ hoàn thuế thông qua các hình thức sau đây: **a) Gửi hồ sơ điện tử qua cổng giao dịch điện tử của cơ quan quản lý thuế.** b) Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan quản lý thuế; c) Gửi hồ sơ qua đường bưu chính; 3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế, cơ quan quản lý thuế thực hiện phân loại hồ sơ và thông báo cho người nộp thuế về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế hoặc thông báo **không chấp nhận hồ sơ** cho người nộp thuế trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ, **hồ sơ không thuộc trường hợp được hoàn**.
6.5.13. Điều 81. Cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.	**Điều 81. Cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế** 1. **Cơ quan quản lý thuế tiếp nhận hồ sơ miễn thuế, giảm thuế trong các trường hợp sau đây:** **a)** Trường hợp người nộp thuế tự xác định số tiền thuế được miễn, giảm **trên hồ sơ khai thuế, cơ quan thuế** tiếp nhận hồ sơ miễn thuế, giảm thuế **là cơ quan thuế có trách nhiệm** tiếp nhận hồ sơ khai thuế **theo** quy định tại Chương IV của Luật này. **b)** Trường hợp cơ quan **hải quan** quyết định miễn thuế, giảm thuế đối với thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế, cơ quan hải quan **có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế** theo quy định của Chính phủ **c) Trường hợp cơ quan quản lý thuế quyết định hoặc thông báo miễn thuế, giảm thuế, miễn hoặc giảm các khoản thu thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật liên quan, cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế, miễn hoặc giảm các khoản thu được giao quản lý của người nộp thuế. Trường hợp người nộp thuế nộp hồ sơ miễn giảm cùng hồ sơ khai thuế theo cơ chế một cửa liên thông thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ miễn thuế, giảm thuế là cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông.**

		d) Đối với hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần hoặc Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì cơ quan Thuế khu vực nơi người nộp thuế đóng trụ sở có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế. ...
6.5.14.Điều 82. Thời hạn giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế đối với trường hợp cơ quan quản lý thuế quyết định, **thông báo miễn, giảm thuế.**	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.	**Điều 82.** Thời hạn giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế đối với trường hợp cơ quan quản lý thuế quyết định, **thông báo miễn, giảm thuế.** 1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý thuế quyết định, **thông báo** miễn thuế, giảm thuế hoặc thông báo bằng văn bản **hoặc bằng điện tử** cho người nộp thuế lý do không thuộc diện được miễn thuế, giảm thuế. **Trường hợp thông tin khai trên hồ sơ miễn thuế, giảm thuế khác với thông tin quản lý của cơ quan quản lý thuế thì cơ quan quản lý thuế thông báo bằng văn bản hoặc phản hồi thông qua cổng giao dịch điện tử để người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan quản lý thuế ban hành Thông báo, người nộp thuế có trách nhiệm gửi văn bản giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu theo Thông báo của cơ quan quản lý thuế. Trường hợp hết thời hạn giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu theo Thông báo lần 1 của cơ quan quản lý thuế mà người nộp thuế không giải trình, bổ sung hồ sơ miễn thuế, giảm thuế thì cơ quan quản lý thuế thông báo lần 2 gửi người nộp thuế. Thời gian giải trình, bổ sung thông tin không tính trong thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn miễn thuế, giảm thuế.** Trường hợp **hết thời hạn theo thông báo lần 2 bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế mà người nộp thuế không giải trình, bổ sung hồ sơ miễn thuế, giảm thuế,** cơ quan quản lý thuế thông báo cho người nộp thuế về việc không thuộc diện được miễn, giảm thuế. 2. **Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ**trong trường hợp cần kiểm tra thực tế **đơ người nộp thuế nộp hồ sơ miễn thuế, giảm thuế lần đầu, người nộp thuế có rủi ro cao trong quản lý thuế, người nộp thuế giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động** để có đủ căn cứ giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế thì **cơ quan quản lý thuế thông báo hồ sơ miễn thuế, giảm thuế thuộc diện kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế gửi người nộp thuế và quyết định, thông báo miễn thuế, giảm thuế nếu hồ sơ đủ điều kiện miễn thuế, giảm thuế hoặc thông báo bằng văn bản hoặc bằng điện tử cho người nộp thuế lý do không thuộc diện được miễn thuế, giảm thuế nếu hồ sơ không đủ điều kiện miễn thuế, giảm thuế, người nộp thuế không chấp hành Quyết định kiểm tra của cơ quan quản lý thuếhoặc tạm dừng miễn thuế, giảm thuế nếu hồ sơ chưa đủ điều kiện miễn thuế, giảm thuế do chờ kết quả kiểm tra, xác minh. Cơ quan quản lý thuế sẽ thực hiện giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế khi có đầy đủ thông tin để xác định số thuế đủ điều kiện miễn thuế, giảm thuế hoặc không đủ điều kiện miễn thuế, giảm thuế.Thời gian người nộp thuế chậm cung cấp thông tin, tài liệu theo thông báo của Đoàn kiểm tra, thời gian tạm dừng kiểm tra, hoãn thời gian thực hiện kiểm tra không tính trong thời hạn giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế.** **3. Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý thuế ban hành thông báo về việc người nộp thuế thuộc hoặc không thuộc diện được miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định thuế hoặc Điều ước quốc tế khác đối với hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và Điều ước quốc tế khác.** **4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ miễn thuế, giảm thuế hợp pháp,**

		đầy đủ, đúng mẫu quy định do cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông chuyển đến đối với hồ sơ miễn thuế, giảm thuế cùng hồ sơ khai thuế theo cơ chế một cửa liên thông, cơ quan thuế xác định số tiền được miễn thuế, giảm thuế trên Thông báo nộp thuế hoặc thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế lý do không được miễn thuế, giảm thuế và chuyển trả hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông.
6.5.15. Điều 84- Thủ tục, hồ sơ, thời gian, thẩm quyền khoanh tiền thuế nợ	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.	**Điều 84. Thủ tục, hồ sơ, thời gian, thẩm quyền khoanh tiền thuế nợ** ...3. Cơ quan quản lý thuế tiếp tục theo dõi các khoản tiền thuế nợ được khoanh và phối hợp với các cơ quan có liên quan để thu hồi tiền thuế nợ khi người nộp thuế có khả năng nộp thuế hoặc thực hiện xóa nợ theo quy định tại Điều 85 của Luật này.
6.5.16.Điều 85	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.	**Điều 85. Trường hợp được xóa nợ tiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~** 1. Doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản đã thực hiện các khoản thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản mà không còn tài sản để nộp tiền thuế **~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~**. 2. Cá nhân đã chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất năng lực hành vi dân sự mà không có tài sản, bao gồm cả tài sản được thừa kế để nộptiền thuế **~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~**. 3. Các khoản nợ tiền thuế ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~ của người nộp thuế không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà cơ quan quản lý thuế đã áp dụng biện pháp cưỡng chế quy định tại điểm g khoản 1 Điều 125 của Luật này và tất cả các khoản nợ tiền thuế **~~, tiền chậm nộp, tiền phạtnày~~** đã quá 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế nhưng không có khả năng thu hồi. Người nộp thuế là cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đã được xóa nợ tiền thuế, **~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~**quy định tại khoản này trước khi quay lại sản xuất, kinh doanh hoặc thành lập cơ sở sản xuất, kinh doanh mới thì phải hoàn trả cho Nhà nước khoản nợ tiền thuế **~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~** đã được xóa. 4. Tiền thuế **~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~**đối với các trường hợp bị ảnh hưởng do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh có phạm vi rộng đã được xem xét miễn tiền chậm nộp theo quy định tại khoản 8 Điều 59 của Luật này và đã được gia hạn nộp thuế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 62 của Luật này mà vẫn còn thiệt hại, không có khả năng phục hồi được sản xuất, kinh doanh và không có khả năng nộp tiền thuế ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~. **5. Tiền thuế được xóa thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này không bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền chậm nộp và tiền phạt của tiền sử dụng đất, tiền thuê đất** 56. Chính phủ quy định việc phối hợp giữa cơ quan quản lý thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh, chính quyền địa phương bảo đảm các khoản tiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~đã được xóa phải được hoàn trả vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều này trước khi cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; quy định chi tiết khoản 4 Điều này.

6.5.17.Điều 86	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.	**Điều 86. Hồ sơ xóa xóa nợ tiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~** 1. Cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế thuộc diện được xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiềntiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~lập và gửi hồ sơ xóa nợ tiền thuế tiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~, tiền chậm nộp, tiền phạt đến cơ quan, người có thẩm quyền. 2. Hồ sơ xóa tiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~bao gồm: a) Văn bản đề nghị xóa tiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~của cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế thuộc diện được xóa tiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~; b) Quyết định tuyên bố phá sản đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản; c) Các tài liệu liên quan đến việc đề nghị xóa tiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~. 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.
6.5.18.Điều 87	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.	**Điều 87. Thẩm quyền xóa tiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~** 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xóa tiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~đối với các trường hợp sau đây: a) Trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 85 của Luật này; b) Hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, cá nhân quy định tại khoản 3 Điều 85 của Luật này; c) Doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 85 của Luật này có khoản tiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~dưới 5.000.000.000 đồng. 2. ~~Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan~~**Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Hải quan** quyết định xóa nợ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 85 của Luật này có khoản tiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~từ 5.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng. 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xóa nợ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 85 của Luật này có khoản tiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~từ 10.000.000.000 đồng **trở lên** ~~đến dưới 15.000.000.000 đồng~~. ~~4. Thủ tướng Chính phủ quyết định xóa nợ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 85 của Luật này có khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ 15.000.000.000 đồng trở lên.~~ 5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo tình hình kết quả xóa tiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~ cho Hội đồng nhân dân cùng cấp vào kỳ họp đầu năm. Bộ trưởng Bộ Tài chính tổng hợp tình hình xóa tiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~để Chính phủ báo cáo Quốc hội khi quyết toán ngân sách nhà nước.
6.5.19.Điều 88	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính	**Điều 88. Trách nhiệm giải quyết hồ sơ xóa tiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~** 1. Cơ quan, người có thẩm quyền đã nhận hồ sơ xóa tiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~phải thông báo cho cơ quan đã

	công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.	gửi hồ sơ để hoàn chỉnh khi hồ sơ chưa đầy đủ trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. 2. Người có thẩm quyền phải ra quyết định xóa tiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~hoặc thông báo không thuộc diện được xóa tiền thuế, ~~tiền chậm nộp, tiền phạt~~cho cơ quan đã gửi hồ sơ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.
6.5.20. Điều 91. Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.	**Điều 91. Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ** ...2. Doanh nghiệp kinh doanh ở lĩnh vực điện lực, xăng dầu, bưu chính viễn thông, nước sạch, tài chính tín dụng, bảo hiểm, y tế, kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh siêu thị, thương mại, vận tải hàng không, đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy và doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã ~~hoặc sẽ~~ thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương tiện điện tử, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, có hệ thống phần mềm kế toán, phần mềm lập hóa đơn điện tử đáp ứng lập, tra cứu hóa đơn điện tử, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử theo quy định và bảo đảm việc truyền dữ liệu hóa đơn điện tử đến người mua và đến cơ quan thuế thì được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. **Trường hợp các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh thuộc các lĩnh vực quy định tại khoản này đang sử dụng hóa đơn điện tử không mã nếu có các hoạt động kinh doanh khác thì cũng được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế** **Quy định tại khoản này không áp áp dụng đối với** trường hợp rủi ro về thuế cao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính, **trường hợp người nộp thuế đang bị cưỡng chế hóa đơn, đang tạm ngừng kinh doanh, bỏ địa chỉ kinh doanh** và trường hợp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.
6.5.21. Điều 127. Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế	Sửa đổi quy định nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi người nộp thuế.	**Điều 127. Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế** ...3. Quyết định cưỡng chế có hiệu lực thi hành **từ ngày ghi trên quyết định cưỡng chế đến khi người nộp thuế nộp đủ các khoản tiền thuế nợ, tiền phạt, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đến thời hạn cưỡng chế vào ngân sách nhà nước**; trường hợp cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thì có hiệu lực thi hành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định.**Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn cưỡng chế được tính là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó.**